

TCHYA

THẦN HỒ



HƯƠNG - LAN

THẦN HỒ

**TRẦN
ĐẠI ĐỨC TRẦN**

HƯƠNG LAN
xuất bản 1961

thần hổ

TchyA

Bìa: NXB Hương Lan

Nguồn: Internet

Trình bày: Muôn Phương

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

thần hồ

TCHYA
ĐÁI ĐỨC TUẤN

MỤC LỤC

Tựa	9
1. Biệt cố hương	25
2. Ma trành	107
3. Báo phục	225

LỜI TỰA



CHYA ĐÁI ĐỨC TUẤN
LÀ MỘT trong số ít tác giả
Việt Nam chuyên viết truyện kinh dị –
truyện kỳ thời trước 1945. Tác phẩm
của ông thường mang không khí rờn
rợn và liêu trai của những xứ đường
rừng heo hút. Bằng lối cấu tứ lớp lang,
mang tính nghệ thuật cao và bí hiểm,
ông luôn đưa người đọc đi từ ngạc
nhiên này đến ngạc nhiên khác. Các

tác phẩm phổ biến quen thuộc của ông như: Ai hát giữa rừng khuya, Linh hồn và xác thịt, Kho vàng Sầm Sơn, Thần hổ...

Trong đó, điển hình và độc đáo nhất chính là truyện Thần hổ, được bạn đọc nhiều thế hệ đánh giá là “Liêu Trai” của Việt Nam.

Thần hổ là tập truyện dài gồm 3 chương, song được cấu trúc như 3 truyện ngắn biệt lập: Biệt cố hương, Ma trành, Báo phục. Truyện đăng lần đầu trên Phổ thông bán nguyệt san, số 10, ra ngày 1 tháng 9 năm 1937. Nội dung cốt truyện gần gũi với những truyện truyền kỳ trong sách cũ và nhiều mẫu chuyện ly kỳ được lưu truyền trong dân gian các huyện miền

núi Thanh Hóa vào mấy thập kỷ đầu thế kỷ XX, mang không ít tình tiết thần bí hoang đường.

Mở đầu câu chuyện, ở chương Biệt cố hương (về sau đặt là Thần hổ), tác giả đã khẳng định vị trí oai linh của thần hổ trong tâm khảm người dân địa phương: “không nhà nào không đặt hương án thờ con hổ đó : người Mường nào cũng tin rằng hễ thờ nó, nó sẽ không làm hại đến và sẽ phù hộ cho làm ăn, cày cấy, được phát đạt dễ dàng. Mỗi năm bốn kỳ, họ mua trâu, dê, bò, lợn đem vào rừng cúng tế, rồi trói những con vật sống, bỏ nơi sườn núi vắng cho con hổ kia đến tha về tổ ăn dần. Tín ngưỡng của dân Mường, tuy vô lý, nhưng dựa vào kinh nghiệm : họ xét rằng, năm nào, vì sao nhãng,

dân làng không cúng vái hoặc mua lễ vật biếu Thần hổ, năm ấy tự nhiên mất mùa và hay có thiên tai. Bởi lẽ đó, họ thờ phụng con hổ sống kia như thờ một vị Thành hoàng, tuyệt nhiên không ai dám cả gan ngạo mạn hay láo xược với nó”.

Thế nhưng, đến một ngày kia, do lỡ ra tay xúc phạm, tàn hại Thần hổ mà mấy đời gia tộc nhà Đèo Lâm Khảng – một gia tộc lớn nhất vùng rừng Thạch Thành (Thanh Hóa) đều có người phải làm mồi cho hổ. Cách trả thù của hổ ứng với cách của người đã làm với hổ. Nghĩa là người nào của nhà họ Đèo đã bị hổ bắt thì cũng bị móc mất đôi mắt và bị cắn mất hai hòn ngọc hành để phải tuyệt đường sinh dục, truyền giống. Theo nhà văn Mai Ngọc Thanh (trong lời tựa Thần hổ, Nxb Thanh Hóa

tái bản năm 2007): “Điều này khiến ta nghĩ đến thuyết quả báo. Hổ là một lực lượng của tự nhiên. Con người đã xúc phạm, đã tàn hại tự nhiên thì sớm muộn chi tự nhiên cũng sẽ trả thù con người”.

Chung quanh những sự kiện kỳ bí của Thần hổ như: “tai nó thường hay vểnh lên lắng nghe thiên hạ bàn tán về nó”, “lúc là hổ nguyên hình, lúc lại biến thành người”, “hổ đã báo thù thì trốn đi cùng trời cuối đất vẫn không thoát”... được tác giả lý giải, đó là vì chung quanh Thần hổ, luôn có một đám yêu ma, tức “ma trành” vây quanh để điếm chỉ và mách bảo.

Ở chương Ma trành, TchyA nêu rõ, đó là loại hóa thân của những cái chết bất đắc kỳ tử mà xưa dân gian gọi

là dớp, dớp nhà, phải tìm mọi cách để tránh lặp lại với người sau. Peng Slao chính là con ma thành, về sau thoát được cảnh tội tở, hầu hạ cho Thần Hồ do đã tìm được người thay thế, người rơi vào cái dớp của kẻ trước. Slao có tiền duyên với Đèo Lâm Khảm, Nàng đã quyến rũ được họ Đèo vào ngôi nhà sàn của mình để được ân ái. Cuộc ân ái cuồng si giữa một kẻ là người và một kẻ là ma. Thế là Peng Slao được giải thoát. Cái tình của ma mà lại đắm say thắm thiết hơn cả tình người.

Ma thành là một chương mang tính huyền hoặc, liêu trai nhất trong tác phẩm Thần hổ, nhưng có lẽ nó cũng là phần mang tính tư tưởng sâu sắc nhất của truyện. Bởi lẽ, nơi đây, bạn đọc gặp gỡ xã hội ma và xã hội người chỉ là một. Ma, thần muốn diệt người nên người

muốn diệt ma, diệt thần. Có lúc ma lại giao tiếp với người, như là ma đã bắt lực trước sức sống của con người, nên chấp nhận chung sống, hòa hoãn. Cô nàng ma trành Peng Slao chính là lực lượng hòa giải ấy.

Ở chương Báo phục, người đọc cảm giác như Đèo Lâm Khảm nhờ sự giúp đỡ bởi phép thể thân của ma trành Peng Slao mà thoát khỏi nanh vuốt định mệnh Thần hổ. Y có nhiều vợ và đã có được nhiều con trai để nối dõi tông đường. Thế nhưng, Lâm Khảm vẫn chưa yên lòng. Y tìm đến bên nắm mộ Peng Slao bày tỏ: "...nó cũng sẽ chết vì tay anh, ngộ hầu mỗi oan nghiệt đến đây là đoạn tuyệt, không dây vướng mãi đời sau. Mỗi tử thù của anh sẽ được báo phục. Thần hổ cũng sẽ được hóa kiếp. Như thế, sẽ tránh khỏi oan oan

tương báo; sẽ tránh khỏi vòng nghiệp chướng lưu truyền”. Cuối cùng, sau khi lòng sục qua bao vùng rừng núi, Đèo Lâm Khảm cũng tìm gặp Thần hổ, lúc này đã tu luyện sắp biến thành tinh. Song tiếc thay, Lâm Khảm không hạ thủ được con ác thú ấy, nên y hiểu rằng, chẳng còn bao lâu nữa, mệnh y đến ngày đoạn tuyệt...

TchyA, tên thật **Đái Đức Tuấn**, bút danh khác là **Mai Nguyệt**. Ông sinh năm 1908, quê ở làng Ngọc Giáp, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. Xuất thân trong một gia đình quan lại, sau khi tốt nghiệp tú tài toàn phần, ông làm tham tá ở Nha học chánh Đông Dương từ năm 1930. Bắt đầu viết báo, viết văn từ 1935 cho các tờ Đông Tây, Nhật Tân,

Tiểu thuyết thứ bảy. Năm 1950 ông dạy học ở trường Quốc học Huế. Ông mất ngày 8 tháng 8 năm 1969 tại Sài Gòn.

Người chị đầu của Đái Đức Tuấn – bà Ngọc Chất là thân mẫu Lê Đỗ Thị Ninh, người vợ trẻ bé nhỏ và bạc mệnh của thi sĩ Nguyễn Hữu Loan trong bài thơ bất hủ Màu Tím Hoa Sim. Sinh thời, do tính giao thiệp ăn chơi rộng rãi, một thời gian dài TchyA sa ngã, trở thành tình nhân trung thành của Á Phù Dung nơi chốn Bình Khang. Ngoài các tác phẩm văn xuôi, ông còn là tác giả Thi tập Đầy Vơi, bao gồm thơ Quốc ngữ, và rất nhiều bài viết bằng Hán văn với Diễn Nôm, diễn Nôm nhiều bài Đường thi, trường thiên. Vào những năm 1956, ông cộng tác với các tờ báo ở Sài Gòn, viết những tiểu luận với đề mục Nói hay Đừng.

Cùng thời với TchyA, ở thể loại truyện kinh dị, có Thế Lữ với Vàng và máu và Trại Bồ Tùng Linh; Thanh Tịnh với Ngậm ngải tìm trầm; Nhất Linh với Bóng người trong sương mù và Lan rừng; Nguyễn Tuân viết Chùa Đàn, Cô Dó và Trên đỉnh non Tản; Tô Hoài viết Một đêm gác rừng... Tuy nhiên, khi viết về TchyA, Vũ Ngọc Phan đã đưa ra một vài nhận xét, chẳng hạn: “văn, thơ ông đượm rất nhiều phong vị cổ. Ở văn, gọt giũa quá, nhiều khi tai hại...”. Sau này, nhà nghiên cứu Nguyễn Vinh Phúc cũng có những đánh giá rập khuôn tương tự về văn của TchyA: “quá nặng màu sắc thần bí và định mệnh, văn chương lại xen nghị luận, giảng thuyết nên tư tưởng mà tác giả muốn gửi gắm không có gì đáng kể. May mà, cốt chuyện hấp dẫn, cách

kết cấu các chương khéo, phần đuôi của câu chuyện trước lại khởi đầu cho một câu chuyện ly kỳ khác ở chương sau"... Thế nhưng, đọc kỹ lại toàn bộ tác phẩm TchyA, nhiều người e rằng, phải chăng những lời như vậy có phần thiếu công bằng, gây bất lợi cho ông, khiến hàng loạt tác phẩm độc đáo của ông ít được nhắc đến suốt nhiều thập niên qua.

Gần đây, khi Công ty văn hóa truyền thông Võ Thị ra mắt tập truyện của TchyA Đái Đức Tuấn, nhà văn Võ Thị Hảo nhận định, tác phẩm của TchyA Đái Đức Tuấn viết từ mấy chục năm trước nhưng bị lãng quên, vì thế chúng khá hút khách khi xuất hiện trở lại.

Tác giả Hoài Anh cũng không đồng tình về ý kiến của nhà văn Vũ Ngọc Phan khi dẫn chứng: “TchyA muốn cho người ta tin rằng có những việc quái đản trong thế giới loài người bằng lời nghị luận, ông muốn đánh vào lý trí người ta, nên ông không thành công. Trái lại, Bồ Tùng Linh hay Hoffmann đều chỉ nhằm vào cảm giác, vào chỗ xúc động, vào những tính di truyền của người cổ sơ ở người thời nay, để vẽ vờ cảnh vật bằng những nét mập mờ, nên đọc họ, người ta thấy đầy thơ mộng mà vẫn rung mình sởn óc”. Theo Hoài Anh: “Ở đây, Vũ Ngọc Phan nêu hai mẫu mực của tiểu thuyết truyền kỳ là truyện của Bồ Tùng Linh và truyện của Hoffmann. Nhưng thực ra quan niệm về truyền kỳ của phương Đông và phương Tây có khác nhau”.

Trong khi đó, một bạn đọc nêu rõ: “Tác phẩm của TchyA Đái Đức Tuấn cũng đã có mặt từ lâu nhưng bây giờ mới được đọc, và thực chất cũng khá cuốn hút. Nếu như trước đây chỉ quen đọc truyện kinh dị của nước ngoài thì tập truyện này đem lại chút gì đó vừa mới mẻ vừa thân quen do toàn bộ nội dung mang đặc chất Việt Nam, không phải là loại hồ ly biến hình như trong Liêu Trai Chí Dị, cũng không phải là ma cà rồng hút máu người như trong truyện phương Tây”.

Về bút danh TchyA của Đái Đức Tuấn, lâu nay thường được diễn giải là viết tắt từ các cụm từ: Tôi chẳng yêu ai, Tôi chưa yêu ai, Tôi chả yêu ai, hoặc Tôi chưa hề yêu ai... Thế nhưng, có người cho rằng chữ A trong bút danh phải được viết hoa mới đúng theo ý của Đái

Đức Tuấn. Trước kia, Tạ Tỵ khi vẽ chân dung ông Tuấn đều ghi rõ bút danh của Đái Đức Tuấn là TchyA.

Thế nhưng, trong Nhà văn hiện đại của Vũ Ngọc Phan (NXB Sống mới, Sài Gòn, 1959, tr.985) và các bộ sách từ điển văn học được xuất bản gần đây, như Từ điển Văn học (bộ mới), Từ điển tác gia Văn hóa Việt Nam (NXB VH-TT, Hà Nội, 1999) lại đều ghi là Tchya. Nếu như thế thì phải viết Tchya, chứ không phải TchyA, với chữ A cuối cùng viết hoa.

Một người cháu của Đái Đức Tuấn khẳng định: lúc là trai tơ hào hoa phong nhã, ông say mê một mỹ nhân của Hà Thành, tên Bích Ngọc, có nét đẹp Tây phương, bấy giờ được tặng tên là Angèle. Tình yêu đầu tiên với người

đẹp, đã khiến chàng phong lưu công tử chọn bút hiệu của mình một cách độc đáo Tuấn (hay Tôi) chỉ yêu Angèle, tức TchyA. Trên Báo Phổ thông, ông Nguyễn Vỹ có giải thích: Angèle là một cô Đầm lai.

PHƯƠNG MAI

<https://vanngheданang.org.vn/than-ho-truyen-kinh-di-dac-sac-cua-tchya-dai-duc-tuan-4339.html>

BIỆT CỐ HƯƠNG

1.

NGUỜI ẤY KHÔNG PHẢI
LÀ một người Mường.
Nhưng họ hàng anh ta di cư lên ở
huyện Thạch Thành đã khá lâu, nên
dần dà, chịu ảnh hưởng của thủy thổ,
của hoàn cảnh, của phong tục, người
ấy cũng hóa ra Mường.

Tên anh ta là Lâm Khảnh. Đèo Lâm Khảnh.

Cả biết trước kia, ông tăng tổ khảo anh ta họ gì – xem trong gia phả nhà Lâm Khảnh chỉ thấy chép dòng họ anh ta vốn nòi người «dưới chợ», – song vì đâu Lâm Khảnh mang một tính danh Muờng, cái đó anh ta không rõ. Có kẻ bảo – kẻ ấy là ông nội Khảnh: họ Đèo xưa kia là họ Trịnh, – một chi nhánh họ Trịnh, – sau khi nhà Trịnh bị nạn diệt vong là chúa Trịnh Khải cắt cổ tự tận, sợ quân Tây Sơn lòng bắt nên vội vã chạy vào Thanh Hóa, lên ẩn nấp trên miền thượng du, và đổi tên họ để khỏi lo hậu hoạn. Đấy chỉ là một lời phỏng đoán, song lời phỏng đoán đó có nhiều lẽ khiến ta phải tin là đúng sự thực. Sở dĩ gia phả họ Đèo không chép dòng họ đó là dòng quý phái, là họ Trịnh cải đi,

bởi lẽ những tổ tiên Lâm Khảng sợ có kẻ thù theo đuổi nã tróc, không dám lộ chân tính, phải giữ bí mật hòng bảo tồn lấy dòng giống sau này.

Từ năm sáu đời nay, họ Đèo an cư lập nghiệp trên một chiếc đồi con, thuộc về huyện Thạch Thành. Chỗ đó phần nhiều là rừng núi, ít người kinh thành đến ngụ, chỉ có toàn dân Mường sinh hoạt mà thôi. Đáng lẽ Lâm Khảng cũng theo ý chí tổ tiên, không bao giờ rời bỏ nơi đã chôn rau cho chàng, nhưng chàng hiện nay đương bị một kẻ thù độc ác dữ dội theo đuổi, chàng không thể yên thân được nữa, bắt buộc phải bỏ làng lên tỉnh thành nương náu ngõ hầu tránh sự hiểm nghèo.

Nếu kẻ thù của Khảng là người, thì chàng đã không sợ lắm, sức chàng

khỏe mạnh và chàng lại thông minh, tự lượng có thể đối chọi với đồng loại được. Tiếc thay kẻ thù của chàng không phải là người, nó là một con vật, một con vật đã thành tinh, mà dân huyện Thạch Thành kinh sợ như một vị thiên thần tái thế. Không nhà nào không đặt hương án thờ con hổ đó: người Mường nào cũng tin rằng hễ thờ nó, nó sẽ không làm hại đến và sẽ phù hộ cho làm ăn, cày cấy, được phát đạt dễ dàng. Mỗi năm bốn kỳ, họ mua trâu, dê, bò, lợn đem vào rừng cúng tế, rồi trói những con vật sống, bỏ nơi sườn núi vắng cho con hổ kia đến tha về tổ ăn dần. Tín ngưỡng của dân Mường, tuy vô lý, nhưng dựa vào kinh nghiệm: họ xét rằng, năm nào, vì sao nhãng, dân làng không cúng vái hoặc mua lễ vật biếu Thần hổ, năm ấy tự nhiên mất mùa và

hay có thiên tai. Bởi lẽ đó họ thờ phụng con hổ sống kia như thờ một vị Thành hoàng, tuyệt nhiên không ai dám cả gan ngạo mạn hay láo xược với nó.

Họ tin rằng những con cọp thường là những vật «thiên lý nhĩ», nghe được ngàn dặm, ai nói gì động tới chúng nó, chúng nó đều biết cả. Nhưng trời lại phú cho cái tật hay quên, hễ đụng tai vào một cành cây, vào một chùm lá, là quên bẵng hết, không nhớ gì nữa. Duy có Thần hổ thì không thế.

Thần hổ hiểu hết, nghe hết, biết hết.

Ai nói gì động đến nó, nó báo thù ngay. Láo xược vừa vừa, thì nó bắt một con lợn hay một con bò cho biết tay; chửi rửa hay khinh nhờn nó quá, nó

sẽ rình chờ, rồi cắn chết. Nó là một con hổ xám, da không vàng như da các con hổ khác. Nó lại to hơn các vật đồng loại, mình nó thì vằn trắng và đen. Trên trán có lượt bờm lông trắng xoá; hai mắt sáng quắc như điện, vuốt dài và rất nhọn, tiếng kêu lại lạnh lạnh như chuông, không trầm trầm và vẫn đục như các hổ vàng. Đồn rằng tai nó thường hay vểnh lên lắng nghe thiên hạ bàn tán về nó: trong lỗ tai nó có hơn trăm vết đỏ, chứng rằng nó đã ăn thịt hơn một trăm người. Phàm già trong loài hổ, tục truyền rằng mỗi lần bắt được một người, trong tai lại có thêm một vết đỏ; con nào bình sinh gồm đủ trăm vết, thì sẽ được thành tinh, và nếu có phúc phận, sẽ sống lâu đến vài trăm tuổi. Từ sắc vàng, hổ yêu sẽ thay lông ra sắc xám, khi nào sắc lông trắng toát, ấy

là lúc được làm chúa các loài hổ trong rừng.

Lâm Khảm, không may, là một kẻ thù của thần hổ xám. Vì thế, chàng không dám ở lại Thạch Thành nữa, phải bỏ quê hương đi trốn nạn ở phương xa. Mối thù của Lâm Khảm đối với hổ xám, cũng như mối thù của quái vật ấy đối với chàng, là một mối tử thù, một mối thù «bất cộng đái thiên». Nguyên nhân mối thù đó rất lạ lùng bí hiểm.

Con hổ xám kia ngày nay bị chột mất một mắt, và – xin lỗi các bạn độc giả – bị cụt mất dương vật. Sở dĩ nó hóa ra tàn tật, cũng bởi tổ phụ Lâm Khảm, một nhà thiện xạ giỏi săn bắn, đã làm cho nó trải qua một phen «thập tử nhất sinh». Câu chuyện này kể ra rất dị kỳ, mà cũng tức cười vỡ bụng. Nguyên quan

huyện sở tại cùng phu nhân là một đôi vợ chồng mộ đạo, hay đi lễ bái ở các đền chùa. Gần huyện Thạch Thành có Phố Cát là chỗ thờ tự rất thiêng, mà phong cảnh lại ngoạn mục. Nhưng đường đi sang Phố Cát rất gập ghềnh, hiểm trở, thuở xưa đường chưa mở rộng cho xe cộ và ô tô qua lại, nên đường bộ phải đi ngựa, đi cáng và đường thủy phải đi thuyền. Một lần cùng phu nhân tới Phố Cát, quan huyện bị một phen kinh hồn táng đờm, vì giữa đường, cách ngài cùng cáng phu nhân có hơn mười bước, một ông «ba mươi» ngồi chễm chệ vẩy đuôi chơi. Con hổ ấy lại rất lớn, da nó nửa vàng, nửa xám trông rất đẹp, nó ngồi trên một chiếc cầu nhỏ bắc ngang qua suối, quay lưng lại phía quan quân. Quan huyện lúc bấy giờ luống cuống không biết làm thế nào.

May sao có một tên lính lệ can đảm, bảo phu đồ lại rồi vội chạy vào bụi chặt một cây vầu dài và lớn, vặt cho hết lá và cành nhỏ, dùng cây vầu ấy làm một ngọn roi quất vào đít hổ. Đánh đuổi hổ như thế là một sự rất nguy hiểm, vì lỡ ra, nếu hổ ngoái đầu lại trông thấy người, tất điên tiết xông vào vồ, thì có kẻ thiệt mạng. Vì thế quan huyện bèn nghĩ ra một chước lạ; ngài cho hai tên lính khiêng trống cái đứng lên mé trên (quan đi đến đâu vẫn thường có tiền hô hậu ủng), rồi một tên nữa cầm dùi trống đợi sẵn. Xong đâu đấy, kẻ cầm cây vầu vác roi rón rén lại sau lưng hổ. Còn cách độ năm sáu thước tây nữa, kẻ ấy giơ thẳng tay giáng vào lưng mãnh thú một roi. Liên lúc ấy, ba tiếng trống kinh thiên động địa làm cho hổ phải giật mình kinh khủng, không có thì giờ

quay đầu trông lại, chỉ kịp nhảy chồm lên rồi cúp đuôi chạy thẳng vào rừng.

Thế là quan huyện thoát nạn. Nhưng cách đấy mấy tháng sau, ngày mội mình cưỡi ngựa sang Phố Cát, đến gần chỗ đầu cầu, lại vẫn gặp con hổ cũ ngồi chắn ngang đường, trên dòng suối. Ngựa thấy hổ cuống lên rúc đầu vào bụi, chân sau cứ đá ngược lên, suýt nữa làm ngã quan huyện. Lần này quan đi không có nhiều lính theo sau hộ vệ, không có chiên trống như mọi khi, nên bất đắc dĩ quan phải quay ngựa, rồi phi nước đại, trở về. Quan gặp phải hai lần sợ hãi nên rất lấy làm tức bực; không những tức, còn sợ thay cho tính mệnh nhân dân. Ngài bèn đem chuyện ấy kể lại cho một ông bạn thân của ngài, nhà thiện xạ Đèo Văn Bình.

Ông Bình vốn là một nhà hào phú trong huyện. Vừa có óc thông minh lỗi lạc, ông vừa có sức khỏe hơn người, và, thêm nữa, ông thạo đủ các món võ nghệ, lại lành nghề săn bắn những ác thú trong rừng. Nghe quan huyện phàn nàn về nổi hổ hay chặn đường lên Phố Cát, ông Bình tình nguyện làm mất hẳn sự nhùng nhể ấy đi. Rồi ông cáo từ lui ra.

Về nhà, trước tiên ông cho gia nhân đi dò xem con hổ kia hay đến ngôi trên cầu vào khoảng giờ nào, và nó đến đấy để làm gì. Nửa tháng sau, tên đầy tớ về báo rằng con mãnh thú ngày nào cũng đến ngôi trên dòng suối, ngoảnh đầu về phía núi trước mặt, từ cuối giờ Mùi đến quá giờ Dậu. Nó đến đấy, cốt để rình một đàn sơn dương ẩn nấp trên đỉnh núi, thường hay lớn vồn xuống

chân núi kiếm ăn và xuống suối uống nước lúc mặt trời sắp lặn.

Biết rõ ràng như thế, ông Bình bèn nai nịt gọn gàng, vác súng đi sang Phố Cát.

Gần đến chỗ hổ phục, ông lên một gò đất cao, ẩn mình trong bụi rậm, ngồi rình. Quả nhiên đến cuối giờ Mùi, con hổ từ từ tiến lại bờ khe, bước lên cầu, ngồi chễm chệ nhìn lên sườn núi. Ông Bình ngồi cách con ác thú ấy chừng non hai mươi thước tây, nó không trông thấy ông, vì nó nhìn về phương Bắc còn ông nấp ở phương Tây. Nếu ông bắn, hòn đạn sẽ trúng nó dễ dàng, nhưng chỉ xuyên vào mang tai, vào cạnh sườn hay mạng mỡ. Khẩu súng hỏa mai ông đeo trên vai không phải là súng tốt, bắn đến ba mũi chưa chắc đã giết được

con hổ nếu những viên đạn không trúng vào các chỗ hiểm trên đầu. Có bắn cũng chỉ tổ làm cho con vật hăng tiết, nhảy xổ lại chỗ ông ngồi để cấu xé ông. Chỗ ấy không có cây to, chỉ toàn những đám sậy thấp. Thế đất đã không được lợi, mà loài hổ kia lại một con thú to lớn, mạnh mẽ vô cùng. So với các hổ thường, nó phải liệt vào hàng chúa tể, vì thân hình nó trông lực lưỡng và béo tốt hơn đồng loại của nó nhiều. Đến lông lá nó cũng khác. Nó tất phải là một con hổ đã già, đã lão luyện, bởi lẽ lông nó gần xám cả, không vàng như lông các hổ thường. Suy đi tính lại, ông Bình không dám hạ thủ ngay, ông đi bắn đã sành nên biết rằng đối với một con cộp gần thành tinh (như con cộp ông định giết), ông phải cẩn thận lắm, phải dùng mưu kế và thủ đoạn mới có

thể mong toàn thắng được. Kẻo nếu lỡ tay, đã không hại được nó, mà chỉ tổ làm cho nó thù ông, tìm cách hại ông và họ hàng nhà ông nữa. Như những người Mường khác, ông Bình tin rằng giống cọp thiêng lắm; nó cũng như voi, như rắn, biết nhận được kẻ hại mình, rồi đối với kẻ ấy, hoài bão một mối thù rất sâu xa và tàn ác, thế nào cũng tìm cách hoặc tìm dịp báo thù cho kỳ được mới nghe. Bởi thế ai lỡ phạm đến oai hổ – nhất là Thần hổ xám vừa linh, vừa lắm mánh khéo hại người – ắt sẽ bị con ác thú ấy thù rất sâu, và làm cho phải chịu nhiều nỗi thương đau điều đúng.

2.

XINHĨ VẬY, KHÔNG DÁM ĐÁNH BẠO hấp tấp, ông Bình đành nén giận, lủi thủi vác súng trở về. Về đến nhà, ba ngày ba đêm, ông mất ăn mất ngủ; không phút nào ông không nghĩ kể trừ mối hại cho dân hàng hạt được bình yên. Mãi đến ngày thứ tư, một buổi sáng sau khi ngắm nghía hết sức kỹ càng địa thế của trường đấu chiến, sau khi đứng trên bờ suối nhìn kỹ tám cầu tre đến hơn mười lượt, ông Bình mới vỗ trán một cách sung sướng

và đặc chí: ông đã tìm ra một kế tuyệt diệu, phi thường.

Vội về nhà, ông cho gọi con trai lớn của ông là Đèo Thắng Mãnh, một trang thiếu niên khôi ngô tuấn tú, lực lưỡng và đỏ xạm như đồng đen. Ông Bình thì thầm vào tai con mấy câu: cậu cả Mãnh nghe xong thì phớn phở ra đi, vừa đi vừa cười tủm tỉm. Ông Bình lại gọi đứa con nhỏ của ông – ông vốn chỉ có hai con trai, không có con gái – là Đèo Lâm Phá, cũng to lớn lực lưỡng như anh, năm ấy mới hai mươi một tuổi. Ông dặn Phá vài lời quan trọng, thấy Phá cũng hớn hở ra đi. Xong đâu đấy, ông thay quần áo, mặc một bộ y phục màu lam, bó chèn lấy thân thể; ông lại vào lục dưới đáy hòm bọc (tức là cái giường vừa dùng làm rương để đồ đạc) lấy ra ba con mã tấu ngắn, đem

mài sáng quắc, rồi ông quấn một vòng khăn đầu rìu, thắt một chiếc dây lưng màu đỏ sặc sỡ, xỏ chân vào một đôi giày Tàu tết bằng cỏ, ông lại lấy ra một chai nước gì không hiểu, đổ nước vào bát, xoa hai ba lần vào bàn tay, cánh tay, cổ tay và xoa lên mặt. Sắm sửa cẩn thận xong xuôi, ông Bình rút trên liếp một cái tù và bằng sừng trâu, thổi lên một tiếng to, rồi buộc tù và bên cạnh sườn. Tức thì ở dưới nhà chạy vội lên một người ăn mặc một cách lạ lùng vô kể. Người ấy trông như một hình nhân bằng rơm hay bằng cỏ, như một thứ bồ nhìn to lớn hơn người thường, và cử động rất lanh lẹ. Người đó toàn thân mặc một thứ quần áo kỳ dị, làm bằng thùng cối, từng vòng tròn một xếp lên nhau.. Ta cứ tưởng tượng thẳng người «Michelin» [Hình người quảng

cáo của hãng cao su Pháp Michelin] mặc áo làm bằng bánh ô tô ta sẽ trông rõ rệt hình ảnh của người bồ nhìn kỳ dị đó, nếu ta đem thay những bánh cao su tròn bằng những vòng thùng hoặc chảo. Người ấy chỉ để lộ ra ngoài có đầu, hai tay và hai chân. Cứ như lời thuật lại của Lâm Khảm sau này, thì người đó trong có mặc một lượt quần áo bông chen nữa, hóa nên to lớn trông như con bò mộng. Trên đầu, hắn ta bịt một vành khăn vải rất dày, che kín cả tai cả cổ, chỉ để lòi ra bộ mặt đen sạm, nhưng hồng hào, cương quyết vô cùng. Chân hắn ta cũng đi một đôi hài cỏ như đôi hài của ông Bình. Cũng như ông Bình, hắn thắt ngang lưng một chiếc thắt lưng sắc sỡ; buộc vào chiếc dây lưng đó, mé bên phải, một cuộn mây rất dẻo và trông vẻ rất bền. Nếu ta không trông thấy hai

con mắt tinh anh, rất sáng, và có cái miệng rất duyên, để lộ hàm răng trắng nuột, thì ta không thể đoán biết người vạm vỡ ăn mặc kỳ lạ đó là ai. Nhưng lúc nhìn kỹ, nhận thấy nét mặt rắn rỏi, nước da trơn bóng và vẻ thông minh, sắc sảo từ trong đồng tử chiếu ra, ta biết ngay người đó là Đèo Thắng Mãnh.

Tiếng tù và thổi lên vừa dứt, Mãnh ở dưới nhà nhô lên, cùng ông Bình đi ra ngõ. Duy có Lâm Phá thì không trông thấy tăm hơi đâu cả. Hai cha con Thắng Mãnh cùng lên ngựa đi về mé Phố Cát. Lúc ấy độ hai giờ chiều. Gần đến chiến địa, tức là chỗ cọp hay xuống, đến một quãng đường quặt trên sườn núi, hai cha con nhìn thấy một con dê bị buộc mõm treo trên cành cây cao, một quả gấc sắp chín, cũng buộc lưng lửng vào cành cây ấy, và trên thân cây, một cái

búa sắt cắm sâu vào gỗ. Tức thì, cả hai cùng xuống ngựa, đem ngựa giấu trong một cái hang gần đó, buộc vào chỗ kín; rồi ông Bình treo lên cây bắt con dê xuống, mang nó sang phía bên kia cầu, buộc chân nó vào một cái cọc cắm sát mặt đất, làm hình như nó bị vướng chân ở đó, lại mở dây trói mõm ra, thả cho nó kêu «be be» inh ỏi. Công việc vừa xong, ông Bình vội lủi vào trong bụi ngồi nấp. Thắng Mạnh theo cha, cũng nấp ở gần đó độ vài thước.

Đợi ngót nửa trống canh, vào khoảng giữa giờ Thân, một tiếng gấm inh ỏi, trong lạnh lạnh như tiếng khánh, làm tạo hóa phải giật mình kinh hãi. Những loài chim chóc, đương ríu rít kiếm ăn, rào rào vỗ cánh bay đi chỗ khác, những loài chồn, loài thỏ vội chui rúc vào lỗ, không dám lộ đầu ra

ngoài. Con nào vô phúc chạy bị vấp, thì đành chống ngược bốn vó lên trời, kinh khủng đến cực điểm, không lê đi được bước nào nữa, cứ đành run lấy bầy mà liều với số mệnh.

Một mùi hôi thối nồng nàn, sặc sụa, xông lên mũi hai cha con họ Đèo, tựa hồ tất cả găm không khí bao bọc khu rừng toàn bị mùi hổ làm cho nhớ nhớp. Một cái bóng lù lù tự phía Đông Nam đi lại, ở trong một bãi sậy nhô ra. Cái bóng ấy vươn mình mấy lượt; mỗi một lượt vươn tấm hình hài vừa dài vừa to lớn, là một lần cúi găm mặt xuống đất, ngáp một cái dài. Rồi những tiếng «à uôm» vang trời nổi theo những cái ngáp dài ấy. Hai cha con Thắng Mạnh nhận biết Thần hổ xám, con hổ đã làm cho cả huyện Thạch Thành kinh sợ hơn sợ Thánh, sợ Trời. Con vật đã làm

cho nhân dân huyện ấy không lúc nào làm ăn mà không nơm nớp lo ngại. Hai cha con lại hiểu rằng tục truyền không phải toàn những lời sai ngoa vô bằng cứ. Phàm trong loài cọp, không con nào lúc ngáp dám ngửa mặt lên trời. Bởi lẽ mồm cọp rất hôi; tung hơi bắn lên mặt Thượng đế là một sự tối vô lễ; những con mãnh thú trước kia làm vô ý như thế, đều bị Thiên lôi dùng lưới tầm sét đánh cho tan nát hình hài. Cho nên ngày này, những con mãnh thú ấy, – nhất là hổ – rất sợ sấm sét, và không khi nào dám ngạo mạn tuôn ám khí lên mây nữa.

Nhưng đó là một phương diện khác. Lúc hai cha con họ Đèo thấy hổ xám tiến lại, cả hai cùng nép mình yên lặng, thu hết can đảm và nghị lực, ngồi chờ. Hổ từ từ vừa vươn vai vừa đi lại

phía Bắc, nghĩa là lại mé đầu cầu. Bên kia cầu, trước mặt hồ, là một rừng cây rậm rạp mọc ven sườn núi, chỗ ẩn thân của hai cha con nhà thiện xạ. Gần đến cầu, hồ đứng dừng lại như bị một mãnh lực gì ngăn cản. Mãnh lực ấy là sự sung sướng bất được mỗi, nó cũng là sự ngạc nhiên. Vì ngay trước cầu, dưới mắt hồ, một con dê rừng con, kinh hoàng, đương nhảy cuống cuống nhưng không thể làm sao giật đứt được sợi dây trời buộc chân vào cọc. Nhảy lông mõi vẫn vô hiệu, tiểu sơn dương đành phủ phục chịu số mệnh trước mặt chúa sơn lâm, hai mắt như van lơn, mồm tuôn đầy bọt dãi, trông rất thương hại. Hồ đứng yên hồi lâu, nhìn ngang ngửa như e ngại có kẻ lừa dối mình, rồi chú ý trông thẳng vào miếng quà ngon quý. Miếng quà ấy, chịu không nổi mãnh lực thôi miên của

đôi đồng tử sáng ngời điện tuyến, mềm nhũn ra như một cái xác không xương. Hồ bèn tiến lại gần, giơ chân trước và cho một cái, ngửi một lúc, rồi định tha mỗi quay trở vào bụi, ngồi thong thả gặm từng tí một cho hả cơn thèm thịt nồn nà. Nhưng, vả chết mỗi thì dễ, tha nó đi lại hơi khó một chút.

Bởi lẽ con dê kia bị vướng dây buộc chắc chắn chân sau vào cọc đóng sâu xuống đất đến non ba bốn gang tay. Hồ đành phải cắn chân dê cho gãy, bỏ chân vướng lại ngỗ hầu ngoạm xác mang đi. Đương cặm cùi làm nốt việc cuối cùng ấy để được hưởng giờ khoái lạc thì, bỗng đâu, một vật gì rất kỳ dị tự trong bụi nhả xô ra, bước qua cầu, vút vào mặt hồ một miếng quái gì không rõ, tròn như quả bóng mà xanh xanh đỏ đỏ, hay hay. Hồ giật mình, nhả mỗi

lùi lại phía sau, đứng giương mắt thôi miên vật ấy. Vật ấy như không sợ đôi mắt long lanh của hổ, cứ sấn lại, nhắt lấy xác dê. Hổ vừa điên tiết, vừa tức nổi bị tranh mất mồi, nhảy chồm lên, xông lại vỗ con vật bất nhã ấy. Lạ quá nhảy lại đến gần nó, thì con vật đó lại nhào đi, tránh né rất tài tình. Trông cái thân hình múp míp và tròn trùng trục như cối xay kia, ai bảo con vật quái dị đó lại nhanh đến thế! Nó cứ thoăn thoắt nhảy đi, nhảy lại làm cho hổ càng ngày càng nóng máu, điên cuồng. Hổ hết vỗ lại đứng nhìn, hết nhìn lại vỗ, nhưng không tài nào cướp được mồi và vả chết được cừu địch. Tranh đấu như thế được ít lâu: sang giờ Dậu thì hổ như hơi chán hơi mệt, bởi lẽ những cái vỗ, những cái chồm nặng nề, cố sức của mình đều vô công hiệu cả. Sau cùng, dẫn đo lừa

miếng mồi, hổ mới nhảy bắt được con vật ăn cắp dê. Con vật đó tựa như bằng lòng để hổ vỗ mình; nó cúi đầu chạy tuột vào bụng hổ, cho hổ ngồi đè lên nó gọn thon lớn.

Con vật ấy là Đèo Thăng Mãnh, người mặc áo kết bằng chảo đỏ.

Thăng Mãnh vừa lừa dịp chui vào ngồi chồm hồm dưới bụng hổ, trong bụi lại thấy nhảy vút ra một người ăn mặc gọn gàng, thắt dây lưng đỏ chóc. Người ấy là ông Bình. Cọp chưa có thì giờ cúi xuống cắn xé Mãnh, thì ông bố mãnh đã nhảy vọt qua cầu, sang tới trước mặt nó. Ra đến ngoài, ông dùng ba con mã tâu sáng quắc, cứ vờn đi vờn lại trước mặt hổ, bắt hổ phải kinh ngạc, sợ hãi nhìn những khí giới sáng lóe ấy. Quả nhiên, hổ không dám cúi

đầu xuống thật; muốn cúi xuống lại sợ trong khi vô ý, kẻ múa đao kia thừa cơ đâm một mũi mã tấu vào mặt mình. Vì thế, chúa sơn lâm cứ phải瞪 mắt chăm chú nhìn ông Bình giữ thế thủ, không dám khai thế công. Trong khi ấy, Mãnh, mặc áo nịt kỹ càng, không sợ gì rằng nhọn và vuốt sắc nữa, cứ việc ngồi điềm nhiên thu mình dưới bụng hổ. Đáng lẽ, nhân khi hổ mãi nhìn ông Bình, Mãnh phải thừa cơ mở cuộn dây trong người ra buộc lấy hai chân sau loài ác thú. Nhưng Mãnh mặc áo quần nhiều quá đến nỗi người to như cối xay, ngồi trong lòng hổ không tài nào cử động được. Biết việc buộc chân làm không nổi, Mãnh sẽ dịch một chút lên phía trước cố ý làm cho hổ thấy mình cựa. Hổ tuy thấy động nhưng cũng không dám cúi nhìn, lại phải nhồm

đít lê lên một tí, nhốt chặt Mãnh vào khoảng giữa bốn chân mình, không cho Mãnh trốn thoát. Ông Bình hiểu ý, vừa múa đao, vừa lùi về mé cầu một bước, Mãnh lại làm ra bộ muốn trốn, tiến lên một vài tấc. Hổ lại xê lên một chút để giữ lấy môi. Ông Bình cũng lùi lại phía sau một bước nữa. Dần dà cứ thế mãi, cả ba, độ một giờ sau, cùng ở trên mặt cầu. Hổ đến ngồi chỗ vẫn thường ngồi mà không biết. Lúc hổ đã tới chỗ ấy, thì Mãnh chịu khó ngồi yên, không cựa nữa mà ông Bình cũng không lùi nữa. Chỗ hổ ngồi là một lớp sàn, làm bằng tre hoặc luồng, chấp lại như một cái bè dài, dùng làm cầu bắc ngang qua khe suối. Thế tất những quăng giữa hai cây tre chấp lại là một khe hồng dài làm cho ta đứng trên cầu, có thể trông suốt được xuống đến mặt suối. Những

đường kẻ ấy, có chỗ bề rộng đến hơn một tấc ta. Chỗ Thần hổ ngồi, có một đường hở to như thế. Hai cha con Mãnh cố ý làm cho hổ ngồi đúng giữa đường hở ấy, Mãnh lại khôn khéo cố lết mãi lên gần hai chân trước của hổ, ép mình sát vào hai chân ấy, chỉ cốt để mé dưới bụng hổ được thành thơi. Mãnh làm như thế, không phải không có ý định. Nguyên xưa nay Thần hổ xám vẫn có một vết rất xấu, là mỗi lần đến ngồi trên cầu tre, thì thường hay ngồi vào chỗ có kẽ hồng, rồi thả dương vật vào cái khe hồng ấy, cọ đi cọ lại cho đỡ ngứa, tự lấy thế làm khoái lạc vô cùng. Đó là một thói thường của hổ, tỷ như thói gãi tai của loài chó, hoặc thói gãi bẹn của giống hươu. Biết được thóp ấy, ông Bình cốt lừa hổ đến ngồi ở chỗ cũ, để bắt nó thế nào cũng phải chết sau

khi chịu một phen cực khổ ê chề.

Ông Bình thân nhiên dùng ba con mã tấu liệng lên, tung xuống chập chờn vờn múa trước mặt chúa sơn lâm. Trong khi ấy con trai lớn của ông, Đèo Thằng Mãnh, ngồi thu hình nép vào hai chân trước của hổ. Không mất một phút nào vô ích, khi Mãnh đã biết rõ hổ ngồi đúng giữa kẽ hồng, hấn vội vàng tháo cuộn song trong người, buộc một đầu rõ chặt vào dây lưng mình rồi đo dần tử tế, lại buộc nốt đầu kia vào một cây luồng lớn giữa sàn cầu. Hấn tính trước: nếu nghiêng mình nhảy xuống khe, tất sẽ ở lưng chừng khe, không sợ đập đầu vào đá. Từ mặt cầu xuống đến khe có hơn hai mươi thước ta (nghĩa là tám thước tây) mà khoảng song chỉ có độ già mười thước. Mãnh buộc cẩn thận đầu dây xong xuôi cả, lại ngồi yên

độ một khắc còn con. Rồi bỗng hần nhét hai ngón tay vào mồm, huýt một tiếng còi lạnh lạnh. Tiếng còi ấy vừa phát ra, một cảnh kinh hồn táng đờm bỗng theo tiếng còi, hiển hiện trên mặt cầu.

Thần hổ đương ngồi giương mắt, chăm chú thôi miên ông Bình, nghe tiếng còi tự nhiên hoảng hốt, nhảy chồm lên phía trước, tưởng chừng muốn xông vào ông Bình, xé tan ông ra muôn mảnh bằng những vuốt nhọn hoắt và những răng nanh nhe ra một cách gớm ghê. Hổ bắn lên đằng trước mạnh như một quả núi con văng lại, nhanh như một mũi tên bay. Sức mạnh của sự văng mình ấy rất lớn, đà cũng rất khỏe, khiến cho những vật cản đường hổ, không vật nào không phải tan tành. Nếu ông Bình vô phúc đụng phải động

lực hăng hái ấy, ông tất không không tài gì tránh được nạn ngã vào sườn núi đến nổi dập óc tan xương. Nhưng, tuy đã già, ông là một người rất lanh lẹ. Không những ông tránh khỏi hổ vồ trúng, ông lại còn đủ can đảm và dũng cảm, đứng cách sự chết chỉ có độ hơn mười bước, ngấm đúng mặt hổ phóng cả ba thanh mã tấu, xong đâu đấy mới chịu nép mình nằm rạp xuống, lộn năm sáu vòng cho xa tầm nanh vuốt của loài ác thú. Ba con dao ông bay lại đều rầm rập như ba mũi tiêu thép, ta chỉ thấy sáng loang loáng, xoang xoảng, trong khi nghe hổ gầm lên một tiếng đau đớn vang trời. Những việc này tuần tự xảy ra chỉ có trong nửa khắc cón con, lấy mắt nhìn không trông thấy rõ hết được. Chỉ vụt như một luồng chớp sự vật đã thay cả.

Tiếng còi của Thắng Mãnh vừa thoát, hổ gầm lên dữ dội; nhảy vút lên cao, chụp vào đầu ông Bình. Sáng loáng ba mũi dao. Ông Bình ngã xuống đất lộn mấy vòng. Hổ bay đi, dao bay lại.

Loảng xoảng. Ââ... uôômm. Máu trong mình hổ vọt ra, đỏ ngầu, tia xuống đất. Ngoảnh đầu lại Thắng Mãnh đã ở lưng chừng khe thẳm, bám vào sợi song lủng la lủng lảng. hai chân lỏng thông giữa trời. Nhìn lên cao, ông Bình đã ngồi chồm chồm trên một cành cây chót vót từ lúc nào không rõ. Con hổ vỗ huyệt tức tối lắm, lại gầm lên một tiếng nữa. Nó quay lại nhìn về phía cầu, định chồm lại trả thù ngay cho hả cơn nóng tiết. Nhưng nó không thấy ai cả. Mình nó lúc bấy giờ đầm máu, trông rất ghê sợ. Dưới bụng nó một vũng đỏ ngầu thay hân sắc lông trắng; trên mặt nó

vẩy đầy những giọt máu tươi. Giữa con mắt bên trái loài ác thú, một con mã tấu vẫn còn cắm chặt vào xương vào thịt. Máu rùng rùng chảy xuống như những dòng huyết lệ. Mồm hổ cũng phun ra dải đỏ, y chừng nó bị mấy mũi dao làm cho sứt mũi, rụng răng. Nhất là bụng nó trông rất đáng thương; dưới bụng, như tưới cỏ xanh, một tia máu phụt ra không ngớt. Đau đớn quá, tức giận quá, con vật thét lên những tiếng kinh thiên động địa, gầm lên, lồng lên, quay ngang nhảy ngựa đến chín mười vòng để tìm người hại nó, cắn xé cho kỳ tan xác. Nhưng nó không làm gì được. Nó đành đứng trên bờ suối giương con mắt còn sót lại nhìn ông Bình trên cây và Thắng Mãnh giữa khe một cách oán hờn, dữ tợn; nó chiếu thẳng vào hai cha con nhà thiện xạ những tia sáng quắc,

đầy ý tưởng căm tức, tưởng chừng nó nguyên rửa hai cha con nhà ấy, và thể có trời đất chứng giám, thế nào nó cũng quyết chí báo thù rất độc ác sâu xa.

Nhưng bị thương như thế, chữa chắc nó còn sống sót! Nó nhảy chồm lên hồi lâu cho hả giận; rồi, biết lúc này lực cùng thế kém, sau khi găm lên một tiếng cuối cùng rất thê thảm, đau đớn, nó đi thẳng tuột vào rừng.

Ông Bình khi ấy chưa dám xuống vội; ông còn ngồi trên cây một lúc rõ lâu nữa, chờ cho con mãnh thú đi thật xa, trốn biệt tích, bấy giờ ông mới nhìn trước nhìn sau cẩn thận trụt từ trên cây xuống, lại giữa cầu kéo dây song đem Thắng Mãnh lên. Ông vừa đem được con trai lớn lên mặt cầu, thì một bàn tay đen thui thúi, tựa như làm bằng bùn,

nhô lên cào chân ông. Điềm tĩnh như không, ông Bình cúi xuống, lấy tay nắm chặt cổ tay bunn ấy, kéo lên cầu một con quái vật trông kỳ dị lạ lùng. Con quái vật ấy không phải ai xa lạ cả, nó tức là Lầm Phá, nhưng một Lầm Phá trát bunn từ đầu đến chân, lại cầm trong tay tả một con dao găm sáng loáng và rớm máu. Thì ra anh chàng con út ấy phải nằm phục dưới cầu, dùng dây buộc mình vào thân cầu, nằm dài theo chiều cầu và áp mặt vào phía dưới sàn. Anh ta phải tẩm bunn cho hổ không thấy hơi người nữa, rồi cứ nằm ngửa sát mũi vào những cây luồng, hé mắt qua khe hổng để nhìn lên trên cầu. Đợi khi Thắng Mạnh dứt hổ lại giữa khe hổng và buộc xong đầu đẩy phân mình, Lầm Phá mới dùng lưỡi dao găm đâm nhẹ nhàng vào tay anh, ra hiệu. Khi Mạnh huýt còi

cho hổ phải bàng hoàng kinh ngạc, thì Phá đưa lưỡi dao găm cho ngọt, dùng thân luồng làm thốt, cắt mất của ông chúa sơn lâm cái quý vật rơi lòng thông xuống khe cầu.

Thế là hổ đau quá, nhảy chồm lên; ông Bình chỉ việc phóng dao cho đúng rồi chạy trốn. Công việc hoàn thành đầu đấy, ba cha con vội vã ra về. Cả ba cùng không dám chậm trễ, chạy tuột một mạch vào động lấy ngựa, rồi ra roi phi nước đại, không dám ngoái cổ lại nhìn. Vì lúc đó, một tiếng «â uôm» long trời làm vang động cả một khu rừng núi.

Về đến nhà, ba cha con cùng nhau vui vẻ bàn bạc, định ninh rằng loài ác thú kia, bị những vết tử thương như vậy, thì khó lòng sống được ba ngày.

Rồi ông Bình vui vẻ vào báo tin mừng
cho quan huyện biết.

3.

CÁCH ĐẤY NON MỘT NĂM, nhờ ơn cha con ông Bình trừ hại cho dân, quả nhiên huyện Thạch Thành không bị hổ thần làm náo loạn nữa. Thổ dân làm ăn được yên dạ, vui vẻ chắc chắn rằng con yêu tinh kia đã bỏ thân trong khe hiểm, vực sâu nào đó. Chỉ có một điều đáng nghi ngại là, từ khi con hổ bị một phen đau đớn, tuy nó biệt tích, nhưng không nhà đi săn nào tìm thấy xác chết nó ở đâu. Có lẽ nó chạy sang một quả núi khác ở tận vùng xa để chết.

Sự làm ăn của gia đình họ Đèo, sau khi đánh hổ, vẫn được vui vẻ, cường thịnh mãi đến ngày, không hiểu vì sao, Đèo Thắng Mãnh đi ăn giỗ ở một làng bên cạnh, đi đến quá ba ngày đêm mà vẫn không thấy trở về. Ông Bình sốt ruột sai đầy tớ phi ngựa đi tìm, thì khi quay về, tên đầy tớ bảo rằng chủ nhà làm giỗ nói Đèo tiên sinh về cách đây đã được ba hôm. Hôm ăn giỗ, sau khi cơm nước xong, đến sâm xẩm tối, Mãnh cáo từ về ngay, không nán lại một phút nào cả. Thế thì Mãnh vì sao mà biệt tích? Đi du lịch chẳng? Lên tỉnh chẳng? Xưa nay Mãnh đi đâu cũng đều về xin phép cha mẹ hản hoi, hoặc báo tin cho nhà biết. Lạ thật! hay là hản bị ám sát? Không có lẽ, vì Mãnh có thù hiềm ai và có ghen ty, tranh cạnh cùng ai bao giờ? Có khi Mãnh mê cô nàng nào mà phút chốc

bỏ nhà, bỏ cửa? Cái đó lại càng vô lý nữa. Vì, xưa nay, Mãnh là người rất có giáo dục. Từ thuở nhỏ, Mãnh vẫn được học, vẫn được cha dạy cho thế nào là luân lý, cương thường, bình sinh hấn đối với đàn bà, dẫu đối với những cô nàng tuyệt sắc, cũng không khi nào có cử chỉ ra ngoài quy củ. Không lẽ nhất đán, hấn nữ bỏ cha, bỏ vợ, bỏ con và em đi theo một ả nhân tình? Vậy thì có lẽ hấn bị ám sát thật! Song lẽ, bên nhà người mời ăn giỗ, khách khứa đều là bạn tốt, có ai nữ lòng giết Mãnh, mà có giết thì để làm gì? Lạ... lạ quá.

Ông Bình cho người đi tìm con khắp bốn phía. Sau ba ngày tìm kiếm, Lâm Phá thấy xác anh nằm trong khe đá, bên cạnh một dòng suối nhỏ, thân thể bị nát bét, ruồi bọ bâu đầy, mùi hôi thối xông lên sắc súa, ngạt mũi. Khi

khám tử thi, Phá rất lấy làm kinh ngạc.

Áo Mãnh vẫn còn lành lặn y nguyên, không rách. Chỉ có quần thì bị cắn nát, toi tả ra từng mảnh, để lộ nửa người dưới ra ngoài. Nhờ sự rách quần ấy, Phá nhận rõ thấy anh mình bị một loài gì cắn mất hạ bộ. Và không những thế, sau khi vạch làn tóc rối lòa xòa phủ kín mặt người chết, Phá lại nhận thấy Mãnh bị mất con mắt bên trái, ai đem móc ra và vứt đi tự bao giờ. Phá đau lòng quá, quỳ xuống thây anh khóc suốt mướt, rồi không quản hôi thối, cõng anh lên vai chạy một mạch về nhà.

Ông Bình trông thấy xác con, vừa đau đớn vừa lo sợ. Lo sợ, vì ông suy nghĩ, biết ngay Thăng Mãnh thiệt thân không phải tại bị người ám sát, mà

chính là bị Thần hổ xám cắn tha đi. Thật là ông vô phúc! Lần này thế nào ông cũng bị vạ diệt môn! Ông Bình cuống cuống lo ngại quá.

Ông Bình thật là người thông minh, nhanh trí. Ông đoán không sai chút nào. Quả nhiên, con ác thú gần thành tỉnh kia chưa chết. Nó tuy bị một phen đau đớn cực điểm – mù một mắt, gãy hai ba cái răng, cụt mất dương vật và sút mất mũi, – song nó khỏe lắm, nó chống cự rất hăng hái với tử thần, với thương tích, nó chạy vào một khe núi sâu thẳm nằm dưỡng bệnh, nó cố bám lấy sự sống. Sau khi lăn lộn mãi trong một thời gian thập tử nhất sinh, nó thoát nạn, thương tích của nó dần dần vá lại, nó đoạt được số phận gần nghiêng ngửa, lung lay. Nó sống. Nó sống là nhờ lòng tận tụy, nghĩa thủy

chung của một con hổ cái, vợ nó, ngày ngày hết sức rình mò, săn các dã thú để nuôi nấng nó và hơn nữa, đi lùng trong rừng những thứ lá thuốc đem về cho nó ăn rồi đắp vào những vết thương cho nó. Người ta bảo giống vật không có trí khôn, nhưng mà thực quả trời – đấng hóa công tối thiêng liêng kia – đã phú cho mỗi loài một thứ khí giới riêng để bảo tồn nòi giống. Mỗi một con vật – không ai bảo mà biết – lại có riêng một thứ lá để dùng những khi có tật bệnh. Những thứ lá ấy toàn là vị thuốc rất nghiệm, rất hay. Người Mường tò mò đi theo vết chân khỉ đi hái thuốc, có tìm được một vài thứ lá ấy. Vì thế nên khoa thuốc Mường có nhiều môn bí hiểm nhưng rất tài tình.

Nói tóm lại, con mãnh hổ xám kia nhờ được «hiền thê» nó săn sóc cho

khỏi chết. Cũng là bởi số nó chưa đến ngày đoạn tuyệt, hóa nên quỷ thần xui khiến vợ nó không thè lưỡi liếm vào những vết thương của nó, nếu không tất nó bị gai lưỡi làm cho thối da thối thịt mà thiệt thân, không tài gì cứu chữa được nữa. Con hổ xám phải nằm dưỡng bệnh trong hang mất hơn năm tháng. Qua khỏi cơn hoạn nạn, nó lại khỏe mạnh như thường, nhưng nó đâm ra tàn ác không biết thế nào mà kể. Trong lòng nó đeo sẵn một mối thù rất lớn với loài người, mối thù ấy chưa trả được nên tính khí nó sinh ra hung hăng nóng nảy. Vả lại, nay nó đã hóa nên một con vật tàn tật, sống không có sinh thú nữa; bản năng của nó không được trăm phần thoả mãn; khiến vì thế nó thay đổi hẳn cách ăn ở, sinh ra khó tính, dữ dội, ác nghiệt, hơn xưa nhiều.

Thậm chí, vợ nó, nó cũng cấu xé, cắn rứt, đánh cho một trận nên thân rồi bỏ hẳn, không nghĩ đến ân tình cũ và tấm lòng hy sinh đáng quý của con vợ ấy trong khi nó còn bị điều đứng khổ sở suốt nửa phải đi đời. Nó không nghĩ gì cả, nó quên hết, bây giờ nó đã man, bội bạc đến cực điểm rồi. Thì nào có sự gì lạ! Nó là một con vật còn sống, còn khỏe mạnh, nhưng đối với con cái, nó vô dụng đứt đi rồi. Nó không thể vừa lòng vợ nó được nữa, bởi lẽ nó không đủ tư cách làm cho vợ nó được thỏa nguyện bản năng. Thế tất con hổ cái phải đi lòng đực để bù vào chỗ khuyết điểm trong đời. Thần hổ xám biết mười mười mình là phế vật, nhưng cũng vẫn ghen, vẫn tức, vẫn không bằng lòng cho vợ có ngoại tình. Gia dĩ tính nó đã khác hẳn sau trận đòn thập tử nhất

sinh; nó không nể nang vợ gì nữa, chỉ nghe tiếng gọi của sự tức giận, ghen ghét, nó nhảy chồm lên đánh đuổi nhân tình vợ nó, và, sau khi con vật kia trốn chạy, nó quay vào xông vô lấy vợ, rồi nào vả, nào cấu, nào xé, nào cắn, tung bùng túi bụi, đến nỗi vợ nó hoảng kinh phải cúp đuôi chạy thẳng, không dám cả gan quay lại nhìn chông.

Thần hổ xám, sau khi vợ đi mất, được hoàn toàn tự do, không còn có điều gì bó buộc nữa. Nó bèn mạnh mẽ ra đi. Đi, thì đi đâu? Trước tiên, nó hãy tạm bỏ chốn rừng cũ, đi ngao du sang các núi bên cạnh vài ba tháng. Trong thời kỳ ngao du ấy, ngày nào nó cũng ngồi phục ở chỗ hay có người qua lại, rồi tìm cơ hội đổ ào ào vào giống người tất cả những nguồn oán hờn, căm giận,

chất chứa trong lòng từ trước đến nay. Ngày nào nó cũng vả chết, hay cắn chết ba bốn người, ít nhất là một hai người. Nó ăn chán thì tha đi vút vào bụi; dù no đến thế nào, thấy kẻ vô tội đi qua đường nó cũng không tha. Nó lại có một dấu hiệu đặc biệt để báo cho loài người biết oai quyền của nó: những kẻ bị hại đều mất một mắt và bị cắn mất bộ sinh dục, dù đàn ông hay đàn bà cũng vậy.

Khi Thần hổ trở lại huyện Thạch Thành, sáu tháng về sau, trong lỗ tai nó đã có hơn 100 vết đỏ và da nó đã thay hẳn ra màu xám.

Bây giờ mới đến lượt gia đình ông Bình chịu số mệnh cay nghiệt nặng nề. Từ lúc Thần hổ lộn về, trong huyện nào

động như có loạn. Thổ dân kinh khủng như nghe tiếng giặc tạt qua. Người bị thiệt thân đầu tiên là Đèo Thắng Mãnh. Hôm ấy Mãnh sang làng bên cạnh đánh chén, đến xâm xẩm tối thì trở ra về. Uống rượu cần cả ngày. Mãnh say khướt, vừa đi vừa chập choạng. Thất thểu đi bộ được hơn một dặm, khi đến gần một tòa miếu cổ, Mãnh thấy một cái bóng đen, dài nháy vút lại vỗ mình. Thì ra Thần hổ ngồi chờ đấy từ buổi chiều, biết trước Thắng Mãnh thế nào cũng sẽ trở về qua đấy. Mãnh nhận biết hổ, nhưng say quá, lòa cả mắt lại mềm nhũn cả chân tay và không có khí giới đem theo, nên không tài nào chống cự nổi kẻ thù. Thành ra Mãnh bị hổ hành hình một cách đau đớn.

Mãnh vừa bỏ mạng, tối hôm sau trong huyện lại có người tiểu phu vô phúc bị hổ vồ. Rồi hôm sau nữa, tấn thảm kịch lại diễn ra một lần nữa: ba người bị tát chết. Người nào cũng như người nào, đều mất mắt, và mất bộ sinh dục. Thần hổ đã để lại một dấu hiệu gớm ghê. Kinh khủng hơn nữa là xung quanh nhà ông Bình, không sáng nào là không thấy vết chân cạp in sâu vào đất, và dấu bọt mép của con ác thú ấy lênh láng trên thềm nhà. Cả nhà ông Bình lo sợ quá. Chỉ có ngót một tháng trời mà nhà thiện xạ đầu đã bạc phơ, trông mặt già hẳn đi nhiều lắm. Trong huyện, không ai dám đi đâu buổi sáng trước mười giờ, và quá ba giờ chiều, mọi nhà đều đóng cửa ngõ kín mít. Thần hổ đã đem đến cho thổ dân một vẻ hãi hùng cực điểm. Sự sinh hoạt vì

thế, hóa ra khó khăn vô kể; dân huyện Thạch Thành, không bị nạn mất mùa, lụt lội, mà cũng sống khổ sở như trong những buổi mất mùa. Quan huyện thương dân, ngày đêm lo lắng không biết cách gì giải thoát tai ương được.

Sau có ông thầy phù thủy hiển quan một kế: là bảo tất cả dân gian đặt bàn thờ long trọng cúng thần Hổ. Hơn nữa, mỗi năm bốn kỳ lại mua trâu dê và các vật sống khác làm quà cho hổ xám, cầu khẩn ông “Mãnh thú” thiêng liêng ấy tha cho hàng huyện, đừng giết hại kẻ vô tội nữa. Ai ai cũng đều thành tâm theo lời thầy phù thủy: quả nhiên, sự tàn phá và sát hại cũng đỡ nhiều, hình như Thần hổ hiểu hết những lời cầu nguyện, khẩn khứa. Song le, “Ngài” còn một mối căm hờn chưa trả được,

hóa nên chưa vui lòng tha cho dân hạt Thạch Thành. Thỉnh thoảng Ngài lại và chết một hai người, và đêm nào cũng như đêm nào, Ngài đến lượn qua nhà ông Bình suốt đêm, găm lên như sấm. Ông Bình biết rằng tình thế như vậy tất không tài nào ở yên được; ông bèn nghĩ cách di cư cả gia đình, đi sang ngụ ở một khu đất khác, lành hơn. Đi là phải lắm, nhưng đi bằng cách gì, làm thế nào đi cho thoát? Ông Bình nghĩ mãi, sau ông tìm ra một cách; nhờ quan huyện thuê cho một chiếc xe ô tô lớn, ông bỏ tất cả đồ đạc ở lại, chỉ thu lấy tiền tài và những vật quý rồi sấm sửa ra đi.

Trước khi đi, ông vào khóc lạy từ quan huyện và đem theo một đứa cháu giao cho bạn, dặn rằng:

– Thằng nầy là Đèo Lầm Khẳng. Nó là con trai trưởng của thằng Phá nhà tôi. Tôi xem trong họ chỉ có nó là thông minh hơn cả. Chúng tôi đi lần này, chưa biết sống chết thế nào – vì «Ngài» đã thù; e rằng khó lòng trốn thoát – nên tôi phải đem cháu ký thác cho quan lớn, mong quan lớn nghĩ ân tình cũ, săn sóc nuôi nó hộ tôi. Khi nào nó khôn lớn, quan lớn sẽ kể lại lịch sử của gia đình nhà nó cho nó nghe.

Nói xong, ông Bình sụt sùi, cáo từ ra về. Ông lại đem một đứa cháu bé nữa, mới 12 tuổi, con thứ hai Đèo Thẳng Mãnh, gửi một người bạn thân khác, ông cai tổng cựu. Rồi, một buổi sáng, khi ông xem chừng Thần hổ đã trở vào rừng rồi, ông bèn đem họ hàng lên xe ô tô, cùng chạy sang Cẩm Thủy.

Đến nơi, ông vào ở tạm nhà một người thông gia, bố vợ Thắng Mạnh. Ông kể lại cho thông gia nghe những lễ khiến ông phải xin sang ở nhờ, và có khi, ngụ cư luôn ở Cẩm Thủy. Gia đình nhà ông Bình ở Cẩm Thủy nghe chừng như yên ổn, bởi có sau khi ngụ được ba ngày ba đêm vẫn không thấy sự gì quái lạ xảy ra cả. Ông Bình vững dạ, bèn thuê làm một cái nhà sàn rộng rãi, vững vàng, để dọn sang cho khỏi phiền lụy, khỏi chật chội.

Cách đây bốn năm hôm sau, cả gia đình họ Đèo đã an cư tại huyện Cẩm Thủy, trên một chiếc nhà sàn cao sạch. Ông Bình tưởng rằng thay chỗ ở tức là tránh khỏi nạn hổ thù. Ai hay đâu số vận họ Đèo ngày ấy đã tận, xui nên Thần hổ theo dõi được mãi tới Cẩm

Thủy, dò biết được chỗ ở của cha con nhà thiện xạ làm hại nó khi xưa. Rồi một buổi chiều, vào quăng xâm xâm tối, khi cả nhà ông Bình vui vẻ ngồi xung quanh mâm cơm, đương mải mê ăn uống, một cái bóng đen dài, từ đâu không rõ, nhảy xổ qua khuôn cửa, xông lên nhà sàn. Cha con Đèo Lắm Phá không còn thì giờ đâu đứng dậy đối địch với loài mãnh thú. Trong khi cả nhà kinh hoảng, kêu la cầu cứu thất thanh, Thần hổ cứ điềm nhiên quay sang trái, nhảy sang phải, mỗi một lần cựa mình là một lần phân phát cho già trẻ lớn bé những cái vả, những cái tát, những cái ngoạm lẹ làng. Thương hại thay một gia đình vô tội, trong khoảnh khắc, không còn ai sống sót! Thần hổ xám khôn lăm, trước tiên tát cho ông Bình quy xuống đất, rồi quay vào căn cổ

người thứ hai khỏe nhất trong nhà là Lâm Phá. Xong đâu đấy nó mới lần lượt sửa cho đàn bà con trẻ, mỗi người một miếng đòn hằn. Trong khi hốt hoảng, chả ai kịp đề phòng, hóa nên cùng ngã gục xuống như một đồng người bằng rơm rạ. Lúc ai nấy nằm ngổn ngang bất tỉnh nhân sự, Thần hổ mới để lại trên những xác chết cái dấu hiệu ghê gớm, dị kỳ: xác nào cũng bị móc mất mắt bên trái và mất hạ bộ. Công việc báo thù đã làm yên ổn cả, Thần hổ đứng nhìn một khắc cho hả giận, rồi vẫy đuôi một cái rõ mạnh, nhảy vút qua cửa sổ, chui vào quãng tối âm u.

Ông cha Đèo Lâm Kháng, từ đấy, đều hóa ra người thiên cổ.

Mối thù đã trả được, Thần hổ bỏ hai huyện Thạch Thành và Cẩm Thủy vào ẩn thân ở nơi rừng thẳm núi sâu. Dân hai huyện, trong năm sáu năm, không thấy tăm tích con ác thú ấy đâu nữa, nên được yên lòng làm ăn như cũ, không phải đêm ngày thấp thỏm lo sợ, hãi hùng. Song, dù thế mặc lòng, thổ dân bao giờ cũng vẫn nhất tâm sùng kính Thần hổ xám: một năm bốn mùa tế lễ, không vụ nào họ dám sao nhãng, đơn sai. Cũng có lẽ vì lòng thành của họ cải hóa được hổ thiêng, nên nó không xuống núi quấy nhiễu sự sinh tồn của họ nữa. Vả lại, ngày nay số trăm vết đỏ trong tai đã đủ, nó không cần phải giết người vô tội làm gì. Máu hiệu sát của nó nghe chừng cũng bớt nồng nàn, hăng hái. ông thầy Mo Slầy ở chợ Kim Sơn cho rằng Thần hổ chui vào động đã

tĩnh dưỡng và tu luyện cho thành tinh; nếu tu đắc đạo, nó sẽ có thể sống ngoài ba bốn trăm tuổi. Đó là một lời phỏng đoán, song thổ dân tin là rất đúng, không ai dám ngạo mạn cãi là không đúng bao giờ. Vì tín ngưỡng đó, Thần hổ được sùng kính như một vị Thượng Thánh.

4.

ĐÂN HAI HUYỆN THẠCH VÀ CẨM được yên ổn trong khoảng ngót mười năm, kể từ ngày họ Đèo bị tuyệt diệt. Thần hổ biệt hai xứ ấy, không biết đi về phương nào. Nhưng bỗng một ngày kia – không hiểu vì sao, có lẽ tại lắm người nói xấu hay nguyên rủa nó, – nó đường đột trở về, bắt của nhà cai tổng cưu một con lợn rồi ngày đêm cứ đi quanh quẩn hoặc nằm phục mé ngoài nhà dánh chừng muốn rình mò một vật gì ở trong nhà ấy. Ông cai tổng thấy thế lấy làm sợ hãi quá,

nhưng cố giữ vẻ khảng khái điềm đạm, không lộ cho ai biết rằng ông lo ngại, ưu phiền. Ông cho gọi con nuôi là Đèo Thắng Hồ bắt nó phải chui vào trốn tránh trong một cái hầm, trốn tạm ít lâu để khỏi bị Hồ thần hãm hại. Thắng Hồ vốn là cháu nội ông Bình, con thứ hai Đèo Thắng Mạnh, em Đèo Thắng Long. Trước khi bỏ nhà trốn lên Cẩm Thủy, ông Bình có đem cháu phó thác cho bạn chí thiết của ông là cai tổng cựu. Thấm thoát mười năm trời, Thắng Hồ đã hai mươi hai tuổi.

Ngờ đâu mối thù của hồ lại dai dẳng làm vậy mà loài quái vật kia nhớ mãi mãi không quên! Ai giun giủ cho nó dò biết được tông tích họ Đèo để theo dõi tới kỳ cùng, cái đó là một sự bí hiểm sau này ta sẽ giải. Hiện thời

ta chỉ biết rằng Thần hổ sau khoảng mười năm, biết được chỗ ở của Thắng Hổ, rồi trở về huyện Thạch Thành rình bắt kẻ thù. Ông cai tổng cựu không biết làm thế nào cho con nuôi thoát nạn, không biết làm thế nào để giữ cho họ Đèo tránh khỏi vạ diệt môn. Ông luống cuống suy nghĩ ba bốn ngày đêm mãi sau cùng ông mới tìm ra được một phương mà ông cho là tuyệt diệu, ông bèn sai đặt một bàn thờ rất nguy nga long trọng ở trước ngõ, trên hương án bày bài vị của Thần hổ và các đồ lễ phân minh. Trên bài vị có hai chiếc lọng xanh xung quanh hương án thì có các sinh vật buộc vào cột hay trói bò ngổn ngang trên mặt đất. Thôi đủ cả trâu, dê, bò, lợn, lại kèm thêm một con hươu sao non hơn hớ và một con nai con vừa mới lớn lên. Tối đèn, ông sai thấp

đèn đuốc sáng trưng, sai mở cờ gióng trống chiêng inh ỏi, rồi ông mặc áo thụng xanh, thành kính ra lễ một tuần. Khi hành lễ, ông khẩn khứa rất lâu, đại khái nói rằng: “Thắng Hộ (ông kiêng tên Chúa Sơn Lâm) là giọt máu rớt của họ Đèo, nó là một đứa trẻ vô tội, không can dự gì đến việc làm của ông cha nó; vậy xin Ngài sinh phúc tha số mệnh cho nó. Gọi là lòng thành lễ bạc có chút quà mọn, xin Ngài nhận cho và để nó được sống sót, ơn ấy sẽ ghi sâu trong đáy dạ, chẳng bao giờ dám quên... vân vân...” Ông cai tổng cựu khẩn xong lại cho đốt một lá sớ, rồi cả nhà ông cùng lần lượt ra quỳ lạy trước bàn thờ. Lễ bái đầu đầy, chiêng trống bèn nổi lên một hồi, rồi thiên hạ kéo nhau vào trong nhà, để lễ vật lại cho Ngài đến nhận.

Làm tròn phận sự, ông cai tổng cự
tưởng như thế sẽ được vừa lòng Thần
hổ và chắc mười mười Ngài sẽ tha chết
cho đứa con nuôi vô tội của mình. Vì
thế nên cúng vái xong xuôi, ông yên
lòng đi nghỉ, sau khi dặn người nhà
đóng cửa trong, cửa ngõ, cho kỹ càng.
Độ quá canh một, người nhà ông cai
tổng cự đều yên nghỉ cả. Trên chốn
đồng rừng vắng vẻ quang cảnh đêm
khuya rất âm u, tịch mịch, khiến người
xa lạ đến ngụ không tài nào không kinh
sợ giùng mình. Một vẻ im lặng nặng nề,
đầy những âm khí, đầy những bóng ma
thiên thú dữ chấp chùng; tựa hồ bao la
khắp vũ trụ. Thỉnh thoảng tiếng chim
tử quy buồn bã, lại xé tan màn lặng lẽ
của canh trường. Trong một đêm lạnh
lẽo, hã hừng như những đêm ấy, người
phu Muồng ngồi trên chòi, canh nhà

ông cai tổng cự, được thấy một sự làm cho anh ta mỗi khi kể đến, lại thấy tóc muốn dựng đứng lên và lạnh buốt cả xương sườn.

Trước hết, khi các đèn đuốc trên bàn thờ Thần hổ lần lượt tàn cả, khi bóng tối đến vây bọc lấy bàn thờ ấy, anh ta thấy, từ đường xa, chiếu thẳng lại nhà ông cai tổng một tia lửa sáng, khi đỏ hồng, khi đỏ dịu, ẩn hiện trong đám lá cây rậm rạp, đen xì. Tia lửa ấy dần dần tiến lại. Khi gần đến bàn thờ, anh ta nhận biết là một con mắt hổ, con mắt của Thần hổ chột. Thấp thoáng trong bóng tối, một thân hình dài đi dọc đi ngang. Làm quen với đêm mù mịt đã lâu ngày, anh phu Mường nhận rõ được hết những cử động của hổ. Anh ta lấy làm lạ lúc thấy loài mãnh thú kia tiến

đến mé bàn thờ, hất cái bài vị xuống đất, rồi quay đi. Hấn không hề đụng đến những lễ vật bày xung quanh hương án. Hấn đi vòng hàng rào, ra phía sau nhà, tới một chỗ bụi thấp, nhảy thẳng vào sân trong, vụt như một cái bóng lẻ làng, mềm dẻo. Một tiếng huých. Phút chốc hổ đã đứng thẳng dậy, rồi lại phục xuống mé trước nhà ông cai tổng, điềm nhiên ngồi đó. Từ lúc ấy, nó ngồi yên không nhúc nhích, con mắt dăm dăm trông thẳng vào phía nhà hầm. Con mắt ấy, lạ thay! Bỗng sáng rực lên như hòn ngọc quý, làm cho kẻ đứng cách xa độ chục thước có thể nhờ tia sáng trong con mắt ấy chiếu ra mà nhận thấy sự vật bề ngoài. Thân hổ giương mắt nhìn vào nhà không chớp, chăm chăm chú chú tỏa ra những ánh lửa đỏ ngầu, sáng chói, trong lúc đêm sương

mù mịt, trông rất ghê sợ, lạnh lùng. Hồ ngồi như thế không biết trong bao lâu. Nó không hề cựa quậy không hề nhìn đi chỗ khác. Nếu con mắt nó không tia ra hào quang chói lọi, tố rằng nó vẫn còn sống thì anh phu Mường phải ngỡ rằng nó hóa ra tượng đá mất rồi. Vẻ im lặng của nó lại càng khiến anh ta thêm sợ hãi.

Đến khi trống điểm canh ba vừa dứt, anh phu Mường lại thấy một sự nữa làm cho anh ta bị một phe kinh khủng đến cực điểm. Người nhà ông cai tổng đương ngủ yên lặng cả thì bỗng đâu cánh cửa nhà dưới mở toang ra, một cái bóng vòng mé ngoài nhà trên, thất thểu chạy lên sân trước. Cái bóng chạy cứ dơ hai tay lên; khi chạy đến gần con mắt sáng thì như hốt hoảng, luống

cuống, quì gục xuống. Lúc ấy, con mắt hổ bỗng thấy mờ đi, không sáng rực lên nữa. Hổ từ từ đứng dậy, giẫm lên cái bóng quì rạp trên mặt đất. Một tiếng hét tha thiết, đau đớn, một tiếng kêu thê thảm, bi ai, xé quăng không trung phảng lảng. Đáp lại tiếng kêu ấy, hổ gầm lên một tiếng vang trời...

Bấy giờ mới bắt đầu một cuộc diễn trò hiếm có. Con mãnh thú cắn cái bóng đen kia tha đi vài bước rồi nhảy chồm lên, hất cái bóng ấy lên trên không. Sáng sao lơ mờ, anh phu Mường nhận rõ cái bóng kia là thân hình một người đàn ông to lớn. Hổ vờn xác người hồi lâu, tung xác ấy lên rồi lại đỡ, tựa như một con sư tử hí cầu. Chơi chán rồi, hổ bỏ cái xác lại, nhảy qua bờ rào, đi mất.

Anh phu Mường lấy làm lạ không hiểu vì sao kẻ thiết thân kia lại tự mình đến hiến da thịt cho hổ cấu xé. Anh còn đương hoảng hốt sợ hãi, sau khi được mục kích một tấn tuồng gớm ghê vừa mới diễn, anh còn đương đờ mắt há miệng, chân tay cứng đờ không cựa được, cũng không kêu được, thì, ngoảnh đi ngoảnh lại, Thần hổ đã biến tự lúc nào rồi. Hồi lâu anh mới định thần, bèn đánh bạo xuống chòi, vào đánh thức cả nhà ông cai tổng dậy, và lấy đèn đuốc ra soi xem người bị hổ cắn chết là ai.

Thiên hạ đều lấy làm kinh ngạc đến tột bậc khi nhận rõ người ấy là Đèo Thắng Hổ. Cũng như mọi kẻ chết dưới vuốt Thần Hổ xám; đứa con nuôi vô phúc của ông cai tổng đeo cái dấu

hiệu của Ngài: anh ta bị móc mất mắt bên trái và cắn mất hạ bộ. Lòng đau như cắt, ông cai tổng cúi xuống xác con nuôi, khóc một hồi thảm thiết; tưởng chừng Thăng Hổ là một giọt máu rơi của ông. Thực tình, ông vừa thương Thăng Hổ, vừa đau xót cho nòi giống bạn chí thân của ông nay đã khuất: nhà thiện xạ Đèo Văn Bình. Thăng Hổ đeo một cái tên cường tráng; ông cha anh ta những mong sau này anh sẽ thắng nổi loài ác thú để trả thù cho gia tộc; ai ngờ, trái lại, anh ta đã không thắng nổi hổ, lại bị hổ vạt cho tan thịt nát xương. Đau đớn thay! Ông cai tổng búi ngùi cho đem xác Thăng Hổ vào nhà, khâm liệm tử tế, rồi ngày hôm sau mới thấy Mo về làm lễ thu hồn và bỏ xác vào một cây gỗ đục rỗng, dựng ở một góc nhà. Thăng Hổ phút đã thành ra ma xó.

Vì có gì anh ta tự đem mình hiến cho Thần hổ? Cái đó là một sự lạ nữa. Sau này ta sẽ hiểu rõ anh bị lạc mất linh hồn, bị một thứ ma rừng ám ảnh, một thứ ma mà dân Mường thường gọi là “ma trành”. Câu chuyện “ma trành” rồi đây các bạn sẽ dần dần được biết. Bây giờ ta hãy để ý đến giọt máu cuối cùng của dòng họ Đèo: Đèo Lâm Khẳng.

Đèo Lâm Khẳng là con trai cả Đèo Lâm Phá. Theo lời tổ phụ anh ta nói, thì Khẳng là đứa trẻ thông minh lanh lợi nhất trong nhà. Khi ông Bình đem Khẳng phó thác cho quan huyện Thạch, Khẳng mới lên mười một. Thấm thoát tới bây giờ, Khẳng vừa đúng hai mươi một tuổi. Quả như lời ông Bình đã bảo trước, Khẳng càng lớn lên càng tinh khôn; láu lỉnh vô cùng. Ông huyện

thương chàng như con, cho cùng học với các cậu công tử. Khảng học giỏi và mau tiến tới hơn con quan nhiều; quan huyện vì thế, lại càng quý như hòn ngọc. Trọng lời ký thác của ông bạn thân thiết đã bất hạnh trong một trường hợp đau đớn, thảm thương, quan huyện hết sức chăm nom săn sóc đến Khảng. Quan không dám cho Khảng đi lạc ra ngoài nữa bước; dẫu rằng Khảng đã lớn tuổi, không bao giờ chàng được đi ra khỏi nhà một phút nào. Khảng cứ phải lẩn quất trong thư viện hoặc trong tư thất, cùng lắm là được ra đến ngoài vườn mé trước công đường; hễ hơi trái phép một chút ắt bị quan huyện quở mắng cho thậm tệ. Quan lại phó cho hai người lính có tuổi, đứng đắn, vừa khỏe mạnh, vừa có kinh nghiệm, ngay đêm phải đi kèm bên mình Khảng để

trông nom và che chở cho chàng. Tuy đã hai mươi mốt tuổi đầu, đi đâu một tí Khảng cũng có hai bố đi theo; tối đèn thì chàng nằm giữa, hai bố nằm bai bên canh gác. Khảng thực như một thằng tù bị giam lỏng nhưng một thằng tù được nưng niu chiều chuộng, quý báu vô cùng. Quan huyện coi Khảng và yêu Khảng có lẽ hơn cả các con ruột của ngài; ai cũng mừng cho Khảng được sa vào một cửa sung sướng.

Thấm thoát mười năm, từ ngày ông Bình đem cháu phó thác cho bạn để di cư sang Cẩm Thủy.

Từ ngày ấy, sau khi trị nhậm tại Thạch Thành năm năm, quan huyện đổi sang Cẩm Thủy. Quảng Xương, rồi quan được thăng hàm tri phủ, nhưng vì

đã già nên ngài phải về hưu. Quan phủ vốn người Kim Sơn; nhân khi ở huyện Thạch, ngài có mua nhiều ruộng vườn và lập một trại lớn ở vùng đó, nên khi về trí sĩ, ngài đem cả gia đình trở lại huyện Thạch Thành. Về tới đất Thạch Thành, ngài bí mật dặn hai tên bố già phải săn sóc trông nom cậu Khảng cẩn thận hơn xưa, đừng sao nhãng chút nào mà có sự nguy hiểm xảy ra, thì không thể gỡ được nữa. Hai bố già có biết chuyện họ Đèo, nên hết sức che chở cho giọt máu rớt cuối cùng của dòng họ ấy. Muốn tránh sự lộ tông tích của Khảng, quan phủ bắt chàng cải họ bằng họ Trịnh. Từ thuở mười một tuổi Khảng vẫn mang họ Trịnh, hóa nên lúc lớn lên, vẫn tưởng mình họ Trịnh. Chuyện gia đình của Khảng, quan huyện cũng giấu kín không nói, chỉ nói với Khảng

là ông nội chàng đem chàng bán cho quan để làm con nuôi, và ông nội chàng nay đã thác. Lắm Khẳng được rõ có thế, chàng lấy làm lạ không hiểu vì sao dưỡng phụ lại bắt chàng cấm cung mãi mãi thế này. Nhưng mà chàng cũng không bị cấm cung quá hai mươi một tuổi đâu! Một việc hiển nhiên sắp sửa bắt quan Phủ phải kể rõ lai lịch họ Đèo cho chàng được biết. Việc hiển nhiên ấy, tức là sự Thần hổ xám rình nhà ông cai tổng cựu. Ông cai tổng và quan phủ đã có lời hẹn nhau từ trước khi nào có sự biến động, thì phải báo nhau ngay, và khi báo xong, một bên phải hết sức úp mở và trùng trùng rất lâu để giúp bên kia có thì giờ đánh tháo. Vì thế, khi Thần hổ đến rình nhà ông, ông cai tổng vội vã cho người sang phi báo để quan phủ biết: Rồi một mặt, đêm thì

bắt Thắng Hổ vào hãm, ngày lại vẫn cho ra vào để giữ hổ đợi chờ trong non nửa tháng. Thực ra, ông cai tổng đã biết không trước thì sau, thế nào con nuôi ông cũng chết: nhưng ông cứ làm hết bốn phạt, cho khỏi hổ thẹn với người bạn dưới tuổi vàng.

Trong lúc bên kia ông cai tổng đương lo ngại cho số mệnh Thắng Hổ, thì bên này quan phủ cuống quýt, sợ cho thân phận con nuôi ngài. Quan bèn gọi Lâm Khảng và cả hai người bỏ vào phòng kín mít, rồi bắt Khảng ngồi yên, nghe ngài kể rõ lại căn nguyên bắt ngài phải giam hãm Khảng như giam hãm một người có tội. Ngài lại thuật cho Khảng biết la lịch của chàng. Ngài nói:

– Ngày nay con đã rõ vì có gì ông cha và bác con đều bị nạn diệt vong, cha phải tìm cách tìm hết cách, để bảo tồn lấy con vì con tức là giọt máu rớt cuối cùng, – cuối cùng, con nghe không? – của họ Đèo gần tuyệt diệt. Anh con ở bên nhà ông cai tổng cựu nay đương bị nạn, mà chưa chắc đã cứu nổi. Vậy nhân lúc này kẻ thù của con (quan phủ không dám phạm húy) chưa để ý đến con, thì con nên đi ngay, đi ngay đi, lên tỉnh mà lánh nạn. Cùng lắm, con nên ra hẳn một tỉnh thành náo nhiệt như Hà Nội chả hạn mà ẩn thân. Con có ở một chỗ đông đúc như Hà thành cha mới khỏi lo cho số mạng con được. Nhưng cốt nhất là con phải nghe cha: đừng bao giờ nên lẩn quất trở về rừng, về núi. Dù ở mé nào cũng vậy, con chớ nên đi săn bắn làm gì. Cứ an cư dưới chợ; mới ra,

có lẽ con còn bỡ ngỡ, nhưng dần dà rồi cũng quen. Con cứ đi đi. Mỗi tháng cha gửi cho con năm bảy chục để chi tiêu, rồi sau này, cha liệu gửi gắm cho con, tìm cho con một việc làm; cha lại sẽ chọn nơi xứng đáng, lấy vợ cho con tử tế.

“Muốn bảo tồn lấy dòng họ, con cần phải có vợ. Sự ấy cha hiện đương lo, nhưng vì còn công việc bề bộn, hóa nên chưa làm xong được. Song le, con không ngại; bây giờ bởi chứng tình thế bó buộc, cha cho con được toàn quyền tự do, trong khi ngụ ở Hà thành muốn lấy ai thì lấy, miễn làm sao có nhiều con trai thì thôi. Nhưng, mấy người con gái dưới chợ mà con sẽ lấy sau này, có thể tất đều phải làm hầu cả. Còn như vợ chính thức của con, cha mẹ sẽ cố công

để ý tìm tòi; khi nào tìm được chỗ môn đăng hộ đối, lúc ấy sẽ làm lễ linh đình cưới cho con. Cưới vợ, ta sẽ cưới theo lối Tàu, nghĩa là không cần chàng rể. Con cứ ở Hà Nội, cha mẹ sẽ đưa vợ con đến tận nơi. Con đừng lo ngại điều gì, cha xin quyết, xin đoan với con rằng: vợ con sau này sẽ đẹp lắm, đẹp lắm!

Nhưng ta hãy tạm gác chuyện đó. Con nên đi ngay, sáng sớm mai phải đi sớm. Trước hết, sang phủ Quảng Hóa, từ phủ Quảng con sẽ đi ô tô lên tỉnh, rồi từ tỉnh con sẽ đi tàu hỏa ra Hà Nội. Đường đi nguy hiểm nhất chỉ có từ đây sang phủ Quảng Hóa vì con phải theo đường rừng... nhưng mà không, đường ấy không đi được! Chết nỗi! Cha quên, không đi được, con ạ, không đi được! Nếu đi đường ấy, con sẽ qua

nhà cai tổng, không nên, không nên! Vậy con phải đi thẳng đường Phố Cát, ra Bím Sơn, rồi con đi tuột tàu ra Hà Nội. Quãng ấy tuy toàn đường rừng cả, nhưng lúc này thì con lại phải can đảm xông pha trên con đường ấy. Tuy là đường khó đi, song trên khúc đường đó tính mệnh sẽ không bị nguy hiểm.

“Đây, cha hãy tạm cho con hai trăm bạc này làm lộ phí; đi xa con chớ nên đem nhiều của cải; dần dần sau này cha sẽ gửi cho. Đi theo con, cha sai hai bố già của con và tám tên lính Mường mang đủ súng ống. Ngựa đã sẵn sàng cả rồi, mười một thầy trò con sáng sớm mai mờ mờ trời đất đã phải khởi hành, để đến trưa ngày kia kịp tới Bím Sơn kéo lữ tàu thì lắm điều đáng ngại. Con nên cẩn thận nhé! Chớ nên cậy sức

mình trai trẻ, cường tráng, mà có khi thiệt hại cả một đời.

“Thôi, cha nói thế đủ rồi. Bây giờ con nên vào lạy từ mẫu thân con và hôn hít các em con, rồi con chong chóng đi ngủ sớm để sáng mai mà dậy sớm!”

Ngày hôm sau trên con đường gập ghềnh ven sườn núi, chạy từ Thạch Thành song Phố Cát, ngòong ngoèo xuyên đám rừng rậm, một đoàn kỵ mã làm cho cát bay sỏi bắn mù trời. Trong đoàn kỵ mã đó, Đèo Lầm Khảm, tâm hồn lo mong, hồi hộp, bỏ chốn đã chôn rau cho chàng, đi tìm hạnh phúc ở một vùng khác, đi tìm sự sinh hoạt êm đềm lặng lẽ, xa lánh mặt kẻ thù tàn ác, ngõ hầu bảo tồn lấy giọt máu cuối cùng của

một dòng họ quý phái bị kẻ thù sắp làm
cho tuyệt diệt suy vong.

MA TRÀNH

1.

 RÊN CON ĐƯỜNG HẸM
CHẠY quanh co ven những
khu rừng sâu thẳm, ven những rìa núi
gập ghềnh, khi cheo leo, khi thì khuất
khúc, một đoàn kỵ mã phi nước đại làm
cho bụi bay sỏi bắn mù mịt, trông xa
như một vùng mây trắng xóa phất phơ
bay giữa đám lá cây um tùm xanh biếc,
che khuất một góc rừng vầu. Đoàn kỵ

mã ấy đi nhanh lắm, không hề dừng lại nghỉ ngơi một phút cón con nào.

Suốt một ngày, ngựa gắng công, người cố sức mà chỉ có thể vượt nổi non sáu chục cây số, không thể hơn được nữa. Như thế đã là nhiều lắm, bởi lẽ, so với các hành khách thường, đoàn kỵ mã kia đi nhanh gấp đôi; trên những quãng đường núi hiểm hóc dù có ngựa bay, một ngày cũng chỉ đi được ba chục cây số đã là già lắm. Nếu đường đất bằng phẳng như đường nhựa dưới tỉnh, một con ngựa tốt có thể đi được một trăm cây số là thường. Nhưng ngặt nổi: hết lên dốc thì xuống đèo, hết nhảy suối đến vượt khe, mà ngựa lại không phải là một vật ép đi nhanh được mãi! Ví không thương đến nó, bắt nó chịu nhọc nhằn quá sức, thì ngày hôm sau

thường khi phải bỏ nó lại để nó dưỡng bệnh, hoặc phải đem chôn xác nó. Ngựa vốn không phải là máy, những kẻ sành nghề chơi ngựa chẳng bao giờ bắt ngựa làm việc quá chừng. Những quãng đường núi gập ghềnh, nếu muốn vượt qua cho mau chóng, phi dùng ngựa, không dùng được một thứ xe cộ nào cả. Xe đạp, xe mô tô, không có đủ sức lên những cái dốc thẳng vút xuống những con đèo dài ngoằn ngoằn, hoặc nhảy qua những khe suối chạy ngang đường. Nói đến ô tô, thì lại càng chán nữa! Tuy thứ xe ấy có khỏe, có tốt nhưng nó không thể dùng được để vận tải mình trên những quãng đường núi nhỏ hẹp, gồ ghề, nhiều khúc khuỷu. Giá có thể dùng được ô tô Đèo Lầm Khẳm đã không phải nhờ đến sức ngựa! Mà cũng vì đi ngựa nên suốt một ngày, anh

ta chưa qua hết địa phận xứ Mường. Chàng họ Đèo rất lấy làm lạ, tự nghĩ : “Quái! từ Thạch Thành đến Bỉm Sơn, chỉ có độ hơn năm mươi cây số, đáng lẽ ta đã ra khỏi biên giới miền đồng rừng từ lâu, sao giờ đây, vẫn còn lẫn quất ở chốn sơn lâm này, mãi?” Chàng bèn hỏi mười người lính theo hầu; họ cũng đều ngơ ngác, không hiểu thế nào lại ra như vậy cả. Lầm Khẳm phút chốc, thấy tâm thần rối loạn: chàng bồi hồi lo sợ cho sinh mệnh của chàng.

Khi mặt trời xế núi, ngọn gió rừng nổi lên thổi tung lá khô tan tác, phủ vào mặt cả đoàn kỵ mã, làm cho ai nấy đều ái ngại, giùng mình. Họ nhớ rằng phi ngựa đã một quãng xa, mà suốt dọc đường không từng thấy căn nhà nào cả. Đến xâm xẩm tối, tất cả đoàn cùng

bồn chồn kinh khủng, chỉ lo không tìm được chỗ trú ngụ ban đêm, thì có khi khó lòng sáng hôm sau còn trông thấy ánh mặt trời nữa. Đương lúc đều chung một mối băn khoăn, ghê gợn, may sao Đèo Lầm Khẳm, tinh mắt, nhận thấy nẻo xa một cái nhà sàn đứng bơ vơ trơ trọi dưới chân đèo. Đoàn kỵ mã bèn rảo bước đi lại phía nhà sàn ấy. Tới nơi, trời vừa tối mịt, gần không trông rõ mặt nhau.

Căn nhà kia trông vững chãi, lịch sự, nhưng tựa hồ hiu quạnh, không có ai ở cả. Bởi lẽ khi cả đoàn ồ lại, chẳng ai được nghe một tiếng động cón con nào tự trong nhà ấy đưa ra. Họ đều lấy làm kỳ dị. Có lẽ chủ nhà là một gã tiểu phu hiện còn bận gánh củi chưa kịp về tới nhà; chớ nếu nhà kia không có chủ

sao bực thang lên sàn vẫn đương còn bỏ xuống, chưa đem cất lên trên? Mà sao dưới sàn lại có đủ bò, lợn, gà, vịt, nằm ngổn ngang trên mặt đất? Trông lên mé trên, cửa trước còn mở toang cả hai cánh; thấp thoáng mé trong lại hình như có một cái bàn, một cái chõng; trên bàn có mâm bát giống như trong một quán hàng nước dựng ở dọc đường. Có lẽ đây là một cái quán thật!

– Bà hàng ơi! Bà hàng! Có thể cho chúng tôi ngủ trọ một đêm không hở?

Trong nhà vẫn không thấy có tiếng động. Nhưng một giọng nói lạnh lạnh, giọng nói đàn bà, một giọng nói nghe gần mà như xa, cao mà như thấp, tựa hồ véo von từ cõi vô hình đưa lại, một giọng nói biết bao êm đềm thấm thía,

sao cũng lạnh lẽo, buồn rầu, một giọng nói sang sảng thánh thót lọt ra, rót nhẹ vào tai đoàn kỵ mã lữ đường, làm cho bọn họ tự nhiên, không hiểu tại vì đâu, bỗng thấy ghê ghê giờn giợn, lạnh đường sau gáy. Cả đoàn đứng tụ dưới đất, nhìn nhau, ngần ngại. Bởi lẽ tiếng ai kia vẫn vẳng ra chào mời vốn vã, mà bóng hồng, tuyệt nhiên, không được thấy ra vào. Đoàn kỵ mã dừng dằng, chưa quyết định. Ra đi cũng dở dang, khó xử, vì trời đã tối lắm rồi đường đất lại nhiều nguy hiểm. Ở nán lại, thì không khéo sa vào một căn nhà mồ vắng vẻ, nằm chung với chiếc quan tài! Tiếng oanh thỏ thẻ kia, nghe lạnh lạnh như tiếng ma cảm dỗ. Bởi có ấy cả đoàn không dám tiến, cứ bản thân mân mê dây cương ngựa, giết thời giờ.

Giọng nói trong nhà sàn, bỗng đâu lại lọt ra đầm thẳm:

– Mời các ông cứ vào đây, không ngại! Em đang còn bận dở tay tí chút, thấy mẹ em lại đi vắng chưa về. Xin các ông cứ vào, cho em thất lễ một vài phút, sắm sửa cho gọn gàng, rồi sẽ xin ra tiếp rước.

Ở với ma còn hơn quay đi hiến thân làm mối cho hổ; Lầm Khảng, nghĩ vậy, mạnh bạo bước lên thang, vừa bước, vừa quay lại bảo anh em trong bọn:

– Anh em cứ vào! Một vài người đem buộc ngựa cho chắc chắn, xong ta lên cả đây tụ họp nghỉ ngơi! Chúng ta hơn mười người, còn sợ gì mà phải rút rè, vô lý thế?

Lời nói hăng hái của chủ đoàn làm cho cả bọn cùng thấy tâm thần phấn khởi. Sau khi đã buộc ngựa chắc chắn ở một góc gậm sàn, cả mười một người mạnh mẽ bước lên thang, tiến vào trong quán. Thoạt bước vào, ai nấy đều thấy mạch máu tựa hồ hơi ngưng lại, con tim tựa hồ vỗ đập nhẹ hơn tí chút, bởi lẽ trong nhà, một vẻ lạnh lẽo ngấm sâu vào hoàn cảnh, bao phủ thân thể họ, xuyên qua mấy làn áo để tỏa khắp trên da thịt, làm cho khí khái của họ, vừa mới nhóm, bỗng đã thấy tiêu rồi. Cả mười một người cùng có chung một cảm giác: ai cũng như ai, họ cùng thấy lạnh buốt sống lưng, ghê rợn một cách tự nhiên, không hiểu tại đâu nguồn gốc. Họ nhìn nhau im lặng. Không ai nói với ai, nhưng họ hiểu nhau thâm thúy; họ biết rằng, tránh cọp, họ đã sa vào

biệt thự của ma, một thứ ma Mường rất thiêng, rất độc, có thể lấy tính mệnh con người trong khoảnh khắc, dễ dàng hơn trở bàn tay.

Thôi chết! đây là một căn nhà mồ! Một căn nhà mồ bỏ hoang, bỏ vắng, bỏ trống dọc đường; một căn nhà chỉ chứa có mỗi một cỗ quan tài, một căn nhà không đựng một chút sinh khí nào cả! Nguy hiểm quá! Kẻ nằm trong quan tài kia lại là một thứ ma hiện ra người được, nói nheo nhéo được, đi đứng được, có đủ quyền thế và oai lực gìn giữ của cải của nó, dù của cải kia là miếng cơm, là bát nước, là con vịt, là con bò...

Nghĩ đến đây, đoàn kỵ mã mười một người bỗng thấy – (thần hồn nát

thần tính) – kinh khủng tới cực điểm. Chỉ một chút nữa, họ sẽ hóa ra một lũ vật hoảng sợ, họ sẽ chen nhau, xô ngã nhau, chạy ừa ra ngoài nhà sàn, bước mau xuống cầu thang luồng, vớ mau lấy một con ngựa, rồi trốn cho nhanh, không còn dám ngoảnh đầu lại nữa. Nhưng...

Nhưng, bỗng đâu, từ gian nhà trong, xuyên qua lán tường phen và lán cửa tre đóng chặt, tiếng người thiếu phụ lạnh lạnh chào mới khi nãy, giờ đây lại sang sảng đưa ra, đầm hơn, nhẹ hơn, dịu dàng thánh thót hơn, làm cho ai nấy phải ngơ ngẩn nhìn nhau, nửa tin nửa ngờ, không hiểu thế nào là phải nữa.

– Anh em ôi! Xin đừng kinh hãi?

Em đây quả là người trên có cha mẹ, dưới có anh em; em là một kẻ đàn bà thô bỉ, nhưng là người thật, không phải ma quỷ đâu, xin đừng ngại! Em không có lòng nào ám hại viễn khách lỡ đường đâu; em đây vốn dòng lương gia nữ tử! Cha mẹ và anh của em hôm nay không may đi vắng cả có việc cần kíp phải đi; chả ngờ lại đúng vào ngày anh em hạ cố tới đây, vào nường nấu ngủ nhờ đây một tối! Anh em cứ yên tâm ngồi nghỉ ngơi tí chút, em còn bận dở tay làm việc; chốc nữa xin đem cơm rượu ra bồi tiếp anh em – Xin đừng nghĩ quẩn, lo quanh; nếu cả đoàn không chịu nán lại một đêm mà cứ nhất quyết ra đi; anh em sẽ không tránh khỏi vuốt beo, hàm cọp. Ở xung quanh đây, suốt một vùng vài mươi dặm, hùm thiêng, thú dữ rất nhiều. Nhất là... nhất là Thần hổ xám,

độ vào quăng này, Ngài hay đi tuần qua núi...

Đương khùng khiếp muốn trốn đi, đoàn kỵ mã nghe tới đây đều đổi ý, không dám bước ra ngoài nữa. Họ dẫu còn chưa vững dạ hẳn, nhưng mấy lời êm thấm kia đã rót vào tâm hồn họ một vài tia hy vọng đầm ấm; họ tự thấy đỡ lạnh lưng, đỡ ghê gợn, họ đều muốn ở lại. Trong khi ấy, giọng người con gái trong nhà lại vẳng ra, thánh thót như ru:

– Anh em ở đây, không có gì đáng ngại. Ma cũng không sợ mà cọp cũng không sợ! Phụ thân em nguyên làm “Thầy Mo” trong vùng này, nhà em đều có dán các thứ bùa hộ mệnh rất linh nghiệm. Anh em nằm trong nhà sàn

này tựa như nằm trong hang đá vững chãi, không còn mãnh thú ác quỷ nào dám xông xáo lại gần. Vậy, anh em đã rõ chưa? Hãy cứ giãn lòng chờ em độ ít lâu. Em xong chút việc riêng xin mở cửa ra ngay, cùng anh em trò chuyện!

Trong tất cả mười một người, riêng chủ đoàn là khách có can tràng hơn cả. Bởi vì chàng còn trẻ, chưa từng được nhiều kinh nghiệm, hóa nên coi cái chết rẻ như không. Song le, chàng không muốn chết một cách ngu si dưới hàm con thú dữ thù chàng; chàng bèn quả quyết ra lệnh cho anh em cùng ở nán lại trong căn nhà sàn của thiếu phụ “không thấy người mà chỉ nghe thấy tiếng”.

Đoàn kỵ mã lúc bấy giờ mới bạo thêm lên một chút; người nọ dựa vào kẻ kia, họ tin ở sức mạnh của số đông. Họ bèn vui lòng cỡi hành lý, tháo dây lưng ngồi nghỉ la liệt trên sàn lạnh lẽo. Một chiếc bàn đèn của một tên kỵ mã có dân làng Bẹp, ở trong gói hành lý chui ra, rồi tĩa vào không khí ẩm đậm một chút ánh sáng êm dịu, nồng nàn, tỏa giữa vùng âm u một đóa hoàng quang ấm áp. Quây quần xung quanh khay tĩnh, những kẻ yếu bóng vía bỗng tìm thấy đủ can đảm, để chống chọi với ma quỷ thiêng liêng. Khói thuốc hắc nghi ngút trong phòng chả khác gì hơi nóng của than, của lửa, phút chốc đuổi hết ám khí, biến gian phòng ấy ra một nơi phồn thịnh náo nhiệt vô cùng.

Thuốc phiện, trong những cảnh ngộ như cảnh ngộ này, không phải là đồ vô dụng.

Cả mười một người cùng hút, hút mãi. Điều chú điều anh, câu chuyện dần dần vui vẻ, khí thế hăng hái dần dần hồi lại, họ đều quên hết những ý nghĩ vẩn vơ ái ngại, quên cả người thiếu phụ chủ nhà, mà đã hơn một giờ rồi, chưa thấy lộ mặt ra đón chào lũ khách.

2.

KÈ KIA NẾU ĐÃ ĐƯỢC Ở
MỘT vài năm trên miền
rừng thiêng nước độc, nếu đã được
ngày ngày chung đụng với dân Mường,
– một thứ dân mà phong tục, luân
lý khác hẳn phong tục và luân lý của
người dưới chợ, một thứ dân trong óc
chứa đầy những sự dị đoan bí hiểm và
khó hiểu, một thứ dân tin “ma gà”, “ma
xó” biết phép “mo” có phép “chài”, kẻ ấy
chắc đã từng, trong những khi đi một

mình trên các đường hẻm chạy quanh co ven rừng hay ven núi, thấy một vài căn nhà bỏ bơ vơ tro trọi ở những nơi âm u hiu quạnh, một vài căn nhà trông mé ngoài thì tưởng có người ở, mà vào trong thì lại hóa ra không, một vài căn nhà chỉ dựng lên để chứa âm khí, để che chở những cỗ quan tài. Vì đâu lại có những căn nhà mô ấy? Trên mạn ngược, mỗi khi có người chết, tang gia hay để thi thể nằm yên một chỗ, rồi cho gọi thầy Mo về làm lễ gọi hồn. Khi hành lễ, xác chết bị bó chiếu hoặc liệm bằng vải, rồi bỏ vào một cây gỗ đục rỗng ở giữa. Sau khi chiếc áo quan kỳ dị ấy đã được gắn kỹ càng bằng nhựa thông, bằng keo hoặc bằng sơn hay cánh kiến, họ hàng người chết phải đem dựng nó vào một xó nhà. Rồi cứ ngày ngày đến bữa cơm ăn, tang gia lại để trên mâm

thêm một cái bát một đôi đũa, để dành cả chỗ ngồi cho kẻ chết tựa hồ như thuở kẻ ấy còn sống vậy. Trước khi ăn cơm, họ hàng lại vào đứng trước quan tài mời chào người chết. Nói chuyện với ma và gọi tên nó ba lần, họ làm như thế khi đến lúc nào trong xó có tiếng người trả lời câu hỏi. Lúc bấy giờ ma xó đã thiêng rồi, họ có thể giao nhà cho nó giữ gìn được, mỗi khi cả nhà đều đi vắng. Nhưng cốt nhất là người nhà phải để dành chỗ ngồi ăn cơm luôn luôn và trò chuyện với ma luôn luôn tựa như nó vẫn còn sống ở trong nhà vậy. Thế là từ đấy, mặc dù nhà bỏ không, không có ai canh giữ, không bao giờ sợ mất mát một tí gì. Có người lạ vào nhà ư? Người lạ đó phải giữ mình rất cẩn thận, kéo mà chết uống mạng. Một là ngồi không nên quay mặt lại bàn thờ

phải ngồi xoay lưng vào, hai là thấy những đồ vật gì trong nhà đừng dại dột sờ mó tới. Uống một bát nước, ăn một nắm cơm, nắm xôi; vừa ăn uống thoát miệng đã nghe trong xó vắng ra có tiếng đếm: Một! Hai!... Lấy trộm một vật gì cũng nghe tiếng đếm như vậy. Đây là dấu hiệu của ma xó. Khôn hồn thì chạy ngay đi tìm người nhà con ma ấy, thú thực cùng người đó, người đó sẽ cứu cho. Họ sẽ đem mình về nhà, và trước khi tới ngõ, họ sẽ đổi áo ngoài và nón của họ cho mình; họ sẽ mặc áo mình và đội nón mình rồi đi vào nhà, để mình đứng ngoài ngõ. Họ sẽ lại chỗ uống nước thừa, xôi ăn dở họ ăn một nắm cơm, uống một ngụm nước. Con ma xó, theo lệ thường, lại đếm: Một! Hai! vân vân. Lúc bấy giờ tên người nhà vội vàng bỏ nón ra, cởi áo ngoài ra,

giả vờ lên giọng giận dữ mà bảo rằng:

– À, mày đếm cả tao à! Tao là anh (hay họ hàng) mày đây mà! Lúc nãy tao đói quá, ăn một nắm cơm mày đã đếm rồi, tao không nói gì, bây giờ, mày lại muốn đếm nữa hay sao? Muốn tốt thì giải lại hồn vía cho tao, mấy chục hại cả anh mày à?

Thế là xong việc. Người Mường vốn là một dân thực thà, không biết gian trá; ma Mường, vì thế, cũng không biết gian ngoan. Con ma xó tưởng mình lắm thật, nó vội vàng trả lại những vía đã cướp của kẻ ăn vụng xôi. Ngoảnh nhìn xuống đất, trông cái nón, tự nhiên, có vài ba giọt máu. Ấy là ma xó đã tha cho người đội nón rồi đó. Hễ số đếm lên đến bao nhiêu, thì số giọt máu lên đến bấy nhiêu. Thực là một điều kỳ quặc.

Giá kẻ ăn trộm hoặc ăn vụng kia không biết cách cứu chữa cho mình, thì chỉ trong ít lâu tất sẽ chết không có cách gì thoát được nữa. Ma xó trên Muồng là như thế.

Bây giờ đến một câu chuyện lạ hơn nữa: là sự ma xó hóa ra ma rừng. Mỗi khi trong nhà đã có ma xó, thì người Muồng để con ma ấy mãi mãi trong một góc tường, cho tới khi có ma xó mới đến thay. Con ma mới này là một người trong họ vừa mới chết. Khâm liệm, nhập quan và hành lễ cũng theo giống như con ma cũ. Lúc nào ma mới nói được, thì lúc ấy phải tổng ma cũ ra đồng. Sự tổng ma cũ đi không phải là một sự dễ. Họ hàng phải tụ nhau lại, làm lễ linh đình, rồi rước quan tài ra nhà mồ. Nhà mồ ấy làm ở một nơi hẻo

lánh, bên cạnh đường đi. Nó chia ra làm hai gian. Gian trong dùng để quán cỗ quan tài. Gian ngoài dùng để bày đồ đạc. Theo lệ thường, mỗi khi tống ma xó đi, trong nhà phải điều đình thân thiện với con ma ấy. Họ chia của cải đồ đạc ra làm hai phần bằng nhau: một phần để ở nhà, một phần là của ma. Làm như thế, bởi lẽ từ đây ma phải sống riêng một mình, họ hàng không nuôi nó nữa. Khi đem nó vào rừng, phải khuân đồ đạc ra bày nhà mồ cho nó, và dắt một nửa trâu, dê, gà, lợn đi theo. Đến nhà mồ, sau khi đã xếp đặt xong xuôi, người nhà dặn với một câu rằng:

– Đây gà, vịt, trâu, dê của anh (hay của chị) đây nhé!

Rồi bèn thả những con vật ấy ra giữa đồng, mặc cho chúng nó tự do chạy nhảy. Những vật ấy từ lúc đó là của riêng của ma, không phải của người nữa. Không lấy được chúng nó, bắt được hay cướp được chúng nó. Vì hễ đụng đến là có quả báo ngay: con ma thiêng kia sẽ làm cho mình điêu đứng đủ đường kỳ cho đến chết thì thôi.

Khách lữ hành đi một mình trong rừng thường khi hay thấy những gian nhà mồ dựng ngay bên đường hẽm. Những căn nhà ấy trông mé ngoài, không khác gì một căn nhà làm để ở, mà có người đương ở; trong nó thơm tất sạch sẽ, cửa ngõ đều mở rộng, dưới sàn hay bên cạnh nhà lại có các súc vật ta vẫn thường nuôi. Một đôi khi, căn nhà mồ ấy lại giống như một cái quán

bán nước. Mé ngoài, cũng có bàn có chõng, có hàng hóa bày la liệt trên bàn. Nào là đĩa xôi, nào là vò nước vối, nào là đĩa trầu bày gọn ghẽ phân minh. Ai dừng chân qua đây muốn nghỉ ngơi thì cứ việc vào quán, chào chủ hàng rồi xin phép ăn uống cho no. Ăn xong, gọi chủ hàng giao trả tiền cơm nước, rồi cứ việc bỏ tiền ở đây mà đi. Nhưng cốt nhất là đừng lừa dối, đừng ăn quịt; ăn bao nhiêu trả bấy nhiêu, thì đi đường sẽ được bình an vô sự. Nếu vô phúc gian xảo, thế nào cũng không về được đến nhà. Mỗi khi vào quán cứ giống tiếng gọi lên thì sẽ có tiếng người đáp lại, chỉ nghe thấy tiếng nói không bao giờ được trông thấy bóng người. Kẻ nào bạo gan mà trót lỡ độ đường, có thể xin vào ngủ trọ được, miễn là trước khi vào trọ, đã điều đình sẵn với chủ

nhà mồ. Chủ nhà mồ kia chả khác gì người sống mấy, cũng biết nói năng và giữ gìn của cải; chỉ khác người ta ở chỗ không có hình hài mà thôi.

Những con “ma Mường” ấy, không phải con nào cũng thiêng cả. Cũng có con, sau khi không làm ma xó nữa, dần dần biến hẳn đi, không để lại dấu tích gì. Có lẽ nó đi đầu thai. Phần nhiều đấy là các ma chết già; còn những ma chết trẻ hoặc bất đắc kỳ tử thì thiêng lâu, và có khi hiện ra người, đi đứng ăn nói như người được. Nhiều con ma lâu ngày thành tinh có thể quyến rũ người lũ khách, và ăn ở với người sống như vợ chồng. Mấy con tinh thường là đàn bà con gái; mỗi khi nó đi lại với đàn ông thì rút dần dần hết sinh khí và nhân diện của người, làm cho người ta

phải xanh xao, thần thờ, mai mòn héo hắt, mà chết.

Những kẻ không kinh nghiệm, không từng trải, có khi lỡ vướng phải những con tinh dân ô mà thiệt mạng. Bộ Liễu Trai, cứ lấy phương diện ấy mà xét, thật không phải là một pho chuyện hoang đường.

3.

ĐOÀN KỶ MÃ ĐI THEO ĐÈO LẦM Khẳng, khi mới thoát vào nhà sàn của người thiếu phụ có giọng nói lạnh lạnh, đã tưởng và sợ gian nhà ấy là một cái nhà mồ. Họ đều rõ biết phong tục của dân Mường, hóa nên càng suy nghĩ bao nhiêu, họ càng khủng khiếp bấy nhiêu. Lầm Khẳng cũng có ý hơi giờn giợn; song le chàng còn trẻ có nhiều sức khỏe và can đảm, nên không lấy thế là đáng ngại ngừng

cho lắm. Dù lỡ sa vào nhà ma thì đã có làm sao? Chàng điềm tỉnh ra lệnh cho anh em cứ vui lòng nghỉ ngơi trong quán trọ.

Đoàn kỵ mã được khói thuốc phiện tiêm vào tâm hồn những mầm nghị lực khẳng khái, những tia hi vọng ấm áp, nên quây quần xung quanh ngọn đèn dầu lạc lóng lánh chiếu hoàng quang trong cõi tối lạnh đìu hiu, họ dần dà quên hẳn sự gian nan nguy hiểm, quên hẳn cả thời khắc và cảnh ngộ của họ. Câu chuyện bắt đầu từ một lời vui đùa vô nghĩa, dần dần nở như gạo vàng, rồi gây những tiếng cười giòn giã, những giọng nói mạnh bạo, trong khi hai ông bố già, từ xưa vẫn theo hầu Đèo công tử, nằm vắt tay lên trán, trầm ngâm trong những ý tưởng gì miên man, hoặc

trong mỗi ái ngại gì bí mật, khiến trên trán hai vị lão nô đó, thỉnh thoảng lại in lằn rõ rệt những nét giãn lo sợ, mà trong đồng tử họ, lơ mờ như ẩn hiện một nỗi buồn không bến không bờ.

Duy có Đèo Lầm Khẳng là vẫn tươi vui cười nói, chàng nằm sát cạnh khay đèn, bắt người tiêm thuốc cho chàng hút. Lầm Khẳng hưởng thú “mây khói” lần này là thú nhất; thế mà lần thứ thất, chàng đã thấy thú kia có nhiều ý vị dường như chị Phù dung, từ trước, đã mở tay chờ sẵn, chỉ đợi đến hôm nay là vốn vãi đón chào chàng. Chàng hút, chàng hút..., cảnh vật xung quanh mình chàng tựa hồ theo thời gian mà biến cải, theo đêm tối mà thay hình: nó hóa ra lơ mờ huyền ảo. Thuốc phiện ngấm vào xương tủy chàng làm cho óc chàng

trong sáng thêm; nó tiêm vào da thịt chàng một thứ mãnh lực mới mẻ; dị thường, khiến chàng tự thấy can đảm bội phần, không còn biết hãi hùng là gì nữa. Không những thế, trong thân thể chàng lúc ấy lại như tỏa ra một sự khoái lạc vô biên, nhẹ nhàng êm dịu; khoái lạc đó làm cho mắt chàng thấy cái gì cũng đẹp, nghĩ ý gì cũng vui. Nó khiến chàng nằm trên sàn nứa, mà tưởng tượng như ngả mình trên đệm gấm, gối nhung: chàng sung sướng lạ. Một thứ sinh khí vô tận chạy luồn trong mạch máu Lâm Khảm; chàng ham sống, muốn sống, coi đời hiện trạng là một cõi Thiên đường...

Lần đầu trong đời chàng, Đèo công tử đã bén duyên cùng Phù dung tiên nữ.

Rồi, giữa lúc đứng trong một cảnh đáng to, đáng ngại, giữa lúc đương ở trong một trường hợp nguy nan đến cực điểm chàng thiếu niên có tâm hồn ngây thơ kia được nàng Phù dung đưa vào chơi cơi “Giả thiên đường”. Vào đến bờ cơi ấy, chàng quên hẳn hình hài và hiện trạng...

Thời gian xung quanh chàng đổi thay bao nhiêu khắc, sự vật dưới mắt chàng đã biến cải bao nhiêu lần chàng không hề biết tới. Đối với chàng, lúc bấy giờ tang thương như ngừng hẳn lại, những giờ đặng đặng cũng tựa hồ đứng bật, không trôi... Không hiểu trong bao lâu, chàng mơ ngây ngất. Anh em bạn cùng đường của chàng hình như gần mà cũng hình như xa hẳn: họ nằm ngổ nghiêng ngã trong bầu không khí bao

bọc chàng, nhưng, quái lạ! giống như họ vui đùa ở mãi một cõi huyền ảo, xa xăm, có lẽ ở trong cõi mộng!... Chàng phảng phất trông thấy họ chuyện trò vui vẻ, thấy hai ông bố già nằm trầm ngâm nghĩ ngợi điều gì. Không biết vì sao, quang cảnh ấy như ẩn hiện sau một màn sương thấp thoáng. Tiếng cười đùa cách quãng bay vào tai Lâm Khảm, chàng cảm thấy mình say thuốc phiện và anh em bạn cùng đường vẫn còn nằm quây quần xung quanh, để giữ chàng như một bảo vật.

Bỗng đâu, cánh cửa phòng bên kệt mở. Cùng giật mình quay lại, cả đoàn kỵ mã trông thấy một cảnh nửa êm đềm nửa giùng giợn, xuyên vào óc họ một cảm giác dị kỳ. Giữa lúc họ đương bồi hồi thấp thỏm, một con chim rừng

gáy trống canh rúc lên một hồi ảo não, thảm buồn. Đoàn kỵ mã nhận biết lúc đó đúng mười hai giờ đêm không sai nửa khắc. Sẵn có chút nghị lực và chút khí khái mà thuốc phiện vừa tiêm vào tâm trí họ, cả đoàn im lặng đợi chờ...

Vì cánh cửa tre mở ra, cõi u minh như hiện rõ ràng dưới tầm mắt họ.

Vì, trên nền tối đen, mờ mịt, bỗng nhô ra một cái bóng lẫm liệt, lại dịu dàng.

Vì cái bóng kia có lẽ là bóng ma rừng, một thứ ma rừng thiêng liêng và tàn ác lạ: bóng đó là bóng một nàng con gái!

Trừ Lâm Khảm đương mơ màng thêm thiếp, cả đoàn như dán mắt

vào cửa phòng bên cạnh mở toang ra. Trông vào trong, không thấy sự gì, chỉ thấy bóng tối chập chùng, thăm thẳm...

Một khắc, cả đoàn cùng lo ngại. Nhưng không, người con gái kia tiến ra, vui vẻ, tươi cười.

– Em xin chào các anh em. Anh em sao mà đông thế?

Giọng nói lạnh lạnh, như một luồng gió rừng lạnh buốt phả vào thân thể đoàn kỵ mã làm cho ai nấy điếng người. Thôi! ma, có lẽ là ma! Mạnh bạo, cả đoàn cùng nán đợi...

Người con gái kia, nếu không phải là ma, họ tất đã tranh nhau xin cùng nàng ân ái. Nàng đẹp đâu, đẹp quá! Toàn thân mặc đồ trắng, không mặc vải

lam như những đàn bà con gái khác. Y phục nàng là y phục bản thổ. Cũng cái khăn trùm mái tóc, cũng cái dây quần ngang lưng và dài xuống tận mắt cá, cũng cái yếm che ngang ngực và mình áo dài bó sát lấy vai rồi thướt tha rủ xuống. Nàng là một thiếu nữ Mường, nhưng một thiếu nữ Mường tuyệt sắc, có lẽ đẹp hơn nhiều các cô ở dưới tỉnh thành! Áo quần nàng làm sao không có vẻ thô bản như những áo quần vải trắng, nó trông óng ả như tơ, mềm mại như lụa; nó còn có một dấu hiệu lạ hơn nữa: là nó ỉn mà như hiện, rõ mà như mờ, tựa hồ bản chất nó là sương, là khói... Thiếu nữ đi như không bước, thế mà nàng tiến lại mé đông người. Môi nàng, đỏ thắm như hoa, cười một nụ cười say đắm. Hàm răng nàng trắng nõn như ngà. Trong bầu không khí ảm

đậm, mịn mờ, đôi con mắt đen sáng như gương, dưới vành lông mày dài, phăn, vành công bán nguyệt, chiếu ra một luồng quang tuyến dị kỳ. Cũng thì con mắt loài người sao đôi mắt nhi nữ kia quá sắc sảo, lạnh lùng như vậy? Trông vào nó, như chạm phải một lưỡi dao mài rõ ngọt, như đương đứng trong tối mà ngẩng nhìn một tia chớp chói lọi, xanh trong.

Phàm giả những cặp mắt đàn bà, từ xưa đến nay, có nhiều khi nó sắc hơn dao, hay nó nồng nàn say đắm; chưa từng bao giờ nó chan chứa hào quang. Thế mà, chả hiểu vì đâu, đôi mắt ai kia không có vẻ gì say sưa, đắm ấm cả; nó lạnh lẽo như băng giá, lại ngời sáng như điện quang. Mới thoát ngấm giai nhân, ta bị giật mình chói mắt nhưng nhìn

lâu rồi cũng quen đi; chỉ lạ vì nổi càng trông thẳng vào nàng, càng như thấy một luồng điện êm như nhung, mà mạnh như gió, lôi cuốn mình như đá nam châm hút sắt, lại truyền cho mình thứ cảm giác gì khó hiểu, luồn vào từng mảnh thịt trong người, làm cho mình phải lạnh buốt run lên. Nhưng đây mới chỉ là đôi mắt. Trông đến tay chân và nước da thiếu nữ, cả đoàn kỵ mã lại càng thấy can đảm trong lòng tiêu tán dần dần. Tay thiếu nữ đáng lẽ, so với tấm thân đều đặn diễm lệ kia, phải là một bàn tay ngọc ngà mũm mĩm; có sao nó gầy gò, xương xẩu, trông như thịt rã đi rồi? Trái hẳn với đôi môi như tô sáp son đỏ rực, màu da mặt trông xanh, xanh lợt, xanh một màu xanh vàng lợt, chả khác gì màu sáp ong đã lọc sạch đi rồi. Màu da ấy như chỉ cho

kẻ sống biết thiếu nữ kia là người ở cõi u minh trở lại, là người trong cõi chết, là một cái thây ma vượt quan tài đứng dậy ra ngoài.

Đoàn kỵ mã, sẵn có khối óc tin ma, đều nhìn nhau, kinh khủng. Sự sợ hãi của họ gần lên đến cực điểm. Chỉ một phút nữa; họ bỏ cả chủ đoàn, cả hành lý, cả bàn đèn, chạy ủa xuống gác. Nhưng may thay, thiếu nữ hình như biết rõ tâm lý họ, vội xua tay, êm ả nhủ rằng:

– Các anh em đừng sợ. Xin cứ yên lòng ở nán lại đây. Em không làm hại các ngài đâu, em không được lợi gì cả. Mà dầu các ngài có ra đi, ví như ý em đã quyết bắt các ngài phải chết, các ngài có tài trời cũng không trốn thoát

tay em. Nhưng trái lại, đã không làm hại anh em, em đây còn muốn cứu cho cả đoàn nữa. Chớ đi! Xin chớ đi! Qua khỏi cửa nhà em, đêm hôm nay, không một vị nào thoát khỏi vuốt thiêng của Thần hổ xám!

Ba tiếng “Thần hổ xám” sau cùng nói to hơn các tiếng khác, khiến cho Đèo Lầm Khẳng, đương nằm lơ mơ thi u ngủ bỗng giật mình ngồi phắt dậy rồi đứng lên. Chàng giụi mắt ngắm hoàn cảnh xung quanh bỗng luồng nhớn tuyến của chàng chạm phải đôi đồng tử lạnh lẽo, nhánh đen của thiếu nữ mặc y phục trắng. Bốn mắt nhìn nhau lâu lắm; chàng thiếu niên như không sợ sệt chút nào: chàng không bị đôi mắt ai kia thôi miên và làm cho ngây ngất.

Có lẽ trong lúc óc chàng đương bị ả Phù dung đem tấm màn say mơ phủ lại, chàng trông người con gái đứng trước mặt, thấy nàng đẹp một vẻ rất diễm lệ, yêu kiều. Chàng ngỡ ngỡ hình như có quen nàng từ trước; nhưng trong lúc say sưa, chàng quên bẵng đi, cứ tưởng tượng rằng ai kia là một vị Tiên nga trong cõi mộng giáng lâm. Xiêu lòng vì mỹ cảm; chàng tiến lại mé nàng:

– Em ôi! một đời hồ dễ mấy phen được cùng nhau gặp gỡ tự nhiên, anh chắc đôi ta hẳn có tiền duyên giàng buộc. Đã được vui vẻ cùng nhau xum họp, chúng ta phải có rượu mừng. Phải thưởng cho hết những phút say sưa: cuộc đời nào có được bao nhiêu sinh thú? Nào! Em có cơm ngon rượu ngọt, cho chúng anh ăn uống với nào! Rồi

em cùng ra đây dự tiệc, đôi ta sẽ nâng chén quỳnh tương bàn mọi chuyện tương lai... Ví không biết nhau thì thôi, nhưng đã quen nhau trong một trường hợp như trường hợp hôm nay, em phải làm cho anh sung sướng, ngõ hầu quên hết nỗi lo sợ, buồn rầu. Dù em có là yêu tinh hay là ma quỷ hiện hình, anh cũng không ngại. Âm dương tuy đôi ngả, nhưng ái tình chỉ có một đó thôi! Nào em, em nếu thuận tình, xin nói thật cho anh hỏi dạ!

Mặt thiếu nữ đương xanh ngắt bỗng đỏ hồng le lói như sắc mặt trời. Một thứ ánh sáng dị kỳ khiến nàng trông đẹp thêm ra, không có vẻ lạnh lùng như trước nữa. Nhan sắc nàng lúc đó tựa hồ vì câu nói chàng thiếu niên mà bùng bùng nhuộm dần sinh khí,

mà tăng vẻ nồng nàn, tươi thắm; bông hoa phù dung ban đêm trắng toát đã vì lửa nắng hè mà hóa đỏ hồng hồng. Thiếu nữ liếc mắt gợn sang mé Lâm Khảm những tia ân ái êm đềm, chan chứa, nàng hé miệng tươi cười hớn hở, lại gần nắm lấy tay chàng. Chàng vẫn bình tĩnh như không, hình như không cảm thấy bàn tay ấm áp và tốt đẹp của mình đã cầm phải những khớp xương cứng cỏi, đã vì sự đụng chạm đó mà lạnh tê, lạnh buốt, tưởng chừng bàn tay ai vốn làm bằng giá, bằng băng. Hai ông bố già thấy cảnh ấy bỗng giật mình, lo lắng. Hai bố lấy làm ngạc nhiên khi thấy Lâm Khảm ngây ngất quàng vai thiếu nữ, nhủ nhủ bảo nàng:

– Rượu đâu em? Em khá mau đem cơm rượu ra đây, chúng ta cùng thưởng thức buổi hiếm có này làm kỷ niệm!

Thiếu nữ thoăn thoắt đi vào trong buồng tối. Hai ông bố già, nhân lúc vắng mặt nàng, bèn kéo Lâm Khảm xuống, dỉ tai chàng khuyên bảo những câu gì nhỏ quá, không ai nghe rõ. Lâm Khảm gật đầu mấy cái, ngồi thụp xuống, trả lời rằng:

– Hai bố cứ mặc con xoay sở. Nó vốn là ma hiện hình, con biết chắc nó là ma, nhưng rồi ta sẽ có cách. Hai bố đừng lo ngại, cứ yên lòng, kiên nhẫn, chờ xem cơ hội thế nào. Nếu quả nghiệp con phải đoán thọ về thú dữ hay ma rừng, thì dầu cao bay xa chạy cũng không thế nào tránh khỏi.

Một vài phút sau, độ gần canh ba, cơm rượu đã bày la liệt trên sàn nứa. Thiếu nữ thân bùng mâm ra, vui vẻ

mời khách lũ hành cùng hạ cổ uống say một bữa. Dựa vào can đảm của chủ đoàn, mười người kỵ mã đuổi hết trong tâm trí những nỗi lo sợ viễn vông, cùng ngồi cả xung quanh mâm cỗ, chúc rượu mừng Lâm Khảm cùng giai nhân. Trong khi ăn uống một người trong bọn tươi cười hát một khúc hùng ca chúc thọ chủ đoàn. Rồi cả bọn cười nói nô đùa; gian phòng lạnh lẽo bấy giờ như chứa đầy sinh khí nồng nàn, cường thịnh.

Ngọn đèn dầu lạc từ từ lụi hẳn. Tiếng chim rừng đã xao xác báo canh tư. Mười tên kỵ mã say quá, lại mệt mỏi cả ngày đêm, nên cùng ngã gục xuống mặt sàn nằm la liệt ngủ miên man như xác chết. Đợi lúc tất cả cùng lăn ra mê mẩn, cô gái Mường mặc y phục trắng

mới ung dung đứng dậy; rồi, mắt liếc trắng hoa, mồm cười mây gió, nàng lộ ra một vẻ si tình đắm đuối, nũng nịu kéo tay Lâm Khảm, dắt chàng vào.

Một con mãnh hổ, mé xa gấm vang chuyển có một khu rừng núi. Một làn gió lạnh lọt vào khe cửa, bỗng lay động tia lửa cồn con của ngọn đèn thuốc phiện. Tia lửa vụt tắt. Bóng tối đen chiếm lấy không khí, chứa đầy và bao bọc hẳn gian phòng...

4.

 ã TỈNH RỒI NHƯNG CHUẢ mở mắt, Đèo Lầm Khẳng có cảm giác là trong tâm hồn chàng hình có một chỗ hồng, một chỗ trống rỗng, đen mờ. Trí nhớ, chàng chưa bị đứt quãng. Chàng không hiểu chàng nằm ở chỗ nào, và lúc đó vào khoảng mấy giờ. Ốc chàng lơ mơ, như bị một bức màn quên che lấp một vài lớp. Chàng thấy cồn cào gan ruột, khát nước lạ thường. Gân cốt chàng hình

như bị nhún hết cả ra; chàng tuy không mệt nhọc, song không hiểu vì sao, thấy thân thể cứ như bị bần thần, tê tái, buồn buồn mỗi mỗi dị kỳ. Chàng bèn duỗi tay duỗi chân rõ mạnh cho lại sức và tỉnh táo; vừa vươn vai, chàng bỗng đã rút tay vào, kinh ngạc. Chàng vừa đụng phải một vật gì to và cứng, tựa hồ như một súc gỗ tròn. Súc gỗ ấy như kê sát bên cạnh chàng, chàng vì mê ngủ nên không biết. Một cái nhún mình, chàng bèn nhảy đứng phắt dậy, mở mắt to quan sát.

Chao ôi! càng trông rõ, hồn chàng như càng bay bổng trên mây. Lầm Khảm không thể cầm được nỗi kinh hoàng đến cực điểm, chàng bịt mắt kêu to lên một tiếng. Thì ra vật chàng đụng phải là một cái quan tài, một cỗ

quan tài bằng bạch mộc, bào rõ tròn và chạm trổ rất công phu. Chàng càng nghĩ lại, càng giùng mình giợn tóc, bởi cả đêm hôm qua, – bây giờ chàng đã nhớ, – chàng ôm ấp một xác ma khảng khít ở bên mình. Bao nhiêu những việc đã xảy ra đêm trước bỗng tự nhiên dồn dập hiện rõ trong óc chàng, lấp chặt những chỗ trống rỗng chàng cảm thấy khi thoát vừa tỉnh giấc.

Sau khi bọn kỵ mã ngã lẫn ra, say khướt, thiếu nữ mặc y phục trắng dìu chàng vào chung gối trong phòng. Tia lửa cuối cùng của ngọn đèn dầu lạc bỗng bị gió lay, tắt mất. Giữa bóng tối trùng trùng điệp điệp, Lâm Khảng không nhìn thấy vật gì. Trong lúc lao đảo say sưa, những cảm giác của chàng lơ mơ, không được rõ ràng, chính xác. Chàng chỉ nhận được rằng, khác

với cảm tưởng buổi bắt tay trước tiên, những cảm giác sau này liên tiếp trong xác thịt chàng đều là những khoái lạc tiêu hồn và êm ái. Bên cạnh giai nhân chung tình và nũng nịu, chàng thấy không khí tựa hồ ấm áp, lòng son tựa hồ bùng nóng, mạch máu tựa hồ nổi sôi. Bàn tay ai kia buổi sơ thân, cứng như xương mà lạnh như băng tuyết, có sao nữa khắc sau khi người ngọc nhấp nhô và ba ly rượu nếp, nó bỗng hóa ra mềm mại, mịn, dẻo, nó bỗng tỏa ra một nguồn sinh khí nồng nàn? Rồi, không những thế, con mắt ai lạnh lẽo cũng dần dần thùy mị, màu da ai xanh lợt cũng dần dần tươi tỉnh, hồng hào. Cặp má đào của thiếu nữ bỗng đỏ bừng lên, nàng vứt bỏ tấm khăn quăn ngang mày, tung làn tóc nhánh đen lỏa xóa đủ dài xuống gót.

Ôi! Sắc đẹp như thế sao không phải khuynh thành, khuynh quốc; Lâm Khảm những hồi hận đã quá ngò vức, liệt bạn tình vào loài ma quỷ, yêu tinh. Chàng lại tự cho mình sung sướng, tự cho mình đã có hạnh phúc, lần đầu tiên trong đời, được biết thú ái ân trong một thiếu nữ yêu kiều dường ấy. Say rượu, say thuốc phiện, say gái, chàng đắm đuối trong trường lạc thú, rồi quên, quên cả, quên hết nghĩa vụ và bốn phận đợi chàng trong quăng tương lai. Ở một hoàn cảnh tương tự như hoàn cảnh này, không ai có thể làm hơn chàng được nữa. Lâm Khảm từ trước, đã liều phó thân thể và linh hồn cho số mệnh, cho duyên nghiệp, chàng cứ tự nhiên làm đúng theo lời dặn của lương tâm, của xác thịt, không quản gì đến kết quả sau này.

Đêm hôm ấy, thấy thiếu nữ tỏ ý âu yếm chàng cũng chẳng nề hà, trả lại cho nàng một tấm yêu chân thật. Giữa bóng tối chập chùng lạnh lẽo chàng được biết người đàn bà thứ nhất, chàng được cùng nàng say đắm trong một cuộc ân ái mê ly. Chàng không thấy lạnh lẽo nữa, dầu rằng ngủ không chăn, không đệm. Thiếu nữ tựa hồ cũng như chàng, hiểu khoái lạc chung tình lẫn thứ nhất. Nàng yêu đương chàng một cách nồng nàn thân thiết sẽ vượt ve chàng và lên giọng nỉ non hát ru cho chàng ngủ khiến hồn chàng phút chốc như chia ra tan tác, như bay bổng lên một từng thế giới xa xăm. Gối lên cánh tay ngà ngọc của người yêu chàng thiu thiu buồn ngủ. Giọng hát âm thầm tỏa trong không khí gian phòng một điệu ca Mường buồn bã, nửa nảo nuốt, nửa

dịu dàng, một điệu âm thanh khi nhẹ nhàng, khi ai oán, khiến cho chập chờn trong giấc điệp, chàng thiếu niên lánh nạn còn phảng phất nghe tiếng ru văng vẳng bên tai, tiếng ru xa lắc xa lơ, từ cõi u minh đưa lại. Lâm Khảm ngủ đã say, hơi chàng thở đều đều, thế mà giọng hát vẫn còn âm ỷ văng ra không ngớt. Mãi đến khi gà rừng: báo hiệu canh năm đã dứt, mãi đến khi trăng sương đã, đi hết quãng đường mây biếc, gần sang nắp bóng non Đoài, lúc bấy giờ tiếng hát bỗng nhẹ dần đi, rồi ngừng, rồi im bật.

Đến lúc Lâm Khảm bàng hoàng tỉnh giấc, chàng thấy mình nằm chơ vơ trên sàn nứa, ngay bên cạnh một chiếc quan tài. Chàng hoảng sợ định tìm đường chạy trốn, thì bốn bề cửa đóng

kín như bưng. Buồng bên cạnh, cũng không nghe tiếng người động đậy. Có lẽ họ còn ngủ? Có lẽ họ bỏ trốn hay chạy đi tìm chàng tất tưởi trong rừng? Hay là bị loài yêu kia làm cho chết hết cả? Bao nhiêu ý nghĩ lộn xộn làm não lòng Lâm Khảm, chàng hải hùng, luống cuống vô cùng. Nhưng chàng chưa biết tìm cách gì thoát thân cho khỏi nạn. Trông khe phen tia ánh sáng ở ngoài vào phòng tối, chàng nhận biết lúc đó độ vào khoảng giờ Ngọ, gần đúng giữa trưa. Chàng như một tên tù bị giam hãm trong nhà pha, chỉ có cách vượt ngục là may ra tìm thấy ánh mặt trời sáng lạn. Chàng bèn lấy vai húc vào tường, rồi xô, rồi đập, nhưng đều vô công hiệu: phen tuy trông mỏng manh mà rất chắc, rất bền, vả chẳng mé ngoài lại có những then ngang then dọc làm

cốt. Chàng chân tay không; trong mình tịnh không có một tý khí giới nào; hóa nên dù lực lưỡng, chàng cũng đành bó tay chịu nhốt. Chàng tự nghĩ: «Mình đã bị nó quyết lòng hãm hại, thì có chạy lên trời nó cũng đuổi theo!» Suy tính thiệt hơn, chàng dần lòng ở lại trong phòng cùng cỗ quan tài, cùng thầy ma chết. Chàng không muốn trốn nữa, vì biết rằng có trốn cũng vô ích cũng uổng công.

Đương vợ vẫn bồn chồn, chàng bỗng thấy bên cạnh quan tài một tờ giấy hoa tiên phơn phớt đỏ. Không hiểu tờ giấy đó ở đâu bay lại, chàng lấy làm quái dị vô cùng. Chàng bèn cúi xuống lượm tờ giấy đó, đem lại một khe hồng trong tường, nhờ ánh sáng ở ngoài chiếu vào, đọc. Bức thư kia đại khái như sau này:

“Xin anh đừng lo ngại, em không
nỡ lòng nào ám hại anh đâu. Sở dĩ nhất
anh, là vì em muốn cứu anh đó. Nếu
anh dậy sớm quá, trước buổi đúng Ngọ,
xin nán đợi em ít lâu. Đến trưa, mới là
giờ em được về dương thế nói chuyện
cùng anh, anh hãy cố kiên nhẫn. Sợ anh
không yên dạ, em phải để lại thư này
từ tối hôm qua. Anh chớ đi đâu nhé !
Chớ ra khỏi cửa phòng này mà bị hại,
thì em khó lòng cứu anh được vạn toàn!
Muôn ngàn ân ái gửi cho anh, anh chớ
phụ tình em yêu quý anh mãi mãi.”

PENG-SLAO ký

Lâm Khảng rất lấy làm sửng sốt
khi thấy trên lá thơ bút tích của đàn
bà. Chữ viết trên mảnh hoa tiên là chữ

quốc ngữ, một thứ chữ quốc ngữ viết còn bỏ sót dấu hoặc đánh sai dấu và bằng một giọng ngô nghê khó hiểu, lớ lớ giọng Mường học tiếng Việt Nam. Nếu Lầm Khảm không phải là một kẻ thông thạo cả hai thứ tiếng, thì có lẽ chàng: khó lòng đọc hết được bức thư. Đọc xong, yên trí rằng con ma trong quan tài không chủ tâm độc địa giết chàng, chàng thu hết can đảm và nghị lực ráng ngồi chờ đợi.

Chàng còn mãi mê suy nghĩ, mặt trời đứng bóng lúc nào. Trong áo quan khi ấy bỗng vang ra một giọng nói lạnh lạnh, nhưng chàng chứa vẻ yêu đương, giọng nói của con ma áo trắng. Lầm Khảm nhận biết tiếng tình nhân, chàng mạnh bạo tiến lại gần cổ quan tài, vỗ vào súc gỗ:

– Sao nàng nhốt tôi trong phòng này, không cho ra ngoài họp đây tớ lại để đi cho thoát nợ? Tôi còn một việc cần kíp phải làm bốn phận và nghĩa vụ đương ngong ngóng đợi tôi; xin nàng sinh phúc cho, để tôi được làm tròn công việc, ơn này in sâu trong tâm khảm, tôi thề rằng không bao giờ tôi nữ quên nàng...

Lầm Khảm nói đến đấy, quì xuống sà, vái cổ quan tài bốn lượt. Một giọng cười trong trẻo đáp lại bốn lễ đó.

– Anh không cần phải nói! Em đây đã rõ cả rồi mà! Anh cứ yên tâm. Rồi em sẽ thả cho anh đi có giữ anh lại làm gì cho bận? Nhưng ngay bây giờ thì anh chưa đi được, vì ra khỏi nhà này, anh sẽ bị hại ngay. Chỉ bởi lẽ em muốn

cứu anh, nên phải bó buộc anh như vậy. Anh cùng em có chút duyên ân ái, nên bốn phận em là phải chu toàn tính mệnh cho anh và đẩy tớ anh. Anh không sợ. Khi nào nghe hết chuyện em kể lại, bây giờ anh sẽ hiểu ngay. Vậy anh nán ngồi lại đây, gần em, dựa tay lên quan tài em, yêu em một chút xem nào! Rồi em sẽ kể anh nghe một câu chuyện lạ. Rồi em sẽ cắt nghĩa anh nghe vì sao em phải cứu anh. Anh ôi! anh có biết em mến quý anh là dường nào! Ít lâu nữa, đôi ta sẽ phải lìa nhau, có khi lìa nhau mãi mãi! Em rồi đây em sẽ chịu cô thân trích ảnh, biết ngày nào mới lại được cùng anh âu yếm nhau đây? Em sẽ buồn, sẽ tủi, sẽ nhớ anh, nhưng biết làm sao cho được? Chẳng qua chỉ vì duyên nghiệp! Đôi ta đã bị âm dương chia ra hai ngả, mà tình duyên

theo nghiệp số, cũng chỉ gần có trăm ngày! Đã không hương lửa thì thôi, chớ đã chần gối cùng nhau, anh cũng như chồng em rồi đó. Em phải ở cùng anh cho trọn nghĩa, dẫu rằng đời sum họp hai ta chỉ có độ trăm ngày. Em, sau này, tuy có tiếc nhớ buổi hợp hoan, cũng đành nằm yên lặng trong mồi này mà đợi thuở anh lìa đời phàm tục.

“Nhưng thôi. Đây là tương lai xa vời, giờ đây anh hãy nghe em kể lại chuyện hiện thời. Nhưng muốn cho em nói hết nguồn gốc sự gặp gỡ của đôi ta, anh phải nguyện với em rằng sẽ, yêu em thực bụng. Và, trong mấy khắc ngắn ngủi này, anh phải thương mến em cho nồng nàn, đắm thắm, cho em khỏi tủi mình duyên phận hẩm hời. Rồi đây anh sẽ ra đi, anh sẽ đưa chen

trên chồn hồng trần huyền náo; em, em vẫn phải một mình lạnh lẽo, nằm chờ anh trong chiếc quan tài! Em chỉ mong rằng: giữa một cuộc vui bên cạnh một người vợ sống, trong một khắc ân ái say sưa, anh sẽ để dành cho em một chút tình thương nhớ. Thế là đủ. Rồi ra, đối cảnh nào nùng, ngắm hoa đào rụng, trông bóng trăng tà, vì anh hồi tưởng đến em, xin tưới cho em vài giọt lệ. Em ở xa xôi trong cõi vô hình vô ảnh, sẽ thấu lòng anh và phù hộ cho anh...”

“Nào, tình quân ôi! Xin anh đừng sợ em, thân gái đã ra ma, anh xích lại gần đây một tí! Bây giờ em xin kể anh nghe một câu chuyện kinh hồn.”

Như một đứa trẻ ngoan ngoãn biết vâng lời, Lâm Khảm, khi xác chết thở

thẻ nói xong mấy lời thành thực, thì không còn ái ngại chút nào, bèn ngồi sát bên cỗ quan tài, vừa vuốt ve mặt gỗ, vừa lắng tai chú ý vào câu chuyện rùng rợn của cô gái Mường đã thành ma thiêng, một thứ ma biết yêu, mê, say đắm...

5.

NĂM ĐÓ, ANH A, KHÔNG NHỚ rõ về năm nào cũng trong vùng huyện Thạch Thành này, có một người lính đồng thường hay theo hầu bên cạnh quan huyện và được ông quan đó thương yêu, trọng dụng lắm. Một hôm, có kẻ đến báo cho biết mẹ anh ta ở nhà ốm sắp chết, và khuyên anh ta nên xin phép quan huyện về thăm mẹ cho tròn đạo hiếu với người gần tới buổi lâm chung. Anh lính đồng

đó vốn quê quán ở Ninh Bình, vì sự kiếm ăn nên phải đi xa xôi mãi vào mé thượng du miền Thanh Hóa. Thuở xưa chưa có xe cộ đi nhanh cho lắm, hóa nên từ Thạch Thành về tới quê anh lính đông, đường đi phải nửa tháng nếu đi ngựa, và một tháng nếu đi cáng hoặc đi chân. Bởi thế, anh lính phải liệu đi sớm tối cho về tới nhà, kéo lờ chậm thì có khi bà mẹ không được trông thấy mặt anh trước khi tắt nghỉ.

“Anh lính vội vàng khúm núm vào khóc lóc kể sự tình cho quan huyện rõ và xin phép quan từ chức để về nhà trông coi mọi việc gia đình. Quan huyện, thương tình, cho phép về ngay sáng hôm sau, lại đưa tặng anh ta hai chục quan tiền để về quê quán làm ăn và ma chay cho mẹ. Anh ta lạy từ quan

huyện và gia quyến ngài rồi thu xếp hành lý định sáng ngày mai đi sớm. Tối hôm đó anh lính ngủ ở đầu hè nhà tư thất, để tang tảng sáng ra đi cho tiện, đỡ phiền. Độ ấy vào tiết mùa thu, trung tuần tháng chín. Trăng lên tròn vành vạnh và sáng quắc, phong cảnh ban đêm ngoạn mục vô cùng.”

“Quan huyện là một ông quan thanh liêm và hiền từ; ngài vốn là một nhà thâm nho, xuất thân vì khoa mục. Tối hôm đó, chả biết sao, ngài tự thấy trong lòng bồn chồn khắc khoải, ngài bèn sai bưng một cái bàn mây, một cái ghế nhỏ ra đầu hè để ngồi thưởng nguyệt, ngâm thơ. Rồi ngài ngồi trâm ngâm trước nhà, vừa hút thuốc lão, vừa thần thờ ngâm vịnh. Cách chỗ quan huyện ngồi không xa mấy bước, anh

lính đông nằm đắp chiếu ngủ say. Anh ta đập tung cả chiếu chắn, để lộ mặt ra ngoài. Bóng trắng chiếu vào khuôn mặt anh, khiến quan huyện phải giật mình kinh ngạc. Vì không biết tại sao, trong khi ngủ say, anh ta trông khác hẳn. Cái vẻ tươi cười, lạnh lẽn, thường ngày vẫn hiện trên bộ mặt anh ta, tự nhiên biến đi đâu mất hẳn. Trên trán anh ta, lúc ấy, những đường răn in lằn rõ rệt, một nét cười đau đớn làm xéch hẳn mồm anh khiến cho anh giống như một kẻ đã chết trong một trường hợp thê thảm. Quan huyện nghĩ thầm trong dạ: chắc anh lính kia nghe tin mẹ ốm nặng nên ưa phiền. Ngài đã định không nhìn đến anh ta nữa, đi vào nhà tư thất nghỉ ngơi. Bỗng đâu, vùng mây che lấp mặt trăng tan đi, ánh trắng tia thẳng vào đầu anh lính đông. Liên lúc ấy, một con

chuột từ phía dưới nhà chạy thẳng lên hè, mồm tha một chiếc lá bàng to. Con vật ấy rón rén lại gần đầu anh lính, phủ chiếc lá lên mặt người mê ngủ.”

“Quan huyện ngồi yên lặng trông con chuột. Ngài lấy làm kinh dị vô cùng. Ngài cho rằng sự phủ lá lên mặt tên lính kia có lẽ là sự tự nhiên, không có điểm gì quan trọng. Ngài lại gần anh lính, nhặt chiếc lá bàng trên mặt anh ta ném ra ngoài. Rồi ngài đợi một chốc, ngấm xem con chuột làm gì. Một lúc lâu, con vật ấy lại hiện ra chạy tới mé anh lính dorm. Nó trèo lên ngực anh, rồi ngơ ngác nhìn. Không thấy chiếc lá trên mặt anh ta nữa, nó bèn leo xuống. Chẳng bao lâu, nó tha chiếc lá khác lại phủ lên mặt anh ta; lần này thì quan huyện cho là rất lạ lùng, ngài định bụng

thử xem con chuột làm đến thế nào mới thôi. Ngài bèn nhặt chiếc lá vứt đi chỗ khác. Quả nhiên, con chuột lại tha chiếc lá nữa, làm như mấy bận đầu tiên. Cứ như thế đến non mười lần, hể quan huyện lượm chiếc lá đi, thì con chuột lại đem một chiếc lá mới phủ lên mặt người lính ngủ. Mãi sau cùng, quan huyện mới nhận ra rằng nếu mặt anh lính bị chiếc lá phủ kín, thì con chuột không kỳ cục làm gì. Ngài yên trí trong đó hẳn có một điểm quái gở, bèn thôi không tò mò nữa, vào phòng đi ngủ.”

“Sáng hôm sau ngài trở dậy rõ sớm, cho gọi anh lính đồng lên và khuyên anh ta đừng nên trở về quê quán mà có khi gặp sự chẳng lành. Anh lính khóc lóc, lạy lục, nhứt quyết xin cáo từ, kêu rằng mẹ anh chỉ có một con, nên

anh không thể nào không về nhà cho được. Quan huyện phải dần lòng để anh lính trở về quê quán, nhưng ngài kể lại chuyện chiếc lá phủ mặt cho anh ta nghe, và dặn dò anh ta phải rất cẩn thận trong khi đi đường.”

“Lạy từ chủ, anh lính dũng mạnh mẽ ra đi. Ngày thì trèo núi, vượt khe, đến chiều lại tìm nhà trọ nghỉ chân, không dám đi đêm khuya khoắt. Như thế độ non nửa tháng. Anh ta về tới Đồng Giao, gần đến chân đèo Tam Điệp. Chỗ này đường đất rất hiểm hóc và có tiếng là nơi lắm cọp dữ, hùm thiêng. Sáng sớm anh lính dũng vội ra đi, định bụng đến chiều tìm nơi ngủ trọ. Không may con đèo dài lắm, và suốt cả dọc đường không thấy một quán hàng nào. Tối đến, anh ta lo quá, vì anh chơ vơ ở giữa

đồng rừng. Nhưng anh lính là một tay can đảm lắm, anh vội vàng kiếm một cây đại thụ, trèo lên tận ngọn, rút dao bẩy bên lưng vạt bớt lá um tùm, rồi căng một tấm vải, dùng làm võng nằm để ngủ. Anh ngủ ngon lắm không biết kinh sợ là gì. Ngủ một mạch đến sáng ngày, anh bị một tiếng inh ỏi làm choàng tỉnh dậy. Lúc ấy độ vào gần canh năm, tang tảng sáng. Nghe tiếng kêu vang động, anh ta cúi đầu nhìn xuống đất, phải giật mình kinh hải vì thấy chính ở dưới chỗ anh ta nằm, bên cạnh gốc đại thụ, một vật gì to lớn trông như con hổ, lông lá trắng xóa, đương ngồi chễm chệ, găm lên một tiếng nghe xa kể mấy dặm đường.”

“Anh lính hoảng kinh, đành nằm yên trên ngọn cây, không dám xuống,

cũng không dám cựa. Anh ta chú ý dò xem con thú kia ngồi đó để làm gì. Một chốc, anh bỗng ghê gợn vô cùng. Vì thấy ở mé xa đi lại một đàn hổ, đủ các màu, đủ các tuổi. Con thì đen, con thì xám con thì vàng. Lại có con trẻ, con già, con lớn, con bé. Chúng nó kéo nhau lũ lượt, cùng đi cả lại gốc cây. Đến nơi, hình như chúng cung kính sợ hãi, quì rạp cả xuống lại chào con hổ trắng, rồi chia ngồi thứ tự cùng ngồi. Hai bên gốc cây, ngồi một hàng hổ đen, bốn con. Bốn con ấy quây quần chung quanh con hổ trắng như bốn ông tứ trụ. Rồi, sắp hai hàng rất tề chỉnh, đến hơn hai chục con hổ xám ngồi hàng đầu, đối diện con hổ trắng, cách gốc cây chừng năm sáu bước dài. Sau lưng đàn hổ xám, cứ theo thứ tự già trẻ, lớn bé, một đoàn hổ đến mấy trăm con – có

lẽ là tất cả hổ trong rừng – ngồi châu về mé Chúa đoàn. Chúng nó lũ lượt kéo đến dần dần, chỉ trong khoảng khắc là đã đông nghịt cả một khu rừng thẳm.”

“Anh lính dũng sợ quá. Nhưng anh nằm vắt vẻo trên tận ngọn cây, không ngại gì bị lũ hổ ăn thịt được. Anh bèn im lặng nhìn xem hội hổ hành động thế nào. Anh nhận thấy quần hổ tựa hổ rất kính trọng con hổ trắng. Chúng ngồi im phăng phắc, cúi đầu chờ lệnh Chúa phán ra. Làm Hoàng Đế chốn sơn lâm, chắc hẳn là ông Cọp trắng, độc nhất vô nhị. Thứ nhì đến loài hổ đen, cận thần của hổ trắng, bao giờ cũng chỉ có bốn con, dùng làm bốn ông đại tướng. Thứ ba thì đến các hổ xám, liệt vào hàng tỳ tướng coi các binh cơ. Rồi đến những hổ vàng thường, tức là dân hay lính.

Hôm đó có lẽ là ngày tụ hội của Triều đình hổ, các hổ xa gần nghe tiếng Chúa gọi phải vội vàng đèn châu chực để nghe lệnh chỉ ban ra. Quân hổ tụ nhau lại chỉ có trong độ nửa giờ, đến hết canh năm đã ngồi đông đủ mặt. Có lẽ từ trước, chúng nó đã hẹn nhau đúng ngày giờ nào thì Chúa ngự; nên chúng đều từ xa xôi lần lại đèo Tam Điệp, lần quất trong rừng núi, đợi nghe tiếng hổ trắng thì họp thành quân. Bởi thế nên hổ trắng vừa mới găm xong, đã thấy nhao nhao chạy lại không biết bao nhiêu là hổ.”

“Trong rừng lúc đó rất là im lặng. Chim buổi sáng đều bay rất xa, không dám hót; những đàn khỉ, đàn vượn, cũng lần tít lên ngọn cây không dám kêu la và nhảy nhót tung tăng. Bao nhiêu giã thú trong rừng đều ẩn nấp

trong hốc, trong hang, chẳng con nào dám đánh bạo chồn vờn, sợ chết. Chỉ có đàn công là bao giờ cũng theo hổ như sáo sậu và quạ khoang theo trâu bò. Chỗ nào dưới có hổ, là trên có công và chim khướu. Nhưng công và khướu hôm nay chỉ khép cánh đậu trên cành mà không dám hót; cả rừng đều im lặng như tờ. Trừ tiếng gió vi vu, tiếng lá khô xào xạc, không được nghe tiếng gì khác nữa.”

“Giữa quăng tịnh tịch mịch đó, bỗng Vua Hổ trắng gầm lên một tiếng vang lừng rồi nhún mình đứng thẳng dậy, như người. Hổ trắng chỉ chống xuống đất có hai chân sau, còn hai chân trước khác với các hổ thường, có thể bẻ quặp lại như tay người, không liền một khớp. Vua Hổ đứng dậy, rồi Ngài giùng mình

một cái, lấy hai tay phanh bụng, lột làn da bọc ngoài như thể cởi chiếc áo vậy. Anh linh đồng lấy làm lạ khi thấy ông Hồ trắng kia, sau khi cởi áo, hóa thành một ông lão đầu râu bạc phơ, trông oai nghi, lẫm liệt lại có bề nhân đức, hiền từ. Ông lão già bèn gấp chiếc áo da để cạnh mình, rồi ngồi xuống. Ông thò tay vào túi áo, móc ra một quyển sách nhỏ, mở sách ra, phán rằng:

– Năm ngoái các con làm tròn công việc cả rồi, ta có lời khen cho đó. Vậy, những kẻ nào đã bị tận số, bây giờ các con phải khai ra, để ta in vết máu vào chỗ chữ tên, khảo lại cho đúng và cho đỡ lầm lẫn. Các con mau mau khai ra!

Ông lão nói dứt lời, thì một con hổ đen nhảy ra ngoài, cúi đầu thi lễ. Con

hổ đỏ giùng mình một cái, hóa ra một ông tướng mặt đen trông dữ tợn vô cùng. Ông tướng ấy móc túi lấy ra một quyển sổ con, rồi chỉ sáu con hổ xám ngồi mé bên phải, hàng đầu, râu rằng:

– Kính trình Chủ soái! Sáu viên tướng này đã chia cho ba chục quân vùng Đông Bắc, ba chục quân vùng Tây Bắc, ba chục quân vùng Chinh Bắc, bắt hành tội những người có tên trong sổ năm ngoái, không bỏ sót một người nào. Chúng tôi xin đọc từng tên để Chúa soái khảo sát.

Nói xong, ông tướng mặt đen đọc một hơi những tên người bị hổ ăn thịt trong năm, và đọc cả ngày giờ những người đó bị nạn. Ông lão già nghe xong mỗi tên lại cầm một chiếc bút son đánh

một chấm đỏ vào sổ của mình. Hồi lâu khi đã đọc xong, ông tướng mặt đen gấp sổ lại, bỏ vào túi, rồi quì xin thăng chức cho các phó tướng. Ông lão già phong tặng cho các hổ xám hàng thứ nhất bên phải xong đầu đấy, thì ông tướng kia lại giùng mình một cái, biến ra hổ đen, rồi đi lại chỗ ngồi như cũ. Xong lượt hổ đen thứ nhất, đến lượt hổ đen thứ nhì, hóa ra ông tướng mặt đỏ, cũng làm như thế, và xin thăng thưởng cho lũ hổ xám hàng thứ nhất bên trái. Rồi đến lượt hổ đen thứ ba, tướng mặt xanh, cai quản đội hổ xám hàng thứ nhì bên phải; và hổ đen thứ tư, tướng mặt trắng, chủ tướng đội hổ xám hàng thứ nhì bên trái. Khi đều phong tặng đầu đấy xong cả, các hổ đen lại hiện nguyên hình ngồi châu ở chỗ cũ, bên cạnh ông cụ già.

Anh lính đồng nghe ngóng biết được bốn con hổ đen kia cai quản bốn phương, mỗi con có sáu con hổ xám phò tá. Mỗi con hổ xám lại cai quản mười lăm con hổ vàng, ra lệnh cho hổ vàng đi bắt những kẻ có số hổ ăn thịt.

Sau khi công việc thuộc về năm trước đã trình bày cặn kẽ, ông cụ già mới khép sổ, bỏ vào túi, lấy ra một quyển sổ mới cầm tay. Rồi ông đọc từng tên, chỉ từng giờ, phân việc cho các bộ hạ. Anh lính đồng lắng tai chú ý, nghe đọc những tên đầu đầu không quen thuộc, cũng có khi mang máng nghe được một tên quen.

Khi ông cụ già đọc đến tên “Nguyễn Văn Hai, người làng Đồng Thụy tỉnh Ninh Bình”, số đáng bị cọp ăn thịt ngày

11 tháng hai năm Đinh Hợi (1887) thì anh lính đồng kia bỗng giật nẩy mình, xuýt nữa ngã lộn nhào xuống đất. Anh ta vội vịn lấy một cành cây và ép tay vào ngực cho con tim đỡ đập mạnh. Anh ta hoảng hốt lo sợ đến cực điểm: lúc này anh mới thấy can đảm của anh tiêu tán tự bao giờ! Vì Nguyễn Văn Hai chính là tên anh; vì theo số mệnh, anh chỉ còn sống được có hơn bốn tháng!

Anh lính đồng Nguyễn Văn Hai lo quá; anh bồn chồn luống cuống, không biết nghĩ thế nào. Trông ông cụ già phúc đức thế kia, anh cũng muốn xuống lay van cụ, xin tha cho anh; nhưng nếu xuống, tất thế nào cũng chết. Anh đành phải nén lòng nằm trên ngọn cây chờ dịp, khi nào hổ đi hết, họa chẳng anh mới xuống được gốc cây. Rồi anh

nghĩ vẩn, nghĩ vợ, rồi anh thương thân nằm khóc. Anh nghĩ tìm kế thoát thân cho khéo, anh tính rằng muốn khỏi chết, anh sẽ về nhà nằm tận đáy hầm sâu. Anh suy nghĩ hồi lâu, khi ngoảnh xuống thì đã thấy quần hổ tan đi từ lúc nào không rõ. Dưới gốc cây không còn ai nữa, chỉ có một mình ông cụ già đương nằm co ngủ rất ngon lành. Cụ gối đầu lên chiếc áo da, vắt tay qua trán. Trong miệng cụ tuôn ra không biết bao nhiêu là bọt, xùi lên thành một đám to bằng một cái nồi mười.

Anh lính Hai ở lâu trên mạn đồng rừng nên biết cách xem bọt của hổ, trong khi hổ ngủ. Anh đợi lúc đồng bọt báo cho anh là ông Hổ trắng kia ngủ đã say lắm, anh mới lén tụt xuống, vội vàng tìm một súc gỗ vuông vắn, nâng

đầu cụ già để gối vào gối, rồi anh ăn cắp cái áo da treo một mạch lên ngọn cây, giấu chiếc áo vào khăn gói, buộc khăn gói vào một chỗ rõ cao, có nhiều lá rậm. Xong, anh phấp phồng ngồi đợi.

Một lúc lâu, ông cụ giật mình tỉnh dậy, giụi mắt nhìn bốn phía. Thấy chiếc áo da mất tích, cụ lộ ra vẻ lo sợ, chạy tung tăng tìm kiếm khắp mọi nơi. Mãi sau cùng, cụ nhìn lên đỉnh ngọn cây, thấy có người ngồi chót vót trên đó. Cụ bèn vẫy người ấy, bảo rằng:

– Tráng sĩ ơi! Tráng sĩ chơi nghịch làm gì, hãy đem trả áo cho lão, lão đội ơn nhiều lắm. Cái áo ấy tráng sĩ lấy cũng không làm gì được, mà làm cho lão cực khổ cả một đời. Tráng sĩ có lòng nhân từ, xin làm phúc trả tấm áo kia cho kẻ già nua tuổi tác!...

Anh lính Hai ngồi trên cây nói xuống:

– Con có lấy áo của cụ đâu? Nhưng con biết người ăn cắp áo của cụ. Nếu cụ thể với con một lời, con xin chỉ chỗ cho cụ để cụ lấy áo lại, không thì thôi!

– Thế điều gì? Thế được thì lão xin thể!

– Điều này không khó gì cả, vì nó là quyền của cụ. Vừa rồi, cụ bảo con sinh phúc cho cụ, con đâu có cái oai to lớn ấy. Chính cụ nên sinh phúc cho con mới phải! Con nằm đây đã lâu, con nghe hết những lời cụ nói và biết rõ hết các hành tung của cụ. Con là một người trong mấy trăm người có số bị cộp ăn thịt. Và con chỉ còn được sống có hơn bốn tháng nữa thôi! Nếu cụ thể rằng cụ

cứu con khỏi chết, con sẽ trả áo cho cụ. Nếu không, con đường nào cũng chết, thà ăn cắp áo cụ mà chết còn hơn. Cụ có thể không?

– Lão xin thề: Lão sẽ cứu nhà người! Vậy nhà người xuống đây, lão bảo cho cách tránh nạn. Nhưng hễ lão bảo cho biết rồi thì phải trả áo cho lão nhé!

Anh lính Nguyễn Văn Hai tụt xuống gốc cây, rạp đầu lạy ông cụ. Ông cụ đỡ anh ta dậy, hỏi xong tên tuổi, làng quán, ngày sinh tháng đẻ, rồi móc túi lấy quyển sổ ra, tìm kiếm một hồi. Khi cụ đã tìm được tên anh Hai, cụ sẽ lấy tay vuốt lên chữ tên anh một cái. Bỗng thấy chữ ấy mờ đi. Cụ nói:

– Cái này cũng không khó, nhưng nhà người phải kín đáo và cẩn thận lắm

mới được. Ta xem nhà người không phải là người gian ác, chả qua tại tòa Nam Tào nhậm, cho nên ta mới cứu cho. Song cả đời, nhà người phải tích đức tu nhân mới được! Đợi đến ngày 11 tháng hai, giờ Thân, nhà người làm một người bồ nhìn thế mạng, cho đứa bồ nhìn ấy mặc áo quần nhà người, và cho tay nó cầm một cái đĩa. Trên đĩa phải có máu gà hay máu vịt. Nhà người phải cắt mười đầu móng tay móng chân bỏ vào đĩa máu ấy, lại lấy kim chích ngón tay, ngón chân, bóp mỗi ngón cho ra một giọt máu, hòa hai mươi giọt máu ấy, vào đĩa máu ở trên tay bồ nhìn. Rồi một vài giờ trước giờ Thân, cho đem thằng bồ nhìn đó vào khu rừng phía tây làng... phủ Nho Quang gần chỗ nhà người ở. Lại phải buộc cách thằng bồ nhìn chừng hai bước, một con lợn

béo độ hai năm. Vào khoảng cuối giờ Thân, một con hổ vàng sẽ qua mé ấy, nó sẽ thấy thằng bồ nhìn dăng cho nó đĩa máu, nó liếm sạch đĩa máu ấy, rồi bắt con lợn tha đi. Đĩa máu ấy thay cho máu người, con lợn thay cho xác thịt người, người sẽ được toàn tính mệnh. Nhưng phải kín đáo và cẩn thận lắm mới được, kéo sai lầm thì không cứu được nữa đâu!

Nào, bây giờ người khá mau mau trả áo cho ta, ta còn bận có tí việc phải đi ngay, không nên chậm trễ!

Anh lính đồng Nguyễn Văn Hai nghe nói xong, bèn phủ phục xuống lạy tạ ơn như chày máy, rồi vội trèo lên cây lấy áo trả cụ già. Cụ già vừa nhận tấm áo xong thì đã biến mất.

Anh lính Hai, khi cụ già đã khuất, vội thu thập hành lý, rồi đi thẳng về quê hương. Bốn tháng sau khi anh về tới nhà, anh lo làm đúng theo lời dặn của Thần hổ trắng. Anh làm bồ nhin xong xuôi, mặc áo quần cho nó, để tay nó cầm một đĩa máu gà pha với máu và móng mười đầu ngón tay ngón chân của anh. Rồi anh dặn dò kỹ lưỡng một người em họ, mượn đứa em ấy đem bồ nhin và dắt lợn ra để ở mé làng... ven rìa núi. Anh ta không dám đến đó, sợ vào rừng e cọp sẽ không tha, mà anh cũng không dám tiết lộ bí mật cho em họ biết, chỉ dặn nó cứ làm đúng như lời anh dặn, và làm thế là để hiến cho hổ đến ăn. Thằng em họ cho rằng anh mình xa phí vô ích, nó tiếc rẻ con lợn béo, nghĩ bụng tội gì đem biếu của ngon cho hổ trong rừng. Nghĩ thế, nó giữ

con lợn về phần nó chỉ đem có thằng
bồ nhìn ra dựng ở ngoài đồng.

Khi hổ đến nơi, trông thấy đĩa máu
thì liếm sạch ngay tức khắc. Ăn xong
đĩa máu, hổ không thấy có quà gì nữa,
tức mình gầm lên mấy tiếng vật ngã
thằng bồ nhìn ra rồi đi thẳng vào rừng.

Lúc ấy, anh lính dõng Nguyễn Văn
Hai đương ở trong nhà bỗng kêu lên
một tiếng rõ to, ngã lăn ra, bất tỉnh. Họ
hàng xúm lại thì anh Hai đã tắt thở mất
rồi. Đứa em họ lúc ấy mới hiểu con lợn
tức là sinh mệnh của anh nó vậy.

6.

TIẾNG THIẾU NỮ NẦM
TRONG cổ quan tài bạch
mộc lạnh lạnh phát ra đến đây thì im
bặt. Từ lúc nãy Lâm Khảm vẫn lặng
yên ngồi chống nạnh và dựa má vào áo
quan không sợ sệt gì cả. Chẳng những
chàng không sợ, chàng lại còn vuốt ve,
vỗ về mặt gỗ một cách yêu đương, âu
yếm, tưởng chừng chàng coi cổ quan
tài như một người con gái bằng da,
bằng thịt, như một người con gái còn

sống, đương nằm tình tự với chàng. Xác chết trong quan tài hình như cảm thấy sự yêu thương đầm thắm ấy; giọng nói vẳng ra lẩm lúc run run như cảm động, lẩm khi nũng nịu như say sưa. Có lẽ trong khi nghe chuyện Đèo Lầm Khẳm quên hẳn cảnh đời thực tại, chàng mê người thiếu nữ đã thác kia mà tưởng tượng như nàng nằm ngay bên cạnh chàng.

Đến lúc tiếng nói tự nhiên ngừng hẳn, chàng mới giật mình ra khỏi mộng nặng nề. Một vẻ lạnh lẽo thấm thía bỗng đâu xuyên vào xương tủy chàng, chàng tự thấy hơi buồn buồn. Nhưng từ buổi đã cùng xác ma kia chung ân xẻ ái, chàng không thấy ghê giợn nữa, chàng đánh liều nhắm mắt bước theo vết xa lạ của mệnh đồ. Chàng hỏi:

– Anh không hiểu câu chuyện em nói nó can thiệp gì đến anh. Em kể lại anh nghe chuyện ấy vì có gì, em nhỉ?

Một giọng cười trong trẻo đón tiếp câu hỏi của chàng. Rồi, tiếng nói lúc này lại vắng vắng tuôn ra, sang sảng:

– Câu chuyện ấy quan trọng lắm chứ! Nó tức là chìa khóa mở cửa cho anh vào cõi sống đó. Nó tức là cứu tinh của anh đó. Anh hãy kiên tâm chút nữa, em sẽ nói rõ anh nghe nguồn gốc xui em cứu anh, và số mệnh của anh sau này ra thế nào.

Anh hẳn còn nhớ đứa con gái nhỏ cùng học chung với anh trong thư viện quan huyện. Đứa con gái nhỏ ấy tên là Phà Khun. Năm nó được vào trong huyện học tập cùng anh, anh lên mười

hai mà nó mới tám tuổi. Đến năm anh mười bảy thì Phà Khun thôi học. Anh còn nhớ độ thơ ấu anh cùng con bé ấy chơi đùa tinh nghịch, khiến cho thầy đồ Lê Văn Hồng phải đe, phải dọa, lại có khi phải căng nọc cả hai đứa đánh năm roi? Đứa con gái nhỏ ấy tức là em, tức là Peng Slao của anh đó.

Em vốn con một nhà nho; thầy em, chắc anh đã từng biết tiếng: chính là ông Mo Slầy, bạn thân của dưỡng phụ và tổ phụ anh đó. Mẹ em là người dưới chợ, hóa nên từ thuở bé em đã biết nói cả tiếng Mường lẫn tiếng Kinh. Em lại được học chữ nho và chữ quốc ngữ; em lại xem nhiều sách, hóa nên cũng có chút thực học vững vàng. Chắc anh còn nhớ cả một vùng Thạch Thành ai không biết tiếng con gái ông Mo Slầy là một giai nhân hay chữ và có sắc?

Nhưng, anh ạ, tự cổ hồng nhan đa bạc mệnh. Em cũng bị chung luật ấy, em đã bị khổ sở, chùi vì em có chút sắc tài. Khi em thôi học, từ già anh, em mới mười ba tuổi. Tuy bắt đầu từ đó em không được trông thấy anh luôn nữa, lòng em vẫn nhớ anh và mơ tưởng đến anh. Em chỉ mong một ngày kia được cùng anh kết tóc, đó là hy vọng và dục vọng duy nhất của em. Thỉnh thoảng em đi chợ, hay có việc vào thăm bà huyện và các cô con quan huyện, em vẫn thường để ý đến anh, nhưng không mấy khi được giáp mặt anh trò chuyện. Có lẽ anh khinh bỉ em, anh không để ý đến em. Có lẽ anh mãi mê học hành và luyện võ nghệ, nên anh không nhìn tới đàn bà. Nhưng em, càng khó gặp anh bao nhiêu, em càng mê anh bấy nhiêu. Bởi thế, những kẻ đến xin em về làm

vợ, đến giam em, em đều đuổi đi một cách rất tàn bạo. Em, Peng Slao, em chỉ muốn có một người chồng đúng ý tưởng của của em mà thôi: người ấy là anh, anh Khăng ạ!

Khốn nỗi về phần anh, anh rất hững hờ lãnh đạm. Anh như quên hẳn em rồi. Em không hiểu làm sao một người thiếu niên như anh lại quá chân chính thản nhiên đường ấy. Em vẫn ôm trong tâm hồn một khối ái tình chưa thỏa nguyện. Giữa buổi ấy em chết. Em chết khi trên đầu chưa đội hết mười tám tuổi, khi thân thể còn sạch như băng tuyết, khi tâm hồn còn thơ ngây.

Em chết dưới vuốt nhọn của Thần hổ xám. Rồi em hóa ra Ma trành. Anh có biết thế nào là Ma trành? Ma trành

là những thứ ma bất đắc kỳ tử hoặc bị hổ ăn, hoặc bị dìm đuối, hoặc vì thắt cổ, hoặc vì bị chẹt xe, vân vân. Những thứ ma ấy đều bị nhốt vào vòng oan nghiệt. Cái nghiệt trướng của họ xui ra vậy. Chết như thế, thì linh hồn vất vưởng, bị đầy đọa, không đi đâu thai được mà không được tự do. Muốn thoát khỏi vòng kìm hãm, thì phải tìm kẻ thế cho mình. Nếu không thì mãi mãi, mình sẽ phải làm ma tránh đói khát, khổ sở, chỉ được ở một chỗ, không được đi đến đâu. Ấy nếu trên trần thường nói:

Khúc sông này có dớp, cái xe kia có dớp, cầu ao này có dớp là chính vì thế đấy. Dớp có gì là lạ đâu: nó chính là ma tránh!

Bị hổ ăn, gọi là hổ tránh, chết dưới nước, gọi là thủy tránh, chết chẹt xe,

gọi là xa trành, chết thắt cổ gọi là ải trành. Mỗi một nghiệp, chết một khác. Nhưng, nếu chết rồi thì phải hãm mãi ở chỗ mình chết, khi nào có kẻ thế cho mình, mình mới được tự do. Kẻ thế cho mình lại bị giam hãm như mình lúc trước, mãi tới khi kẻ ấy bắt được một người khác. Thành ra mỗi dây dài dằng dặc ấy không bao giờ hết, không bao giờ đoạn tuyệt. Mỗi dây đó, tức là dớp vậy. Kẻ kia bị làm thủy trành muốn thoát hồn, phải cố tìm đuổi một người sống để bắt hồn người ấy thay mình. Nếu là xa trành, thì giun gửi cho người sống bị chết chệt, nếu là ải trành thì xui cho người ta thắt cổ tự tử. Cái duyên nghiệp ấy, độc địa và tàn ác lắm. Đã bị nghiệp ấy, không táng tận lương tâm cũng không được, vì mình chịu cực khổ quá nhiều.

Nói qua anh biết thế nào là dớp là ma thành; Bây giờ anh đã hiểu rồi, em xin kể anh nghe về nghiệp lũ hổ thành. Em biết rõ các hổ thành, vì chính em đã làm hổ thành trong mấy tháng.

Em bị làm ma thành, bởi một lẽ rất dị kỳ nhưng cũng rất dễ hiểu. Một đứa khốn nạn kia, hỏi em về làm vợ, bị em từ chối. Nó lấy làm tức lắm. Ít tháng sau, nó bị cọp bắt. Con cọp ấy chính là Thần hổ đó. Thần hổ đi đến đâu, đều có một lũ ma thành hầu hạ, lũ đó đến năm, sáu đứa. Có vài đứa con trai, vài đứa con gái. Đứa nào xui hổ bắt được người khác thế cho mình thì được thoát. Tên khốn nạn kia, muốn trả thù em, bèn giun giủ cho em bị mờ mắt, đi lạc đường để đến nỗi hổ vồ.

Em chết đi, thầy em thương em lắm, thu thập xác em về khâm liệm và gác em vào xó. Khi em bị hổ bắt, em có giờ hai tay ra chống cự và tát hổ; hai tay em bị gặm nát như, hóa nên ngày nay khi anh trông thấy em, anh được rõ bàn tay em không có một chút thịt nào nữa. Thầy em làm hết phép để thu hồn em về nhập xác, nhưng không thể nào được. Xác em không thiêng, không nói. Bởi lẽ hồn em đã bị làm trành, mà làm trành, thì phải đi theo Thần hổ để hầu hạ nó như hầu hạ một ông chủ. Hồn em, vì thế không về nhà được. Khổ lắm, nhưng biết làm thế nào? Duy có một điều rất có ích, là trong khi hồn em bị đẩy đọa, em đã hiểu thấu được nhiều lẽ bí hiểm của sự tử sinh. Những buổi gió mát trăng trong, những giờ êm ã lặng lẽ, hổ thường ngồi một chỗ

vắng, nhắm mắt thi u thi u ngủ và bắt các ma trành hiện lên bắt chấy, gải đầu và đấm bóp cho. Trong những lúc đó lũ hổ trành cười đùa nói chuyện với nhau rất vui vẻ. Cũng trong một buổi như thế em biết rằng một người con gái khác, cùng chung số kiếp với em, định xui Thần hổ làm hại một người thiếu niên rẻ rúng nàng, tên là Đèo Thắng Hổ. Nàng trước vốn có tình với chàng thiếu niên đó, song chàng kia ghét bỏ nàng. Khi chết rồi, chị ả dò biết được anh kia vốn là cháu nội ông Đèo Văn Bình kẻ thù rất thâm thúy của Thần hổ; nàng bèn xui hổ đến nhà ông cai tổng cựa và dùng mắt thôi miên Đèo Thắng Hổ, khiến chàng phải mê hoảng rồi tự chạy ra hiến mình cho cái chết, tựa hồ một miếng sắt bị hút vào đá nam châm. Em nghe biết chuyện ấy, lấy làm lo ngại

cho số phận anh, tại em yêu anh, lại biết anh là giọt máu cuối cùng của dòng họ Đèo gần tuyệt diệt.

Vì thế, em làm hết cách để thoát thân cho chóng. May sao cơ hội bày ra một cách may mắn; em có dịp xui Thân hổ ăn thịt một chị tiêu phu đã già rồi bắt hôn chị đó thay em. Thế là em thoát nạn. Em vội về nhà, nhập vào xác em. Nguyên trong quan tài đã sẵn đủ các bùa linh ứng, nên em thiêng ngay, nói được ngay. Em bèn xin thân phụ em làm cho một cái nhà mồ ở vùng này, và khiêng quan tài em ra để trong nhà mồ ấy. Em ở đây đã non hai tháng; trong hai tháng ấy, em đợi anh hầu tan tác tâm hồn! Em biết thế nào anh cũng phải qua đây, nhất là khi thấy Thăng Hổ bị nạn. Chính tối hôm qua, giữa lúc

anh cùng em uống rượu, anh họ của anh đương bị hổ dùng mắt thôi miên, làm cho mê man, giun gửi cho đi vào cõi chết. Em tuy biết thế mà không sao cứu được, vì chậm quá! Bây giờ chỉ còn cách là cứu anh thoát nạn, và em chỉ muốn cứu một mình anh khỏi chết mà thôi!

Cả ngày bôn qua, em đã dự bị sẵn, làm cho đoàn kỵ mã của anh quáng mắt, phi ngựa vòng quanh hòn núi này cả ngày mà vẫn tưởng thẳng đường đi tới Bửu Sơn. Em cốt làm thế chỉ là để, buổi chiều, anh cùng đẩy tớ anh phải chui cả vào đây, rồi bấy giờ em sẽ liệu. Khi gặp mặt anh, em mừng quá, mừng phần vì được thấy anh, phần vì biết anh đủ sức, cùng em ân ái. Như thế, anh khỏi phụ tấm lòng em quý mến yêu

thương anh mãi mãi, và đợi chờ anh đến tận ngày nay. Vì sao em biết anh có thể làm cho hồn em thỏa nguyện, cho em không phải mang tiếng là một loài “bà cô” chết một xác vẫn không chồng? Em xin cắt nghĩa rõ anh nghe, sự này lạ lắm. Phàm giả người đã chết thì khí dương mất hẳn; lúc ấy chỉ còn có khí âm. Người ta sinh ra, ai cũng có một phần xác, một phần hồn; lúc chết phần xác tiêu đi, chỉ còn phần hồn phảng phất. Nhưng phần hồn đó, chỉ là những tư tưởng những tình cảm, chỉ là phần tinh túy khiến ta hiểu biết được mọi lẽ trong vũ trụ mà thôi. Phần hồn đó, nếu nó có thể giao thiệp với hồn người sống, nó không thể khiến người sống thấy người chết được. Cái gì khiến em nói được, hiện thành hình được, làm một con ma thiêng được đó tức là âm điện,

một động lực rất mạnh mà anh cũng có trong người. Nhưng trong người anh, động lực đó hòa với giờ mạnh dương khí, nó tên là nhân điện. Nhân điện không bao hơn âm điện được, bởi lẽ hoàn cảnh bao bọc anh không có thể khiến anh luyện được điện trong người anh. Nếu được luyện nhân điện của anh, anh sẽ có thể rung chuyển được sự vật mà không phải cử động. Tỷ như em chả hạn. Vì em đã thác rồi không có xác thịt nữa, không có dương khí nữa, nên phần âm khí và âm điện của em rất mạnh, bởi hoàn cảnh của em có thể làm cho em huấn luyện sức lực em một cách dễ dàng: bởi em thuộc về cõi âm.

Anh nên hiểu rõ rằng: dù em thiêng, dù em có nhiều điện, và bởi có

điện, hiện được rõ ràng ra trước tầm mắt anh, em không thể làm gì anh được cả. Em có thể chọc anh, làm cho anh sợ sệt và đau ốm, nhưng không bao giờ giết chết nổi anh. Số mệnh con người là một điều quan trọng, là một sự đã có chép trong sử sách của Thiên đình, há phải là một vật dễ dàng, mà thần thánh, ma, quỷ lúc nào cướp đi cũng được? Nếu có kẻ chết vì bị ma làm, ấy chỉ vì kẻ đó có tiền oan nghiệt trướng xui ra như vậy. Chẳng qua chỉ vì họ đến số đó thôi. Chỉ có một điều rất hợp lý là hễ anh yếu bóng vía, tức là trong người ít điện, thì ma quỷ có thể át linh hồn anh trong chốc lát được, để nhập vào thân thể anh. Và, nếu anh đi lại với em thân mật, em có thể rút dần dần nhân điện của anh đi, làm cho anh xanh xao vàng vọt. Cái đó không có gì lạ cả: hai luồng

điện chạm nhau tất cái bé bị cái lớn hút đi, như đá nam châm hút sắt. Bởi thế, xưa kia những kẻ lấy vợ ma thường có âm khí hiện ra trên nét mặt, thường bị gầy yếu và mất cả tinh thần. Ấy chính vì họ bị thu mất nhân điện trong người đó.

Nhưng sự ấy chỉ xảy ra nếu kẻ kia là người ít can đảm và nghị lực. Vẫn biết rằng âm điện bao giờ cũng mạnh hơn nhân điện, âm khí bao giờ cũng hại hơn dương khí; song le, nếu mình có nhiều khí khái, nếu mình là khách hùng cường, thì sự đi lại với ma, với ma thiêng, cũng không thể làm gì mình được. Âm điện không thể thu nhân điện của mình, nếu hai luồng điện ấy sà sạt bằng nhau: âm khí không thể ám dương khí được, nếu dương khí thịnh

vượng. Đó tức là tình thế anh và em đó. Em, thoát nhìn thấy anh, biết ngay anh sẽ không bị em đè nén nổi. Em biết ngay em sẽ được thỏa nguyện, sẽ được cùng anh chăn gối, mà sự chung đụng kia sẽ không làm hại đến anh. Vì có sao? Khi em vừa ở trong phòng bước ra, cả đoàn kỵ mã, ai trông thấy tia sáng trong mắt em cũng đều khùng khiếp; ai cảm thấy hơi lạnh trong người em tuôn ra cũng đều giùng mình. Như thế tức là họ kém nhân diện. Tất cả những người đó, nếu chung chạ cùng em sẽ đều bị ốm đau, xanh xao, mà khó lòng cứu được. Chỉ có anh là không thế: anh nhìn em không chớp mắt, bắt tay em không giùng mình, ngủ kể em không kêu lạnh. Anh là người hùng dũng, can đảm có thể đương đầu với em được.

Em cứu anh thực không phải là quá đáng. Em cứu anh thực không uổng công em lao lực bấy lâu nay. Anh thực xứng với lòng chờ đợi mong mỏi của em, với tình duy nhất và hăng hái của em.

Em đã yêu anh, quý thương anh, thế tất phải lo gỡ cho anh thoát khỏi vòng tai nạn. Bây giờ gỡ cho anh khỏi rặng vuốt của Thần hổ xám, nghĩ ra thực đã khó lòng. May thay, vì trước kia em có làm hổ trắng, nên em biết rõ những nhược điểm của hổ. Em biết rõ tính nết kẻ thù của anh. Vả lại, cứ theo như chuyện người lính đồng em vừa mới kể anh nghe, ta có thể theo đúng phương pháp của ông Bạch hổ, để tự cứu lấy sinh mệnh. Vậy, muốn lấy lợn và bồ nhin thế mạng, ta phải chờ dịp

tốt mới xong. Cứ như trí đoán của em, Thần hổ, mãi đến ngày kia, mới tạt qua đây săn các loài dã thú. Anh sẽ phải đợi đến hôm ấy. Anh đừng ngại! Em biết rõ anh muốn nói gì rồi! Đây tớ anh phải không? Đoàn kỵ mã phải không? Bây giờ họ đang ngủ như chết. Nào có sự gì lạ đâu! Em đã biết trước cả, nên hôm qua, cho họ ăn uống em đã đốt một đạo bùa mê hồn họ ngâm vào rượu từ lâu. Họ sẽ ngủ đúng 5 ngày 6 đêm mới tỉnh dậy được. Anh và em cũng uống rượu ấy, nhưng trước khi uống, em đã có ý mời anh một chén giải độc giải phù tửu. Bởi lẽ ấy ta vẫn tỉnh như sáo. Có thể mới tự tình với nhau được chớ, nếu không anh đã ngủ say rồi!

Bây giờ anh sẽ phải ở chung với em trong buồng này mấy hôm, không được

ra ngoài. Anh muốn thức gì sẽ có thức ấy. Ngày, ta sẽ cùng nhau ăn cơm uống rượu hai bữa như ngày thường; đêm ta lại cùng ngủ với nhau chung một gối. Nhưng có một điều cần nhất là anh phải nhớ: là em chỉ có thể gần anh được mỗi ngày vài giờ thôi. Ngay từ đúng Ngọ tới giữa giờ Dậu; đêm từ giờ Tý đến giữa giờ Mão. Mặt trời lên đúng giữa đỉnh đầu thì em lại, khi ngả về đoài thì em đi. Trống điểm đúng nửa đêm thì em trở về cùng anh ân ái, đến mặt trời mọc lại phải giã anh về cõi u minh. Như thế bởi lẽ em phải làm đúng theo luật Trời đã định. Em xin cắt nghĩa anh nghe cho hiểu. Ban ngày thuộc về dương, nhưng chia làm hai phần. Từ sáng đến trưa, ấy tức là dương dương khí dương thịnh, em không hiện hình về được. Từ trưa đến tối, ấy tức là dương âm, em có

thể về được. Vì thế về buổi chiều, nếu hay thấy có ma quỷ lẩn quất trên trần là bởi lẽ ấy đó. Đến tối, từ giữa giờ Dậu đến nửa đêm, ấy tức là buổi âm âm, em phải ở côi u minh, làm việc âm, không về được. Anh cứ xem các thầy phù thủy đánh đồng thiếp, thì biết rõ lời em nói là đúng. Phạm giả muốn sai đồng xuống âm ty nói chuyện cùng người chết phải đánh ngã đồng về buổi tối, trước giờ Tý. Đến đúng nửa đêm, đồng phải về; nếu không về tức là khô, mãi đến hôm sau, cũng buổi ấy, mới hoàn hồn được. Từ quá nửa đêm đến sáng, tức là giờ âm dương, hồn có thể lên côi trần chơi được. Bởi lẽ ấy, những giấc mộng thấy về gần sáng, toàn là những chiêm bao rất linh nghiệm, không phải những việc mê sảng vu vơ. Anh xem thế đủ biết trong thời khắc một ngày

một đêm, những hồn ma chỉ có thể về dương thế được trong những lúc âm dương tương hợp, trong buổi dương âm hay âm dương chửa hạn. Còn trong buổi khí dương quá thịnh, thì dưới âm là lúc phải ngủ, trong buổi khí âm quá mạnh, là lúc trong thập điện làm việc rất nhiều. Thuộc vào thời dương dương, hồn không về được, vì khí dương đánh bật mất, thuộc về âm âm, hồn không về được, vì khí âm lôi kéo lại. Những lẽ ấy huyền diệu lắm, bây giờ em chỉ nói qua loa thôi, khi nào anh xuống đây với em, tự khắc anh sẽ hiểu hơn em đủ các lý.

Bây giờ sự cần nhất của hai ta là phải tiện dịp hội họp cùng nhau, yêu nhau cho đảm thắm đã. Kẻo rồi đây âm dương cách trở, sinh lộ gập ghềnh, anh sẽ không có thì giờ nhớ đến em,

em cũng sẽ đầu thai kiếp khác hoặc chờ anh cho tới khi anh nhắm mắt là đời. Sự cần thứ nhì của hai ta là sự cứu anh. Cái đó; anh không ngại. Anh cứ yên lòng ở đây cùng em, đến ngày kia, em sẽ lo chu toàn mọi việc. Lúc ấy sẽ có bồ nhìn, sẽ có lợn béo anh chỉ việc cởi áo quần cho bồ nhìn mặt và cắt móng tay móng chân cùng giở mười giọt máu ở ngón tay ngón chân vào một cái đĩa. Rồi anh nằm đợi ở đây; thế là xong việc.

Khi đã cứu xong rồi, em sẽ cho anh uống một lá bùa hộ mệnh. Số anh vì đã lấy bồ nhìn và lợn thay rồi, tất không bị thần hổ cướp mất nữa. Nhưng sợ những lúc bất kỳ không gìn giữ, có khi anh bị thiệt mình. Vì thế, em cho anh uống một đạo bùa, đạo bùa ấy sẽ làm cho anh có phép ẩn mình: mỗi khi

anh thấy hổ, anh trông thấy nó mà nó không thấy anh. Như vậy nó không thể nào làm hại anh được. Tuy vậy cốt nhất anh không bao giờ nên ngủ trong rừng vì hễ ngủ anh sẽ bị hiện nguyên hình, hổ sẽ trông thấy anh. Nó sẽ không hại được anh ngay, vì anh đã làm phép thể thân rồi. Nhưng nếu lúc đó nó liếm vào mặt anh thì bao nhiêu phép thiêng của đạo bùa mất hết; và không những thể tính mạng anh cũng khó bảo toàn. Anh là một người sống sót, anh ăn cắp số mệnh anh; đáng lẽ anh chết từ trước mà chưa chết chỉ vì anh biết cách thể thân. Song khi anh lỡ vô ý bị hổ liếm vào mặt, thì chỉ trong một vài tháng sau anh tất phải chết không tài nào thoát được nữa.

Điều đó anh nên nhớ kỹ, kéo sau

này, nếu anh không chịu gìn giữ, sẽ sinh ra lắm tai nạn bất thần.

Bây giờ em đã kể rõ ràng, anh khá ngồi xê ra một chút, nhắm mắt lại cho em hiện hình, ngõ hầu cùng anh ăn uống và vui thú. Anh xê ra!

Lâm Khảm nghe hết truyện bỗng thấy lòng mừng khắp khởi; chàng biết rằng chàng được nhờ Peng Slao mà sống sót, mà, một ngày kia, trả được mối thâm thù. Hết yêu thương Peng Slao, chàng làm theo ý muốn nàng như một đứa trẻ con ngoan ngoãn vâng lời mẹ. Chàng nhắm mắt lại. Khi mở mắt ra, Lâm Khảm thấy mình ngồi trên chiếu, trên đệm, trước một mâm cỗ linh đình, bên cạnh một người con gái tuyệt sắc, một người con gái Mường thù mị,

diễm lệ, hết sức đẹp nếu không bị phải đôi bàn tay xương xẩu, hình như da thịt bàn tay ấy, từ xưa, đã bị rửa ra rồi.

Giữa khi nhấp chén quỳnh tương, giữa khi say sưa vuốt ve một làn da mịn màng, một tấm ngực đầy đặn, đôi má đào mơn mớn làn tóc đen mềm mại, giữa lúc choáng váng tê mê, vì hơi rượu nồng hắc, vì mùi da thơm tho, vì khí ấm dịu dịu, Lâm Khảm nghe một giọng nói nảo nuột, êm ái giọng nói run run như cảm động, không có vẻ gì sắc sảo, không có vẻ gì lạnh lạnh, giọng nói của người thiếu nữ nũng nịu dựa vào chàng:

– Em chỉ xin anh một điều. Rồi đây, giữa một cuộc vui, bên cạnh một người vợ sống trong một khắc ái ân, say sưa,

anh sẽ để dành cho em một chút tình thương yêu, tiếc nhớ. Thế là đủ. Hoặc giả, đối cảnh nào nùng, ngâm cảnh hoa tan tác, vì anh hồi tưởng đến thân bạc mệnh này, xin tưới cho em vài giọt lệ. Em xa xôi, chìm hồn trong cỏi lạnh lùng u uất, sẽ cảm thấu lòng anh và phù hộ cho anh...

Dưới ánh sáng mờ mờ, Lâm Khảng dường như thấy mấy giọt nước mắt lóng lánh trên đồng tử đen nháy, sáng ngời, của thiếu phụ làm mất vẻ lạnh lùng dữ dội, trong sắc đẹp nồng nàn gay gắt của nàng. Lâm Khảng, ngậm ngùi, cũng tưới trên má Peng Slao vài giọt lệ chân thành, trong trẻo.

Vài hôm sau, trên con đường hẻm chạy quanh co ven những khu rừng sâu

thảm, ven những rìa núi gập ghềnh, một đoàn kỵ mã phi nước đại làm cho cát bay sỏi bắn mịt mù, trông xa như những đám mây trắng xóa, phát phơ bay giữa vùng lá cây um tùm xanh biếc, che khuất một góc rừng vầu.

Trước đây mười ngày, đoàn kỵ mã ấy đi vào cõi Chết. Nhưng, giờ đây, họ bay vào cõi Sống thiêng liêng.

BÁO PHỤC

SỰ GẶP GỠ TRÊN ĐỜI
NHIỀU khi đều do tiền định.

Tôi không biết các bạn có tin như thế không; riêng về phần tôi, tôi rất tin ở số mệnh và ở sự rủi may ta thường gặp trong lúc sống. Gặp gỡ nhau là một mối duyên, do nghiệp mình mà thành ra có.

Tôi sở dĩ tin ở duyên số, chỉ vì, nếu không bởi duyên số, tôi không bao giờ

viết nổi chuyện này. Nếu sự tự nhiên không xui tôi quen biết Đèo Lâm Khảm, tôi làm gì biết được chuyện “Thần hổ” với “ma Muồng”? Những việc tôi đã thuật ra, nó có hay không có, nó xác thực hay huyền hoặc cái đó tôi không rõ. Nhưng tôi dám nói chắc chắn và thề rằng tôi có quen Đèo Lâm Khảm, có được nghe rõ ràng những chuyện tôi vừa mới kể trên đây. Bây giờ tôi chỉ có công là đem các chuyện đã nghe ngã ra trên mặt giấy, tôi thú thực không thêm bớt bịa đặt gì cả, cũng không có ý làm cho các bạn phải suy nghĩ hay ngờ vực lời thôi. Bản tâm tôi không phải định làm cho độc giả phải sợ hãi; tôi được nghe một chuyện thú vị thì muốn đem chia thú vị ấy cho anh em cùng hưởng đó thôi, không có ý gì khác nữa.

Đèo Lầm Khẳng có lừa dối tôi hay không, cái đó tôi không biết. Vì đây là ý riêng của Khẳng; tôi không phải là Khẳng nên không tài nào biết được thực hư. Cũng có lẽ: «Ai ở xa thường hay nói phét»; có khi Lầm Khẳng cho tôi là chưa được biết xứ Mường bao giờ, nên bịa đặt những chuyện kỳ quặc trên miền rừng thiêng nước độc, để bắt phải phục tòng chàng với tấm lòng hay tin nhảm của tôi? Cũng có lẽ như thế, song tôi không ngờ Lầm Khẳng nói dối tôi bao giờ. Nghe chàng, tôi vẫn bán tín bán nghi, song vẫn cho chuyện chàng kể lại có vài phần sự thực.

Nhưng bây giờ, không hiểu vì sao, tôi lại rất tin lời của chàng thiếu niên Mường đó. Bởi lẽ, tôi nhớ lại rõ rệt, khi chàng kể tâm sự cho tôi rõ, chàng nói

một giọng rất trầm, rất nhỏ, chỉ đủ một mình tôi nghe mà thôi. Chàng không có vẻ gì là khoe khoang, là nói khoác, là “bịp”; trái lại, mặt chàng còn hiện ra vẻ chân chính, thành thực; chàng tựa hồ rất cảm động mỗi khi nói lại, tả lại một việc hay một cảnh bi đát hoặc thê thảm. Người chàng trong lúc đó như run rẩy, như xúc cảm, như chuyển động. Chàng cố dặn tôi phải giữ kín, không nên thuật lại cho ai nghe câu chuyện lạ lùng của chàng, mà chàng giải bày lần thứ nhất cho tôi được rõ, tôi, người bạn trai đầu tiên chàng tin cẩn và mến yêu. Gia dĩ lúc tôi được hân hạnh trầm ngâm lắng nghe tâm sự éo le của bạn, hoàn cảnh bao bọc chúng tôi lại nhuộm một sắc âm trầm, một màu tịch mịch, một vẻ lạnh lẽo, hóa nên những cảm tưởng của tôi càng thấm thía lạ lùng. Hoàn

cảnh ấy là một gian phòng hút thuốc phiện, êm ả, vắng vẻ, hình như ngủ say sưa trong giấc ngủ đặng đặng của đêm đông.

Cứ riêng tôi xét đoán, câu chuyện hoang đường kia có lẽ không hoang đường. Hoặc giả có những sự bí hiểm, quái dị, thuộc về ma quỷ, mà ta chưa từng nghe nói và trông thấy? Tôi tin lời Lâm Khảm, không những vì chàng có vẻ thực thà, không những vì chàng cũng lộ ra vẻ tin sợ như tôi, không những vì hoàn cảnh dễ xúc cảm, mà nhất là bởi kết quả câu chuyện nầy giống hệt như lời chàng đã nói, không sai một mảy may nào.

Tôi hãy kể lại bạn nghe cái kết quả lạ lùng, bi thảm ấy.

Tôi gặp Lâm Khăng là một sự may mắn lạ, may mắn tại tôi có tên trong làng Bẹp thực thụ đã lâu ngày. Hôm đó, không hiểu đúng vào ngày nào, tôi chỉ mang máng nhớ ngày ấy về mùa đông, cách đây độ hai ba năm về trước. Trong tiệm hút số 32 đường 148, một tiệm hút tôi thường đến, một buổi chiều luồng nhớn tuyến của tôi chạm phải một đôi mắt rất đen, rất sắc, chứa đầy nghị lực và sinh khí, sáng quắc dưới đôi lông mày rậm rạp và dài. Đôi mắt đó là một đôi mắt đàn ông: một trang thiếu niên có nước da hơi ngăm ngăm mà hình dung vạm vỡ khỏe mạnh, trông khôi ngô tuấn tú hơn người. Chàng thiếu niên đó có lẽ là người xa lạ: chàng đến tiệm hút số 32 lần này là thứ nhất, nhìn thấy ai vào cũng trông ngơ ngác, lộ ra vẻ lạ kỳ. Chả biết ai dắt chàng vào

tiệm, chả biết chàng ở đâu lại; song đoán phỏng, thì tưởng chừng người Thổ, Mán, hay người Cao Mên gì. Bởi lẽ tiếng nói chàng lơ đờ và ngô nghê, nghe ngộ ngĩnh lắm.

Trong tiệm hút làm quen cũng dễ; nhân tính tôi hiếu thắng kiêm hiếu sự và hiếu hữu, tôi không nể gì cả, lại nằm sát gần chàng, bắt đầu cùng chàng trò chuyện. Tôi biết được tên chàng là Phá Leng, chàng người Lào, ra Hà Nội du học.

Lần đầu, tôi chỉ được rõ có thế. Dần dà, mãi sau này, tôi mới biết thêm chàng trọ phố hàng Trống, nhà một ông đại phú thương và chàng chưa có vợ con, nhưng có một người nhân tình Việt Nam đẹp lắm. Lâu lâu ít nữa, tôi

lại biết Phá Leng mỗi tháng nhận được một trăm bạc của thân phụ chàng gửi, chàng sống bằng số tiền đó, không phải làm nghề gì cả. Vì sống an nhàn, vô nghề nghiệp, chàng tiêm nhiễm những thói thường của các bạn trẻ Hà thành: ăn mặc sang, chải dầu bóng, hút thuốc lá thơm, hay ăn cơm tây, hay đi cô đầu, hay chim gái đẹp. Phá Leng tựa hồ lấy sự sinh hoạt ở chốn phồn hoa đô hội làm thú vị, bao giờ chàng cũng cười đùa vui vẻ, không hề lộ ra ý lo nghĩ hoặc ưu phiền. Chàng thú thực rằng chỉ có hai sở thích: đi bắn và hút thuốc “phiện”.

Chả ngày nào tôi không thấy chàng ở tiệm hai buổi, tối và trưa. Trái lại thói thường các bạn trẻ ta, nghiện rồi mà vẫn chối đây đẩy là hút thuốc chơi, Phá Leng chả sợ gì ai cười, cứ tuyên bố to

rằng chàng nghiện, nghiện hần rồi, chàng thích nghiện và tình nguyện nghiện từ buổi biết vị êm dịu của nhựa Phù dung lần thứ nhất. Bên cạnh bàn đèn, câu chuyện chúng tôi dần dần thành thân mật. Phá Leng, lâu ngày, cũng tựa hồ có vẻ quý mến tôi. Ngày nào cũng thế, hai chúng tôi cùng nằm dài trên phản, hút, hút mãi, hút cho thể sự phải mờ ám vì khói thuốc tuôn ra.

Tình thân mật của dân làng Bẹp, khi đã bén rồi thì khẳng khít, sâu xa khó lòng ai gỡ nổi. Phá Leng coi tôi như người bạn duy nhất của chàng. Ngoài ra chàng còn một người bạn nữa, không thân lắm, tức là con ông chủ nhà chàng trọ. Người sau này là bạn trong những giờ săn bắn; con ông chủ trọ có ô tô, có súng hể đi săn chỗ nào cũng rủ chàng

đi. Trong những buổi đi săn ấy, Phả Leng phải tạm biệt tôi một hai ngày. Nhưng khi chàng về, chúng tôi lại êm đềm cùng nhau hưởng thú thức suốt đêm, bên cạnh khay đèn thuốc phiện.

Như thế trong hai năm, Phá Leng và tôi chỉ quen nhau ở tiệm; chúng tôi, ngoài câu chuyện vui đùa và ăn chơi phù phiếm, không từng căn vặn nhau về các việc riêng. Vì thế lai lịch Phá Leng thế nào tôi không được rõ mà nhà cửa thân thích tôi thế nào bạn tôi không hỏi đến bao giờ, sự giao thiệp của chúng tôi thực là trong sạch, thoát ra ngoài vòng tài lợi ganh đua. Bởi lẽ ấy hai chúng tôi rất quý trọng nhau, quý trọng nhau đến nỗi sau này sự chia rẽ càng thành ra thiết tha, đau đớn.

Một ngày kia, tôi thấy bạn mừng rỡ rút trong túi một tờ giấy trắng, trên có lẫn chữ in và chữ viết; rồi trịnh trọng đưa tôi xem, nét mặt lộ ra vẻ sung sướng đặc chí cực kỳ. Tôi cầm lấy tờ giấy đọc. Thì ra một tờ khai sinh. Một tờ giấy khai sinh cho một đứa con trai nhỏ đẻ ở Nhà thương tây Đồn Thủy ngày 12 tháng tám, năm 193..., con của Đèo Lâm Khảng, người huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và Nguyễn Thị Khuê người Hà Nội, cả hai cùng buôn bán. Tôi rất lấy làm lạ, mở to mắt nhìn Phá Leng. Thì chàng đã vội thu lấy tờ giấy, không cho tôi nói gì cả, bá cổ tôi hôn lấy hôn để, rồi nhảy lồng lên mà reo:

– Hôm nay tôi mời anh đi chén rõ sang! Đây: tôi có một trăm bạc! Dịp mừng... Cú chén cho no say đi, hút cho

hết gân đi! Sau này anh sẽ hiểu rõ cả.

Tôi không hỏi gì nữa, vui lòng theo ý muốn của bạn. Đêm hôm ấy, về khoảng hai, ba giờ sáng, khi trong tiệm dân nghiện lần lượt tả tơi về hết, khi ngọn đèn dầu lạc lút bắc tỏa trong không khí hiu quạnh những tia sáng mờ đỏ, mờ vàng, Phá Leng mới dí tai tôi nhủ nhủ:

– Anh Thảo ạ, từ xưa đến nay tôi chưa nói rõ với anh đời tôi ở Hà Nội nó ra thế nào. Vì quãng đời ấy xấu xí lắm hóa nên tôi phải giấu kỹ. Anh chớ tưởng lầm bản tính tôi không tốt đâu, và tôi muốn làm những điều thô bỉ đâu! Không phải. Tôi có một nỗi khổ tâm trước kia không nói ra được, nhưng bây giờ có nói anh biết cũng không hại gì. Số là tôi cần có con. Cần lắm, cần

lắm. Anh không hiểu sự cần đó quan trọng là thế nào, đến bậc nào! Tôi là con một, hay nói cho đúng, là giọt máu cuối cùng của một dòng họ gần tuyệt diệt. Vì thế tôi sợ lắm. Tôi tuy còn trẻ thật, còn khỏe mạnh, nhưng số kiếp con người nó bấp bênh như làn sóng, mong manh như sợi tóc, lấp lánh như ngọn đèn, biết thế nào mà lường được! Lỡ ra tôi chết trước khi có vài đứa con trai, thì nguy, thì hỏng cả: họ nhà tôi mất tích, và tôi là người vô dụng! Nhưng may, tôi có một đứa con trai rồi, đỡ được một phần lo. Vợ hai tôi lại chữa, sắp đẻ. Nếu được đứa con trai nữa thì khá quá! Tôi mừng lắm. Thực là may phúc cho tôi. Anh phải biết, tôi lao tâm lao lực biết bao mới được thấy kết quả bây giờ, mỹ mãn.

Từ trước, tôi vẫn giấu anh. Tôi ở Hà Nội có hai vợ, bao giờ cũng có hai vợ. Ngoài hai vợ đó, tôi lại có nhân tình. Đã hơn hai năm nay, từ khi tôi bước chân lần đầu lên đất này, mỗi tháng nhà tôi gửi cho tôi một trăm hai bạc. Thấy tôi thương tôi quá, tôi biết lấy gì báo đáp lại được? Ở ấy có lẽ đời sau tôi mới trả nổi! Nhưng thôi, tôi hãy nói anh biết, mỗi tháng, rất đều, tôi có 120 đồng.

Trăm hai bạc ấy, tôi tiêu vào việc sẵn sàng cả. Cả ngày không có việc làm, thành ra tôi cứ dùng thì giờ để đi chim gái. Tôi là một thằng chim gái có tiếng, vì tôi vớ được nhiều vợ lắm. Anh phải biết, trong hai năm nay, tôi thay năm đời vợ và ba lần nhân tình rồi! Tôi có hai vợ thực thụ và hai nhân tình thực thụ, tức là bốn. Mỗi tháng cho mỗi vợ

25đ., mỗi nhân tình 10đ., còn 50đ. thì ăn tiêu xe pháo và hút. Thế cũng tiêm tiêm đủ cả.

Nhưng tôi xem, hễ cứ lấy về ba tháng hoặc nhân tình trong ba tháng mà không thấy chữa, thì tôi thả ngay, tôi mới được vừa ý. Vì, anh ạ, tôi cần có con lắm, không có thì nguy to! Thế mới biết Trời còn thưởng tôi: khi không chữa, thì không hề một đứa nào chữa cả; đến lúc có mang thì trong bốn đứa, ba đứa lần lượt thụ thai! Thực là đại phúc.

Thân tôi, anh ạ bây giờ tôi không phải giữ nó khốn khổ và bo bo cho dòng họ nhà tôi nữa. Tôi còn mang trong tâm huyết một mối thù tôi phải trả, mà trả được mối thù ấy, có khi tôi

khó lòng sống trọn hết đời. Tôi sẽ phải chết non chết yếu mất. Dù tôi không trả thù, đành nhắm mắt làm thính, thì một ngày kia, có khi tôi cũng thiệt mạng. Bởi lẽ kẻ thù tôi có bắt tôi chết vì nó, nó mới yên lòng. Vả lại thọ mệnh con người ảo lả như ngọn cỏ, nào được mấy chốc? Hóa nên tôi phải kíp làm tròn bốn phận cố cho có con trai! ngô hầu sau này, dù sống, dù chết, tôi không hối hận gì cả.

Đến bây giờ thì yên lắm, tôi đã có con trai, lại có hai vợ chửa, tôi không ngại gì nữa. Anh nên mừng, cho tôi, anh Thảo ạ...

Đợi một vài tháng, khi nào các vợ tôi đã sinh nở vuông tròn, lúc bấy giờ tôi phải giã từ anh, giã từ Hà Nội, đi

lòng kiếm kẻ thù của tôi để trả một mối hờn vạ cổ cũng không tiêu. Lúc bấy giờ, chết hay sống sót, tôi cũng không quản. Nhưng tôi quên không nói cho anh rõ: tôi không chết được, tôi khó chết lắm, bởi tôi có bùa hộ mệnh trong người rồi nếu tôi chết chẳng qua là tại số. Song le, cũng phải phòng lúc chết. Tôi nói trước để anh hiểu, hòng sau này anh trông nom và săn sóc con tôi cho nên người. Tôi trông vào anh đó. Tôi nhờ anh việc đó, vì con tôi không may mồ côi bố, anh sẽ nghĩ tình bè bạn dạy dỗ cho chúng nó hộ tôi. Và anh sẽ đưa các cháu về cho ông chúng nó.

Nhân dịp này, tôi phải ngỏ anh biết tôi không có họ hàng thân thích nữa; cha mẹ, ông bà tôi chết hết cả rồi. Người cứu mang tôi bây giờ tức dưỡng phụ tôi

đó. Dưỡng phụ tôi tuy không có công
đẻ, nhưng có công nuôi tôi rất lớn lao.
Kiếp này tôi đành chịu bội bạc, không
thể báo hiếu cho ân nhân được, vì tôi
còn đeo trong mình một nghĩa vụ rất
hệ trọng; nhưng kiếp sau, tôi nguyện
làm trâu ngựa để báo đền ơn cứu dục
ngày nay.

Một điều quan trọng cuối cùng bây
giờ tôi mới nói anh nghe: tên tôi không
phải Phá Leng; tên thực của tôi là Đèo
Lâm Khảm...

2.

 A VỢ CỦA BẠN TÔI ĐỀU
ĐỂ BA đưa con trai kháu
khỉnh. Ba đứa nhỏ giống bố như tạc.
Mười ngày sau khi đứa con thứ ba ra
đời, bạn tôi bỗng đi đâu mất tích. Từ
buổi đó, không mấy khi tôi được gặp
chàng nữa. Thỉnh thoảng cũng có khi
chàng đá gà về Hà Nội; mỗi khi về Hà
Nội, chàng lên tiệm cùng tôi hút sách
say sưa. Nhưng năm mười ngày mới

gặp chàng một bận; chàng về độ một hai ngày lại hấp tấp đi ngay.

Trong buổi chuyện trò mấy tháng trời về trước, tôi biết rõ lai lịch và tâm sự của chàng. Lắm Khảng kể lại tỉ mỉ cho tôi nghe hết cả mọi nhẽ bắt chàng phải biệt cố hương, ra lánh nạn ở nơi đô thành náo nhiệt. Chàng thuật lại sự tổ phụ chàng đánh hổ, sự Thần hổ xám phục thù, việc gặp gỡ và âu yếm ma thiêng, sự Peng Slao làm phép và làm bùa cứu chàng thoát nạn. Càng tin những sự dị đoan kỳ quặc ấy, tôi càng lo cho sinh mệnh của chàng. Nói cho đúng, chàng chỉ là người, một con người yếu ớt, vô tài, trước những mãnh lực thiêng liêng bí mật của Thần hổ đã thành tinh, thành mãnh. Biết rằng chàng có thể trả được thù nhà cho ổn thỏa, hay là lại bị như ông cha, chết

thảm thiết dưới nanh vuốt của loài ác thú kia?

Tôi rất lấy làm lo cho số kiếp Đèo Lầm Khẳng.

Trong khi lo mong, hồi hộp đó, một đôi khi tôi được gặp chàng. Lần nào, chàng cũng lộ ra vẻ ngậm ngùi thất vọng. Như thế, đến năm bảy tháng.

Bỗng một ngày, đương nằm trâm ngâm trong tiệm hút, nghĩ vẩn vơ đến cuộc đời kỳ dị và đau đớn của bạn, tôi bị một bàn tay đập mạnh vào vai:

– Anh làm gì mà lim dim ngủ thế? Tôi đây, anh Thảo ạ. Tôi đã về với anh đây! Lần này xong xuôi cả rồi. Thế là tôi làm tròn phận sự. Nhưng có lẽ tôi chết mất, anh ôi! chết mất...

Tôi kinh ngạc. Lâm Khăng nói tiếp:

– Xét trong mọi sự ở đời, ta mới hiểu rằng những sự may rủi đều do tiền định cả. Sức người không thể tạo nổi những sự ấy được! Cố tìm mãi thì không thấy, mà lúc không hẹn thì nên. Tôi đã làm hết cách để tránh sự chết, để bám vào sự sống, nhưng số đã định, thì cũng chả làm thế nào được!

Trước hết, tôi phải nói anh biết theo lá số của tôi, người ta có thể đoán trước thế nào tôi cũng nghiện thuốc phiện. Thuở tôi còn bé, có ông thầy tướng trông mặt mũi và bàn tay tôi, rồi trịnh trọng bảo rằng ngày sau tất thế nào tôi cũng sẽ có một tai nạn lớn, sẽ phải trải một cuộc đời phiêu linh luân lạc và sẽ làm bạn với chị ả Phù dung.

Lúc đầu tôi không muốn tin: lớn lên, mãi đến ngày hai mươi tuổi tôi cũng vẫn không tin. Không tin bởi tôi sinh trưởng ngay bên cạnh một người nghiện mà vẫn không bao giờ thèm hút. Dưỡng phụ tôi nguyên tri huyện Thạch Thành, là một ông quan có danh trong làng Bep từ ba bốn chục năm nay. Tôi thường ngồi bên cạnh dưỡng phụ tôi, xem ngài tiêm thuốc và hút thuốc; tôi thường ngửi khói thuốc phiện luôn luôn, nhưng không bao giờ có ý gì thèm thường sự hút cả. Và chẳng người tôi to lớn và khỏe mạnh, tôi tự tin ở nghị lực, chắc rằng mình sẽ không khi nào vướng víu phải tật nghiện ngập, mà xưa kia tôi cho là vô lý xấu xa. Dưỡng phụ tôi, bởi tin ở tướng số, lại sợ tôi lâm vào nha phiến sớm quá, nên cấm tôi hút sách rất nghiêm ngặt một mặt

sai người rình mò dò xét xem tôi có hút giấu, hút giếm bao giờ không.

Quả nhiên tôi không hút bao giờ cả anh ạ. Không những thế, tôi còn có ý lảng tránh những nơi có bàn đèn nữa. Dưỡng phụ tôi lấy làm vui lòng lắm; khen tôi là một đứa con trai có nết. Vì thế ngài yêu quý và chiều chuộng tôi, lại tin ở hạnh kiểm của tôi lắm. Có lẽ đến bây giờ ngài cũng không biết là tôi nghiện đã từ lâu. Trong mười năm trời, từ ngày tôi mười một tuổi, cho đến ngày hai mươi mốt tuổi, trước mặt dưỡng phụ tôi, tôi không hề bao giờ làm quen với Phù dung tiên tử. Đến lúc tôi từ biệt cha mẹ nuôi, thân bằng cố hữu và quê quán để lên đường lánh nạn, đến lúc ấy tôi cũng chưa biết mùi vị thuốc phiện ra thế nào. Nhưng... nhưng, vừa đi ra

khỏi nhà được độ một ngày, vừa cách xa quê hương độ vài ba mươi dặm, tôi bị lâm vào một trường hợp éo le, đáng sợ, khiến tôi quên cả lời giáo huấn của cha mẹ, quên cả lời khuyên răn của hai bố, đưa hồn vào “Giả thiên đường”...

Trường hợp ấy, chắc anh đã rõ biết: tôi đã từng kể lại cho anh nghe mấy tháng trước; nó tức là sự gặp gỡ người tình nhân yêu quý của tôi: Peng Slao. Trong lúc hoảng sợ, tôi cần phải tìm nghị lực và can đảm trong thuốc phiện; tôi hút, tôi hút mãi: hóa nên tâm hồn tôi bỗng sáng láng và mạnh mẽ thêm, tôi đủ tư cách làm cho Peng Slao thỏa nguyện, tôi đủ tinh thần chạm trán một con ma dữ tợn và lạnh lẽo như nàng. Nhưng, nếu nhờ thuốc phiện mà tôi yêu được Peng Slao, mà tôi được nàng cứu sinh mệnh cho, tôi cũng phải trả

chút ơn rất đắt: tôi nghiện! Tôi đã hóa ra một gã nhân tình tận tụy, một tên nô lệ trung thành của nha phiến nương nương. Song le, dù có thế nào, tôi cũng không hối hận. Ngay từ lúc tôi bắt đầu ngậm mồm vào dọc tẩu, ngay từ lúc tôi bắt đầu nếm các vị bụi ngọt ngửi cái mùi thơm tho của thuốc phiện tôi đã biết rằng đời tôi sẽ phải hy sinh cho chất độc ấy. Trong giấc mơ màng đầu tiên mà chị ả Phù dung hiển tôi gọi chút đỉnh quà tương kiến, tôi thấy người tôi như thoát tục, bay vào một cõi thiêng liêng huyền bí lạ lùng. Bởi thế, tâm lý tôi lúc ấy hợp ngay với tâm lý của Peng Siao giai nhân từ một chốn mệnh mang bát ngát hiện về để cùng tôi gắn bó. Ấy, chính giữa lúc ấy, mà người tôi như tan ra khói, mà hồn tôi như hòa cùng mây, tôi thấy một thứ ánh sáng dị kỳ tỏa khắp trí não tôi, làm cho tôi trong một khắc,

được thấy rõ, được hiểu rõ, hết mọi lẽ cao siêu, huyền diệu của càn khôn, của nhân loại. Là màn bí mật của cõi chết như xé toang ra, cho tôi trông suốt vào thế giới tinh thần. Trong lúc được một thứ giác ngộ thiêng liêng xuyên những tia chói lọi, vào tường mờ ám của linh hồn tôi, tôi cảm thấy, – bằng một cảm tưởng chắc chắn lạ, pha lẫn với sự thực, – sau này tôi sẽ nghiệm, sẽ được đại thù, nhưng sẽ chết...

Tôi đã nói với anh, tôi rất tin ở số mệnh, ở tiền định, ở Trời. Quả nhiên, bây giờ những cảm tưởng thiêng liêng của tôi đều thành hiện trạng cả. Tôi nghiệm, tôi trả được mỗi cảm hờn đê nén lòng phần uất của tôi. Còn một điều thứ ba: là tôi sẽ chết.

Phải, tôi biết thế nào tôi cũng chết. Không thể tránh được, anh ạ. Tôi hiểu từ trước, nên không bao giờ muốn làm trái mệnh trời. Song le, cái chết của tôi nó cũng lạ lùng thay! Chết mà biết trước được một cách chắc chắn như tôi, thực ra, rất là hiếm có vậy. Đáng lẽ tôi không hiểu vì sao chân tay tôi như bủn rủn, mắt tôi như mờ, hồn tôi như quáng, tự tôi đi vào tử địa. Bây giờ thì tôi chưa chết, nhưng chả bao lâu nữa tôi cũng sẽ lìa đời. Có biết mình đương ngoắc ngoải, tôi càng tin ở ý định thiêng liêng, bất di bất dịch của ông Tạo Hóa; cái chết của tôi, tôi càng nghĩ, càng cho là vô lý vì tôi không đáng chết tí nào. Nếu không phải do số đã định trước, thì khi nào tôi, Đèo Lầm Khảnh, tôi đến đổi ngu xi, vớ vẫn làm vậy? Nghĩ ra thì lạ lắm anh Thảo ạ. Anh hãy trầm

ngâm một lúc để tôi kể rõ anh nghe.

Anh đã hiểu biết mối thù của tôi nó thâm hiểm độc địa là thế nào. Từ khi ra lánh nạn ở Hà thành này, trong lòng tôi cũng đỡ lo ngại nhiều lắm. Phần vì tôi ở một chốn phồn hoa đô thị không bao giờ sợ nổi cộm bắt; phần vì, khi gặp Peng Slao, nàng đã cho tôi uống một lá bùa hộ thân rất linh nghiệm, và đã làm phép thể thân cho tôi.

Phép thể thân tôi không biết nó thần thông là thế nào; tôi chỉ biết sau khi Peng Slao đem thằng bồ nhìn ra dựng ở trước nhà và đem buộc con lợn béo cạnh thằng bồ nhìn ấy, thì Thần hổ xám không lảng vãng đuổi theo tôi nữa khi đã nhận lễ vật và liếm đĩa máu gà pha lẫn với máu mười đầu ngón

tay ngón chân của tôi. Còn như bùa hộ thân thì tôi vì quá yêu Peng Slao và tin ở lòng nàng, nên tôi cứ uống, cũng không tự hỏi lòng xem lá bùa ấy sau này có những ảnh hưởng gì đến sinh mệnh tôi. Khi ra đến Hà Nội, tôi không bao giờ nghĩ tới lá bùa ấy nữa. Nhưng không hiểu vì sao, anh Thảo ạ, từ buổi từ giã người nhân tình yêu quý của tôi, tôi thấy tâm thần phấn khởi lạ thường và rất tin ở thọ mệnh. Thỉnh thoảng tôi lại vào rừng săn bắn với con ông chủ nhà trọ không khi nào kinh sợ một sự gì. Trong những lúc ấy một động lực huyền bí bảo cho tôi biết mãnh hổ và ác thú không thể giết chết được tôi. Lò mò trong rừng có khi suốt đêm, tôi bắn được nhiều hươu nai, và dã thú khác song không hề gặp cộp bao giờ. Mãi đến một ngày kia, vào khoảng bốn năm

giờ chiều, khi tôi và con ông chủ nhà đương thơ thần, trong một khu rừng rậm, chúng tôi bỗng nghe tiếng hót và tiếng vỗ cánh của một đoàn khướu bay lại đậu trên đỉnh đầu chúng tôi. Bọn tôi lộ ra vẻ hốt hoảng khùng khiếp, nắm vạt áo tôi, níu lại:

– Ta nên mau mau trèo lên cây, cộp đến, có cộp đến anh ạ!”

Rồi hẳn chỉ đàn chim khướu cho tôi xem. Tôi hiểu rằng hễ bao giờ có khướu đến trước, tất thế nào cũng có cộp theo sau; tôi điềm tĩnh trả lời:

– Anh cứ trèo lên cây đi, còn tôi, tôi đứng đây!

Bọn tôi nghe đáp lấy làm kỳ dị; hẳn chưa kịp hỏi tôi làm sao táo bạo thế, thì

một tiếng găm inh ỏi bỗng làm cho hần cuống cuống vội vã nhảy lên một cây rỗ cao rồi ngồi vắt vẻo trên cây chĩa súng xuống, chăm chăm chú chú chờ hồ lại.

Một mùi hôi thối lúc bấy giờ xông lên, làm ngạt hần mũi tôi; rồi từ mé xa, một cái bóng lù lù tiến lại. Khi cái bóng chỉ còn gần tôi độ mười thước tây, tôi đưa thẳng súng ngang mào, ngắm đích xác, rồi bắn. Khói vừa tan, tôi đã thấy con cọp lông lên chạy ủa lại, tôi bèn né tránh sang bên trái năm sáu bước, định trèo lên cây. Nhưng quái lạ! Không hiểu vì sao con cọp kia bỗng đứng lại nhìn ngơ ngác, hình như không trông thấy tôi. Nó bị một vết thương ở cổ, đau quá nhảy chồm chồm và quay ngang quay ngửa, nhưng vẫn không biết ai là kẻ

bắn mình. Nhân dịp nó đương ngoài đi ngoài lại, tôi cố sức lấy hết can đảm, thu hết nghị lực, đứng dựa lưng vào một gốc cây to, rồi chĩa súng vào con ác thú, bóp cò. Phát đạn “chevrotine” bay ra mạnh lắm; tôi chỉ cách con hổ có độ chừng 7, 8 thước nên mấy hòn chì xuyên xoáy vào mặt nó, lần này nó không gượng được nữa, găm lên một tiếng kinh thiên động địa rồi nằm vật xuống.

Hình như tiếng kêu cuối cùng ấy của con cọp bị đạn là một tiếng gọi bạn đến cứu; một con cọp nữa to hơn, mạnh hơn, không biết từ đâu bỗng xuyên qua bụi rậm, hồng học nhảy xổ ra. Tôi tinh mắt, trông thấy con hổ thứ hai kia, đã định thưởng ngay cho nó một phát súng. Tôi chưa kịp lắp đạn,

vì hai phát đạn của tôi đã dùng mất cả rồi, thì đã nghe một tiếng “đoàng”, rồi thấy loài mãnh thú kia chồm lên, bay lại mé tôi đứng. Tôi tưởng lần này tôi tận số, định lẩn trốn phía sau gốc cây. Phát súng kia là phát súng của bạn tôi ngồi trên cây bắn xuống. Con cộp người phải thuốc súng hăng tiết, chạy xông xộc lại chỗ người bắn nó để trả thù. Phát súng của bạn tôi lại không trúng, hóa nên nó còn sức mạnh vô cùng. Khi nó tiến tới gần tôi, tôi rất lấy làm lạ vì thấy nó đứng dừng lại, nhìn lên ngọn cây, giương hai mắt nhìn trô trố chiếu vào bạn tôi những tia sáng dữ dội, chứa đầy khí giận và oán thù. Bạn tôi ngồi cao quá, nó không làm gì được, nó tức tối vô cùng, bèn gầm to một tiếng rồi văng mình nhảy ngược lên, xuyt nữa gần đến chỗ bạn tôi ngồi, chỉ còn cách

độ non thước rưỡi. Bạn tôi sợ quá, vội vã bắn ngay một phát nữa, rồi vút súng trèo lên rỗ cao. Lần này, con hổ bị trúng phải đạn. Càng hăng máu thêm, nó nhảy chồm lên càng cao, nhưng đều vô ích. Nó ngã huỵch xuống đất, gầm thét vang rừng và quay lộn như chong chóng. Thấy bạn đã quăng súng, tôi biết rằng lúc này là lúc phải xuất đầu lộ diện, bèn mạnh bạo tiến lên một bước, chia súng bắn một phát vào mặt cọp. Phát ấy chả may không trúng đích, vì tay tôi lấy bẫy, tôi quá cảm động nên nhắm không được kỹ càng. Bắn xong, tôi vội vã nép mình sau gốc cây, định ninh thế nào lần nấy cũng bị cọp tóm được. Thực là một sự kỳ dị; con hổ kia hình như không có mắt, nó ngo ngác nhìn tứ phía, không biết hòn đạn xuyên vào người nó từ đâu ra. Nó lại nhảy

vút lên cây định bắt bạn tôi, song lại ngã xuống. Mãi lúc ấy tôi mới hiểu lá bùa của Peng Slao linh nghiệm. Đã biết lá bùa kia linh nghiệm, tôi tự thấy can đảm vô cùng, vì tôi tin ở thọ mệnh của tôi. Hùng dũng, tôi tiến lên, đi lại gần con ác thú. Tôi chỉ còn hai thước nữa là đến cạnh sườn nó. Nó vẫn tựa hồ như không thấy có người. Tôi mới biết rằng mắt không trông thấy tôi được, tôi đã có phép tàng hình rồi! Vững chãi, dễ dàng, tôi giơ súng chĩa thẳng vào mặt nó. Cò bóp, súng nổ: con vật to lớn và mạnh mẽ kia chỉ còn là một đồng thịt lù lù nằm dưới chân tôi.

Bạn tôi, ngồi trên cao, được trông rõ cảnh tượng lạ lùng ấy. Chàng ngạc nhiên đến cực điểm, không hiểu tại vì sao hai con cọp kia chịu để tôi bắn chết,

mà không hề dám xông đến hại tôi. Tôi chỉ mỉm cười một cách bí mật, khiến chàng tự lúc ấy, phục tôi như một vị kiếm hiệp có phép thần thông vậy.

Còn về phần tôi, sau cuộc săn hổ đó, tôi rất tin ở lá bùa hộ mệnh của tôi. Càng tin bao nhiêu tâm hồn tôi càng phấn khởi mạnh mẽ bấy nhiêu, tôi tự thấy can đảm và hăng hái không ai bì được. Rồi từ ngày đó, tôi chỉ có một sở nguyện, là lùng kiếm khắp các non sâu rừng thẳm, tìm cho được kẻ thù giết dòng họ tôi ngõ hầu trả sạch mối thù. Sau khi ba vợ tôi, nhờ phúc trời cho tôi ba đứa con trai, tôi không nghĩ đến thân tôi nữa, tôi bỏ cả vợ con ở lại, tôi đi...

Chỗ này, tôi xin phép ngỏ anh nghe một câu tâm sự. Có lẽ vì hồn Peng Slao thiêng liêng trong sạch, nên bây giờ cũng theo dõi tôi để phù hộ cho tôi. Tôi không hề được chiêm bao thấy nàng, song không khác nào không có cảm giác dịu dàng êm ả là nàng ở kề bên cạnh người tôi, trông nom săn sóc đến tôi. Tôi tuy lấy nhiều vợ, có nhiều nhân tình; nhưng thú thực cùng anh, tôi không yêu đứa nào cả. Đến mặt mũi các vợ tôi, có lẽ tôi cũng không tưởng tận lắm, bởi một khi cùng họ chung chăn xẻ đệm, là một lần tôi nhắm mắt mơ màng như thấy tôi ân ái cùng Peng Slao, nhân tình yêu quý và duy nhất của tôi. Những xác thịt tôi làm cho sung sướng là những hình hài của người phạm tục: mà linh hồn tôi âu yếm, có lẽ chỉ là hương hồn phảng phất

của nàng thiếu nữ Mường chiếm quả tim và lòng dục của tôi, lần đầu tiên tôi biết thú ôm ấp đàn bà. Tôi không thể nào quên nàng được, anh ạ, không thể nào quên nàng được. Trước kia, tôi đã nguyện rằng khi nào xong việc, nếu tôi còn sống sót, tôi sẽ trở về huyện Thạch, tìm vào căn nhà mồ cũ; tôi sẽ nằm bên cạnh mồ nàng, êm ả hút thuốc phiện và trò chuyện cùng nàng vui vẻ; tôi sẽ chung chạ với nàng cho tới khi đầu bạc răng long. Bây giờ thì tôi không phải cầu nguyện gì nữa, anh ạ; chả bao lâu tôi sẽ tìm thấy nàng, tôi sẽ lấy nàng, tôi sẽ cùng nàng bay vút vưởng trong cõi mơ hồ, huyền ảo...

3.

XHUÔNG MÀ TÔI VÔ
DUYÊN QUÁ! Tôi vội quá,
chưa chi đã nói đến Peng Slao. Tôi hãy
kể lại dần dần đầu đuôi câu chuyện để
anh nghe, như thế mới có ý vị!

Thế thì, cách đây độ bảy tám tháng,
mười mấy ngày sau khi đưa con trai thứ
ba của tôi ra đời, tôi từ giã vợ con, đi
luôn năm bảy hôm, nửa tháng, không
về Hà Nội. Có về, tôi cũng chỉ tạt qua

độ một hai ngày, hoặc giả vài ba tiếng đồng hồ rồi lại đi ngay. Trong những lúc đi vắng, tôi làm gì, chắc anh cũng hơi đoán được: tôi đi trả thù đó! Tôi mất bao nhiêu công trình, bao nhiêu tâm cơ nghị lực, thế mà vẫn phải về không, chả được công cán gì. Trước hết, tôi trở về quê nhà, tìm căn nhà mồ của vợ tôi, Peng Slao. Tôi tìm mãi, tìm đến hai ba ngày, không thấy dấu tích căn nhà ấy đâu cả. Hai bố tôi và tám người lính trước kia đi theo hầu tôi, đều giúp tôi tìm cho được căn nhà mồ ấy, nhưng ngàn vâu thăm thẳm, cỏ nội mênh mang, tuyết mù không để lại một dấu vết gì của kỷ niệm năm xưa nữa. Tôi lấy làm kỳ dị, lần mò vào nhà thầy Mo Slầy, hỏi thăm tin tức Peng Slao. Tôi mới biết rằng căn nhà mồ kia đã bị hủy đi rồi, mà Peng Slao nay đã nằm yên

dưới đất. Theo lệ Mường, sau ba năm quản ở ngoài đồng thì họ hàng làm một lễ lớn để an táng hình hài người chết. Tôi bèn xin phép ra mộ nhân tình yêu quý của tôi. Tới nơi, tôi khấn khứa hồi lâu, rồi phủ phục xuống, ôm lấy nắm cỏ khô mà khóc nức nở. Tôi khóc lâu lắm, thấy trong người mỗi mệt, bỗng thêm thiếp đi lúc nào không rõ. Trong giấc ngủ, tôi mơ màng như thấy Peng Siao vuốt ve tóc và má tôi, rồi cầm lấy tay tôi, âu yếm bảo rằng:

– Chả bao lâu nữa anh sẽ được gặp em, bởi thế, em đợi anh ở đây đã lâu. Sổ sách của Trời đã chép rõ cả, lần này anh không thể tránh được nữa. Chỉ vì nhà có nhiều âm đức hóa nên anh mới được gặp em, mới được sống thêm ba năm để nối lấy dòng dõi nhà họ Trịnh.

Anh vốn họ Trịnh, không phải họ Đèo đầu. Con anh nên cho nó mang họ cũ của tổ tiên mới phải. Nay anh đã đủ bốn phận rồi, nay anh đã làm tròn nghĩa vụ rồi, thì chả mấy chốc anh sẽ phải theo em về cõi Chết. Anh sẽ phải chết vì Thần hổ xám đúng theo số kiếp và duyên nghiệp của anh. Song le, bởi tội ác loài mãnh thú kia đã đầy đủ, nó cũng sẽ chết về tay anh, ngỏ hầu mỗi oan nghiệp đến đây là đoạn tuyệt, không dây vướng mãi đến đời sau nữa. Mỗi tử thù của anh sẽ được báo phục. Thần hổ cũng sẽ được hóa kiếp. Như thế, sẽ tránh khỏi oan oan tương báo, sẽ tránh khỏi vòng nghiệt trướng lưu truyền.

Vậy, em xin mừng anh. Và em vui lòng nằm đây chờ đợi anh; ngày nào anh thấy trong người kiệt lực, anh nên

nhớ về quê nhà mà yên nghỉ, cho hai ta được gần gũi nhau, ngỏ hầu âu yếm nhau không bị sự gì ngăn trở.

“Thôi, anh đừng tiếc nhớ em làm gì nữa; rồi anh sẽ được gần em. Bây giờ anh hãy đi đi, hãy cố trả thù cho xong đã!

Peng Slao nói đến đấy, tôi bỗng mở bừng mắt dậy, thấy mình nằm trên mả tình nhân giữa một hoàn cảnh âm u lạnh lẽo. Tôi vội vã trở dậy về nhà, rồi từ đấy, bắt đầu đi tìm Thần hổ xám. Tôi tìm cả một vùng Thanh Hóa, lại cả một vùng Nghệ An, tôi vào mãi đến Quảng Trị, sang cả giáp giới xứ Lào, như Sầm Nứa, như Tà Khệt, mà vẫn không tìm thấy kẻ thù độc ác của tôi. Chán nản, tôi lại trở về Hà Nội.

“Nhưng, tin lời Peng Slao, tôi biết rằng, thế nào, một ngày kia, tôi cũng tóm được Hồ thần. Quả nhiên, một buổi tối rất đẹp đẽ, nên thơ thuộc về trung tuần tháng mười này, một buổi sáng trắng vàng vạc, tôi được gặp con ác thú ấy, trong một trường hợp ngẫu nhĩ lạ lùng. Tôi gặp nó không phải ở Thanh Hóa, không phải ở Nghệ An mà chính ở phủ Nho Quan, về địa phận Bắc Việt ta đó! Thì ra con quái ấy cũng rình mò theo vết chân tôi, anh ạ. Nó đương định tìm cách hãm hại tôi cho tuyệt tộc mới nghe.

Hình như nó biết rõ tôi chưa chết. Có lẽ những lũ ma trành xúi nó, giục nó, khuyên nó nên cố sức giết tôi để tránh sự tôi báo phục mỗi tử thù. Có lẽ nó hiểu biết Peng Slao đã làm phép

thế thân cho tôi, vì nó linh thiêng lắm. Nó chỉ định tóm được tôi là thôi miên cho tôi ngủ, rồi liếm vào mặt tôi, khiến lá bùa của tôi hết linh nghiệm, tôi phải thối thịt mà bỏ mình. Nó biết rằng hễ nó liếm được vào mặt tôi, tất thế nào tôi cũng chết. Vì số tôi bị chết về tay nó, hóa nên nó chỉ việc chạm đến tôi là tôi hết kế thoát thân. Đối với những hổ thường, phép tàng hình của tôi rất có lợi; nhưng đối với Hổ thần này, nếu nó không bị thương gì, mà vẫn tỉnh táo, mạnh mẽ, thì, dù tôi tàng hình nó cũng trông thấy tôi rõ rệt như tôi không tàng hình vậy.

Bởi lẽ, trong mắt nó, những tia điện sáng và sắc như nước; nó nhận được tôi, chỉ phải trở mắt thôi miên tôi một chút, là bao nhiêu nhân điện,

khí lực và can đảm của tôi phút chốc tiêu tán hết; tôi sẽ nhũn người ra, ngã gục xuống, thiếp ngủ đi; hình hài tôi sẽ hiện rõ rệt dưới tầm mắt nó. Tại tôi đã làm phép thể thân bằng bồ nhìn từ ngày trước, Hổ thần sẽ không cắn chết hoặc tát chết được tôi. Song le, nó sẽ liếm vào má hay trán tôi, tôi bị vết thương ấy thì chỉ vài ba tháng là tận số. Nghiệt trướng của tôi như vậy, không thể nào thoát được. Tên tôi, trong sổ chép những người có số bị hổ ăn, sau khi tôi làm phép thể thân thì mờ biến hẳn đi, không để lại dấu vết gì nữa. Nhưng, nếu Thần hổ xâm phạm được tới tôi, ba chữ tên ấy lại hiện ra rõ rệt, bên cạnh một chấm màu đỏ hồng. Lá số kia sẽ đưa đến Nam Tào, tòa Nam Tào sẽ lấy bút son, gạc một gạc, xóa tên Đèo Lâm Khảm. Ngày nào vị tiên chúa

tử cầm bút phê đến thọ mệnh của tôi, tức là ngày ấy, thằng Mường sống sót này, bạn anh, nhân tình Peng Slaos, sẽ từ giã cha mẹ, từ giã vợ con, từ giã bạn hữu và đất nước này, để bay hồn về cõi chết. Anh đã hiểu rõ chưa?

Tôi vẫn nói với anh là mỗi sự ở đời đều do tiền định cả, quả vậy, Vì số tôi phải chết, thì muốn làm cách gì cũng không bám được vào sự sống; muốn thế thân hay uống bùa thế nào, cũng phải chịu kết liễu đời mình một cách vô lý, lạ kỳ.

Tôi không hiểu tại sao tôi lại quá ngu si, dần dần, tự mình đi vào cõi chết, đem hiến thân mình cho kẻ thù xâm phạm tới dễ dàng ? Chả qua chỉ vì oan nghiệt!

Anh thử nghĩ mà xem, thực quả chỉ bởi mệnh tôi đến ngày đoạn tuyệt! Cách đây hơn hai mươi tiếng đồng hồ, tôi cùng người bạn đi săn bắn với tôi, con ông chủ nhà trọ cùng ngồi chung một chiếc xe hơi bỏ mui, đi vào địa hạt Nho Quan định đến sáng sớm thì săn các dã thú. Lúc chúng tôi gần đến Nho Quan còn độ hơn mười cây số nữa là đến phủ, bạn tôi bỗng bị một hòn cát bay vào mắt, phải hãm xe lại, đưa tay lái tôi cầm cho cẩn thận, vững vàng. Trời hôm qua trăng sao vắng vặc, sáng đẹp lạ thường. Hôm nay là rằm tháng mười, phải, rằm tháng mười; hôm qua tức là ngày mười bốn đó. Trăng mười bốn, anh còn lạ gì, trong suốt một vùng trời đất, nó tỏa ra một thứ ánh sáng dịu mát và lạnh lẽo, trắng bạc và êm đềm. Tháng mười năm nay không lấy gì làm

rét lắm; chúng tôi tuy bỏ mui và cho xe chạy lướt, vẫn không thấy hơi lạnh giá buốt tay chân. Bạn tôi cầm lái đã mệt, đã lâu; lúc anh ta dừng xe lại, tôi bèn khuyên anh nên ngồi nghỉ ngơi một chút rồi sẽ chạy nốt về phủ cũng không muộn gì. Anh ta nhận lời; chúng tôi cùng đánh diêm châm thuốc hút.

Giữa một góc trời tịch mịch, trong một hoàn cảnh âm u, ngọa mục, lại được tiết trời mát ráo, sự ngồi nghỉ giữa đường và hút thuốc lá trên ô tô thật là khoái lạc êm ả cực kỳ, không tài nào tả xiết. Tôi đương lặng lẽ hưởng thú thanh cao độc nhất vô nhị ấy, bỗng bạn tôi, khi vừa giụi mắt xong, cầm chiếc mũ xoa chỉ thẳng vào quăng rừng cây bên tả. Tôi giật mình chú ý nhìn thì, chao ôi! một cảnh tượng làm cho tôi bỗng

giùng giợn, sờn gáy. Nay phía tả, hơi chếch về mé sau xe, có vật gì trông như một ngọn đèn đỏ ngầu và sáng rực, tựa hồ chiếu vào chỗ chúng tôi ngồi những tia lửa chói lọi, êm như nhung mà cũng sắc như dao. Vật ấy trông giống như một con mắt, một con mắt hổ. Không nghĩ ngợi xa xôi nữa, tôi đoán ngay, biết ngay, nhận thấy ngay: con mắt của con hổ chột của loài quái vật thù tôi, của Thần hổ xám đỏ. Con mắt của con vật ấy long lanh như đương nhìn thẳng ra đường, thôi miên đôi chúng tôi. Bàng hoàng lo ngại, tôi chưa kịp định thần liệu xem nên báo phục hay nên trốn tránh đã, chưa kịp tự hỏi lòng xem con mắt kia có đúng là con mắt loài mãnh thú tôi định hại không, thì bạn tôi đã run lấy bấy nắm chặt lấy tay tôi, rồi chỉ con mắt sáng ngời kia nói:

– Anh Khăng! Anh thử nhìn kỹ xem, cái gì mà lạ lùng lắm, anh ạ. Có lẽ là ma, là ma thực đấy! Tại sao tôi trông, dưới ánh sáng mờ mờ của ánh trăng xuyên qua kẽ lá, hình như trong mé rừng kia có một đàn con gái nhớn như bao bọc một ông cụ già râu bạc; kia kìa, có phải ông cụ già không anh? Hay là tôi vừa bị bụi đung chạm vào đồng tử mà hóa ra lòe mắt?

Nghe bạn nói, tôi chăm chú nhìn rõ kỹ. Hỡi ôi! Anh Thảo! sự tôi trông thấy sau này càng khiến tôi kinh ngạc bội phần! Thực vậy! Quả thực trong một góc rừng sâu thẳm, cách chúng tôi độ bốn năm chục bước, dưới ánh trăng một, một đoàn con gái đến bảy tám đứa đương vui đùa nhảy múa. Có đứa mặc quần áo kiểu thổ dân, có đứa lại ăn vận

theo lối người dưới chợ. Nhưng con nào cũng bỏ tóc xõa phất phơ rủ xuống hai vai; có ba bốn đứa lại như khỏa tấm thân ngọc ngà trắng toát, không có áo quần gì cả. Có lẽ lũ ấy toàn là con gái; trông xa không được rõ rệt lắm, nhưng thấy dáng điệu chúng nó mềm mại, óng ả và tha thướt, thì tưởng chừng nó cùng thuộc về phái thoa quần. Ba bốn đứa cầm tay nhau nhảy vòng tròn, làm cho áo quần và tóc lửa tỏa tung bay trước gió. Còn mấy đứa nữa – những đứa cời chuồng – thì hình như đứng cạnh hầu hạ, bắt chấy, đấm lưng, và vuốt râu cho một ông cụ già đầu tóc râu ria bạc phơ, chỉ có một con mắt sáng lờ, chiếu ra những tia lửa đỏ hồng lóng lánh. Có một sự rất quái dị, là hình như trong bọn ba đứa con gái đứng kề ông cụ, một đứa trèo lên lưng ông ta giơ tay,

đưa chân, đùa nghịch cùng những cô ả nhảy vòng ở ngoài. Đến lúc trông kỹ ông cụ, tôi lại càng khùng khiếp hơn nữa. Ông cụ già kia tưởng như không có tay; sao lưng ông lại xám xám mà cong; ông rõ ràng không mặc quần áo gì cả, ngồi chống thẳng hai chân trước xuống đất, chả khác hình thú vật một chút cón con nào. Thôi, đích rồi, đầu kia là một đầu người, nhưng thân thể kia là một thân thể vật, là xác thịt, hình hài một con hổ, con hổ xám đỏ!

Nhân buổi trăng sao vắng vặc, nhân khi khí tiết êm ả dịu dàng, nhân quang cảnh lặng lẽ âm thầm, con quái vật kia hiện ra hình người để cùng lũ ma trành đùa giỡn. Nhưng con yêu tinh đó chưa đủ phép thần thông biến hóa mới hiện ra được cái đầu mé trên,

còn mé dưới vẫn phải giữ nguyên hình, chưa hóa được. Đích rồi, nó là kẻ thù của tôi, phải trả thù mới được, phải nhờ dịp này báo phục mới xong! Nhân nó đương ngồi chơi, không chú ý nhìn ra đường, phải lừa khi nó lơ đãng, giết nó thì mới dễ. Thoạt lúc đầu tiên, nhìn con mắt sáng chiếu ra những tia lửa nồng nàn dữ dội, tôi đã cho là nó thôi miên tôi. Song nhìn kỹ lại, thì không phải thế. Con mắt Thần hổ bao giờ cũng sáng; con quái vật đó có mỗi một mắt, nên mình ở phía nào cũng tưởng chừng như nó nhìn mình. Hóa ra tôi lầm. Đương lúc con hổ kia đùa cùng bộ hạ nó, nó mãi nhìn mấy con ma nháy múa chung quanh mình, có phải chăm chú nhìn hai chúng tôi đâu! Nếu quả nó nhận thấy chúng tôi, thì từ lúc nãy, nó

đã sẵn lại gần rồi! Tôi đương suy nghĩ, lại thấy bạn tôi dồn hỏi:

– Thế nào anh? Có phải là ma không? Rõ ràng đầu ông cụ mà mình như mình cọp ấy, anh ạ. Tại sao da cọp mà lại hình như xám, không phải da vàng như các giống cọp thường? Hẳn là một con yêu tinh đây, anh ạ, ta phải trốn mau đi mới được!

– Thông thả. Anh cứ sắp sẵn sàng đi cầm vô lăng cho vững! Liệu trước cả đi. Đợi cho tôi ngắm trúng con quái đó, bắn một phát; hễ khi nào súng nổ thì anh mở máy cho nhanh, phóng nước đại nhé. Cho khéo đấy. Đây, tôi sắp bắn này!

Tôi vừa dặn bạn vừa chĩa súng, ngắm cho rõ trúng đích, tức là con

mắt sáng ngời kia. Bạn tôi lật đặt ngồi chăm chú, chỉ đợi tôi bắn là cho xe chạy. Xe vừa bắt đầu kêu, máy vừa mở, thì một tiếng “đoàng” bỗng xé không trung lặng lẽ, rồi tiếp luôn một tiếng đoàng thứ hai. Hai phát súng vừa thoát ra trong vòng một khắc cón con, xe ô tô đã vù vù chạy như chớp loáng trên con đường đá trắng. Bắn xong tôi tự thấy trong người xúc động đến cực điểm; óc tôi bấy giờ rối loạn, phần vì mừng, phần vì sợ, phần vì cảm động vô cùng. Tôi không kịp nghĩ ngợi gì cả, chỉ một mặt giục bạn vặn xe mở máy thật nhanh, cho thoát nạn. Không hiểu vì sao lúc ấy tôi đâm ra hoảng hốt, chỉ muốn lánh mình rõ xa, không dám quay đầu lại nữa. Bạn tôi lại càng sợ hãi và luống cuống hơn tôi, anh ta cố sống cố chết nằm rạp xuống vô lăng, mở đèn

“pha” rõ sáng, rồi lái, rồi lái cho xe chạy trong đêm tối như một mũi tên thoăn thoắt.

4.

XE CHẠY ĐƯỢC MỘT QUẢNG THÌ TÔI thấy can đảm dần dần trở lại, tôi ngoảnh đầu trông về phía sau. Chao ôi! Khủng khiếp chết đi mất! Khi xe đương chạy vút, không kịp nhìn sau lưng mình, thì yên trí rằng mình trốn thoát; đến khi định thân nhìn lại, bao nhiêu can đảm, nghị lực, vừa nhóm dậy, đã tiêu bay, tán lác, đi đường nào! Một cái bóng đen to lớn, dưới ánh trăng, vẽ một vết đen xì

trên đường trắng. Cái bóng ấy chồm lên, chồm xuống, tiến đến vùn vụt, rất nhanh. Nó chạy theo ô-tô, đuổi theo chúng tôi; nó nhảy nhanh nhẹn không kém gì xe của hai chúng tôi mấy tí. Rõ ràng sau lưng chúng tôi một con hổ dài và lực lưỡng đương cong vút đuôi phi nước đại cho kịp chúng tôi. Con vật khổng lồ ấy, mỗi lần chân nó chạm đất, làm náo không trung bằng những tiếng “huỳnh huỵch” rất nhịp nhàng, mãnh liệt, có thể át được tiếng máy xe rầm rập kêu vù vù. Tiếng “huỳnh huỵch” ấy một khắc một gần; con hổ xám kia chả mấy chốc sẽ tóm được chúng tôi, nguy quá! Tôi luống cuống, nghiêng đầu kêu rõ to bên tai bạn, báo cho bạn biết cả đôi cùng bị ác thú đuổi theo. Bạn tôi càng kinh hãi, cuống lên, cố hết sức đạp “ga”, cho xe chạy nhanh hơn, nhanh nữa.

Chúng tôi chạy, chạy mãi, chạy bán mạng, không kể đất trời là gì nữa. Bởi sau lưng chúng tôi, cái chết nó quá gần. Còn mười lăm thước nữa, rồi còn độ mười hai. Rồi còn bảy tám. Thôi chết!

“Mỗi một khắc, tôi lại quay đầu xét tình hình bên địch. Tôi nhìn mãi hồi lâu, mới nhận thấy con mắt của kẻ thù làm sao không sáng rực, đỏ chói và dữ dội như lúc tôi vừa thấy nó; con mắt ấy, giờ đây, trong khi Thần hổ đuổi theo tôi, tự nhiên trông mờ ám hẳn đi, đỏ vàng như một ngọn đèn dầu tây, tựa hồ những tia lửa trong con mắt ấy dần dần sắp tắt. Hổ đuổi càng gần đến, con mắt nó càng hình như thêm mờ, thêm ám, nó cứ tối đi, tối đi mãi, sau cùng chỉ lơ mờ sáng có tí chút mà thôi. Nhưng nó vẫn đuổi. Khốn khổ, chỉ còn có vài ba thước nữa thì kịp!

Xe vùn vụt nuốt rất mau quãng đường đá trắng. Tai hại! Sao bóng trắng lại mù tịt thế này! Thôi hỏng rồi, nó gần theo kịp, nó sắp đến nơi rồi! Cố lên, mau lên! Bạn tôi nằm rạp xuống, mở hết đủ mười bốn mã lực.

Nhưng... nhưng, thực là số chính tôi phải chết! Nếu không vì hàm cọp, thì ắt là vì nạn ô tô. Trời ôi! con hổ kia sắp sát đến nơi rồi, sao xe của mình lại kém nhanh thế này nhỉ? Sao lại hãm máy lại thế hở? Chết, chết, chết, chết mất!...

Trước mặt, không có đường đi nữa! Tịt mất đường rồi! Thì ra trong khi luống cuống, bạn tôi không theo đúng đường cái thẳng về phủ Nho Quan, lại đi lầm sang một con đường đưa tuột

vào cửa rừng, ven sườn núi. Thực quả là oan nghiệt! Thực quả là nghiệp số! Lần này thì không thoát được nữa. Xe hết đường, phải từ từ hãm bánh, không thể làm thế nào được nữa.

Lúc ấy mắt tôi hoa lên, trống ngực tôi đánh như quả tim sắp nổ, mạch máu tôi phồng to, thái dương tôi nóng rực, tinh thần tôi bàng hoàng, bao nhiêu ý tưởng lộn xộn trong óc tôi; tôi, một khắc, loáng như chớp, thấy hình ảnh cha mẹ đẻ, ông bà nội, cha mẹ nuôi, vợ, con, Peng Slao, tiệm hút, anh, và cả quãng đời trai trẻ của tôi... Tại tôi lúc ấy ù ù; cảnh vật chung quanh người tôi quay lộn như chong chóng, tôi không phân biệt gì nữa, không biết gì nữa... Mang máng, tôi tựa như thấy một vật gì to lớn, nặng nề, hút mạnh vào xe ô

tô rồi tôi bị rung chuyển, như ngã hẳn ra ngoài, văng xa giữa quãng không trung, lặn lộn trong một cõi mơ màng, huyền ảo...

Tôi chết ngất đi lúc nào không biết. Thực là một sự dị kỳ. Lúc tỉnh dậy, thấy mình nằm trên bãi cỏ, không xa xe ô tô mấy, bạn thì nằm gục trên vô lăng, đầu ngã xuống thành xe, ngủ mê như chết. Còn xe thì vẫn đứng thẳng thắn, mũi hơi chúc xuống, đít vênh lên trời, theo dốc của một gò đất nhỏ lồm xuống. Cái “pare-choc” đằng trước thì lồm vệt hẳn đi, áp vào một hòn đá lớn. Tôi không hiểu thế nào cả, không nhớ gì nữa, tựa hồ như người uống rượu lỡ say, vừa tỉnh lại sau khi ngủ một giấc rõ dài. Cử chỉ đầu tiên của tôi là lại lay bạn tôi dậy, bạn bàng hoàng mở mắt,

vươn vai, ngáp, rồi mở cửa xe bước ra ngoài. Anh ta cũng lộ ra vẻ kinh ngạc và hoảng hốt như tôi, hai chúng tôi nhìn nhau, thờ thẩn. Lúc ấy mặt trời lên đã cao, ánh lửa hồng đã đỏ rực cả một bên sườn núi. Chúng tôi rút đồng hồ xem, thì vừa mới bảy giờ sáng.

Ngồi trên bãi cỏ, móc túi hết lấy bánh tây và đồ hộp ra ăn, chúng tôi vừa nhồm nhoàm nhồi dạ dày cho đỡ đói – vì lúc đó thấy đói quá – vừa cố sức thu nhặt trong ký ức những kỷ niệm tản mát của buổi hôm qua. Sau khi cùng nhau xếp lại trường hợp mình đã trải, chúng tôi mới nhớ rằng cả hai định lên phủ Nho sản bản, không may gặp hổ giữa đường; bản nó rồi bị nó đuổi theo tới chỗ ấy. Quan sát tình thế và ngắm nhìn xe, chúng tôi biết đã lái xe lạc

đường, đến nỗi đi đâm vào núi. Chiếc xe nghiêng xuống chỉ rõ cho chúng tôi biết nó bị hổ húc phải rất mạnh, nên bị xô vào mãi cửa rừng, rồi gặp một hòn đá to mới đứng lại được. Sự hổ húc xe đó khiến chúng tôi lấy làm kỳ quái, nhất là vì thấy mé sau xe, trên mặt đất, trên nệm không biết bao nhiêu vết máu đỏ ngầu, chưa khô, tung tóe ra làm bẩn cả một vùng. Chúng tôi đoán chắc con hổ bị bắn bôm qua tất mang một trọng thương, khi nó hết sức đâm bổ vào xe thì vết thương ấy mở toang ra, khiến máu bắn giọt ra như tưới. Lần theo vết máu thấm trên bãi cỏ, chúng tôi rủ nhau đi mãi, đi đến non một cây số thì đến cửa một cái hang rộng, hõm sâu vào sườn núi. Trong hang, một cái xác hổ nằm phục trên một vũng nước quánh như hồ và đỏ ngầu, hoen cả làn

da vàng xám có vằn đen, nhất là dây loang ra chiếc bờm lông trắng toát. Trên mặt con mãnh thú kia không biết bao nhiêu là vết đạn; hai phát súng tối qua đã trúng đích, không sai. Cặp mắt thì một con bị chột từ xưa, một con nữa vừa mới bị “đạn bắn” xuyên thủng nốt. Con hổ xám ấy còn thoi thóp thở, nó chưa chết. Nhưng nếu nó còn sống, cũng chả sống được bao lâu nữa, vì nó chỉ có một thân cô độc, mà không may lại mù tịt đi rồi. Thế tất nó sẽ không có cách gì kiếm được miếng ăn, dầu rằng nó linh thiêng và khôn khéo.

Nhận được kẻ thù rõ rệt, tôi bỗng thấy lòng mừng chan chứa, đem súng quàng sau vai ra lắp đạn, chĩa vào ông chúa sơn lâm lỡ bị lúc xa cơ, rồi kể tôi mắng một hồi lâu không ngớt. Thần hổ

chả rõ có nghe hiểu những lời chửi rủa và kết tội của tôi không? Nó chỉ nằm yên không thém cựa. Điên tiết, tôi bóp cò hai lượt, hóa kiếp cho loài ác thú đã hãm hại cả gia đình, dòng dõi nhà tôi.

Thần hổ xám nay đã hóa ra một đồng thịt gớm ghê nát bét, vấy đầy những máu. Trả thù xong, tôi rủ bạn ra đường, tôi mới nhận thấy bạn tôi có một vết bằng đồng bạc lớn mà đỏ hồng gay gắt như bị phỏng dầu sôi. Tôi biết rồi, tôi hiểu rồi, nhưng không dám nói rõ cho bạn nghe sợ hấn buồn rầu và oán trách tôi đưa hấn vào tử lộ. Tôi soi mặt vào gương chiếu đường, mặt tôi bỗng tái mét đi: trên trán tôi cũng có một vết đỏ hồng to bằng miệng chén tống. Ngậm ngùi, tôi bước lên xe; nhưng từ đấy trở về Hà Nội, tôi không nói với

bạn nửa lời nào cả. Tôi không đủ can đảm, sợ hễ nói thì òa lên khóc mất.

Về đến đây, tôi chỉ kịp lại thăm ba đứa con tôi xong, thì đến tìm anh. Bây giờ anh đã hiểu rõ đầu đuôi công cuộc của tôi xin anh nghĩ tình bạn hữu nhớ đến những điều tôi đã trối trăng anh từ nãy nhé! Còn tôi, không chóng thì chầy, thế nào tôi cũng chết. Nhưng trước khi chết, tôi muốn về Thạch Thành lấy từ dưỡng phụ, dưỡng mẫu tôi, hai bố già nuôi tôi, cùng ông Mo Slầy, và xin thầy mẹ tôi, sau khi tôi nhắm mắt, an táng tôi bên cạnh mồ Peng Slao. Ngày mai tôi đáp tàu về Birm Sơn chuyển sáu giờ sáng. Anh ở lại, cố trông nom cho vợ con cho tôi nhé! Tôi lại có một điều rất tâm sự phải cúi lạy xin anh. Nếu tôi chết đi, những vợ tôi sẽ chịu bơ vơ, không

biết vào ai nương tựa. Chúng nó đều ngoan ngoãn cả, nên tôi muốn nhường lại cho anh, cúi xin anh cho chúng nó dựa vào anh để sống nốt quãng đời thừa. Anh lắm của, lại còn trẻ, lại chưa vợ – (anh tưởng tôi không biết anh chưa vợ?) – anh nên vứt hết các sự nề hà vẩn vặt, lấy nghĩa lớn làm trọng, giúp tôi những việc khó khăn này. Như thế, thương mẹ, anh sẽ săn sóc đến con; con tôi cũng như con anh, tôi phó thác cả cho anh nuôi đó. Rồi, mỗi tháng cha nuôi tôi sẽ gửi trả anh một số tiền năm chục bạc để bù cái công khó nhọc cho anh. Anh Thảo ôi! Tôi là người Mường, không biết nói hoa hòe, quắt quéo, anh nghĩ tình tôi thương cảnh tôi, mà cứu lấy mấy giọt máu thừa của một dòng xuýt tuyệt tự này đây!

Nếu số tôi không phải chết non, tôi đã không phiền lụy anh đến thế! Anh là người độc nhất vô nhị được rõ nguồn tâm sự của tôi; nhưng được cái lợi nhỏ nhặt ấy, anh phải trả một món nợ rất to: nuôi vợ con cho tôi. Anh không thể từ chối được, anh phải nhận! Bốn phận anh bắt anh phải nhận. Lòng nghĩa hiệp của anh không cho phép anh từ chối! Anh phải biết làm một điều phúc đức, ảnh hưởng đến muôn đời. Nếu ông cha tôi xưa kia không có tội lỗi, thì khi nào tôi chịu chết giữa lúc máu trong tim đang bùng bột thế này? Thực là số anh ạ! Đáng lẽ tôi không chết, như tôi đã nói từ trước. Tôi không hiểu vì sao, sau lúc bắn con Hồ thần kia, trong người tôi bỗng đâm ra hoảng hốt, rồi tôi lên xe giục chạy trốn. Đáng lý, bắn xong, tôi nên cứ đứng yên dưới đất, chỉ để

bạn tôi chạy mà thôi. Như thế con hổ mãi đuổi cái xe, nó sẽ không trông thấy tôi, vì tôi có phép tàng hình. Như thế tôi sẽ sống. Bởi vì tôi chạy mới thành ra kinh khủng, cảm động, đến nỗi chết ngất đi, ngã văng ra ngoài. Trong lúc mê man nhân diện trong người tôi, theo linh hồn, tỏa ra ngoài cả, lá bùa của tôi không hiệu nghiệm nữa. Con hổ kia, nhờ thế, mới liếm được trán tôi.

Chẳng qua tôi và bạn tôi đã đến ngày tận số. Ví bạn tôi không lạc đường, làm gì con hổ kia húc xe rung chuyển được; nếu cứ đường thẳng mà chạy, thì nó có theo cũng vô ích, càng theo càng đuổi dần, và dẫu có đuổi kịp tới nơi, thì mắt đã mù rồi, còn biết đường nào mà liếm má tôi được nữa? Khốn nỗi trước khi mù tịt, kia con quái kia còn

nhận được chúng tôi! Sau khi liếm mặt chúng tôi, nó còn lần được đến hang, mãi lúc, bấy giờ máu mới tràn đầy óc, gân mắt nó mới bị bại hẳn, ngọn lửa trong đồng tử nó mới tắt hẳn.

Đây, anh xem. Trời định việc gì, những việc ấy cứ tuần tự xảy ra, sức người không tài gì ngăn cản được. Số tôi không sống lâu cùng anh mãi, phải về với Peng Slao yêu quý của tôi, cho nên không vì ai giun ngủi cả, tôi tự nhiên hóa ra ngu si, dần dần không có óc suy xét, tự mình hiến thân mình cho cái Chết.

Thôi, anh Thảo ạ, nói nhiều nữa càng thêm buồn, thêm tẻ; tôi xin phép anh cho tôi được cúi chào anh và áp trên hai má anh hai cái hôn nồng nàn, biểu hiệu của tấm lòng thành thực của

tôi quý yêu anh, cảm phục và tạ ơn anh, mãi đến khi hồn bay phảng phất ra ngoài cõi sinh tồn náo nhiệt, sung sướng này...

Thôi, anh ở lại!

Đèo Lâm Khảm ngay tối hôm đó, từ giã tôi về nhà thu xếp hành lý để sáng mai ra tàu sớm. Từ ngày ấy, không bao giờ tôi gặp chàng nữa. Mất tích bạn đến ba tháng, tôi mới nhận được thư dưỡng phụ chàng báo tin cho tôi biết: tự nhiên, không bệnh tật, Khảm bỗng ngã lăn đùng ra chết vào ngày 30 tháng chạp, tức là hai tháng rưỡi sau khi chàng trả được oán thù. Theo ý chàng dặn kỹ càng trước buổi lâm chung, mộ chàng để gần mộ Peng Slao, người chàng yêu quý và mến thương thứ nhất.

Có một điều rất lạ ngày 30 tháng chạp đó, đúng đầu giờ Dậu, người con ông chủ nhà trọ của Lâm Khản, cũng như chàng, ngã quỵ xuống chết, cái vết lưỡi của Thần hổ, quá như lời bạn tôi nói thực là lợi hại và linh nghiệm.

Không phụ lòng Khản và kính trọng lời ký thác của chàng, tôi hết sức nuôi cho ba đứa con bạn tôi khôn lớn. Còn như ba người vợ Khản, tôi cho một người về quê hầu hạ ông bà huyện; hai người sau còn trẻ và đều có nhan sắc tôi tìm hộ cho những chỗ tử tế để sánh duyên, khỏi bỏ lỡ mất một đời xuân thiếu.

Lâm Khản, nếu có linh thiêng, ắt cũng chẳng nổi trách tôi không theo đúng sở nguyện chàng: cho các vợ

chàng dựa vào tôi mà sống. Con thì tôi sẵn lòng sẵn sóc, chớ hững đờ cho bạn những ba người vợ còn non hơ hớ, chẳng những tôi không dám, còn cúi đầu thành kính lạy cả ba bà cả nón lẫn khăn. Nối duyên hộ họ Đèo, biết đâu, chẳng phải là một sự có thể đưa tôi vào cõi Chết?

Bởi vì tôi đã, theo ý điên cuồng của một người bạn đương cơn hăng nói, chìm hồn vào một gấm vô đạo, làm một điều trái ngược hẳn luân thường?

Ấy thế nên ba vợ của bạn tôi, tôi đều tìm chỗ cho mà dung thân cả. Chỉ có ba đứa trẻ ngộ nghĩnh còn sót lại, thì bao giờ tôi cũng để cạnh tôi, ngộ hầu nhớ mãi quãng đời kỳ dị, phiêu linh, của bố chúng nó, bạn tôi một người đã

ngạo ngược lấy ma rừng, lại can đảm
dám tranh hùng với cọp.

Viết xong tại Hà Thành
Ngày 18 Novembre 1936
TCHYA.

